

THƯ VIỆN ĐỒNG THÁP



DAVV11.750



LỊCH SỬ
TRUYỀN THỐNG VÀ ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG
XÃ TÂN HỘ CƠ
(1872 – 1975)

(SƠ THẢO)

789

DAVV11.750

AN TUYÊN GIÁO HUYỆN ỦY TÂN HỒNG

- NĂM 2005 -



959.788
L3025



LỊCH SỬ
TRUYỀN THỐNG VÀ ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG
XÃ TÂN HỘ CƠ
(1872 – 1975)

(SƠ THẢO)



BAN TUYÊN GIÁO HUYỆN ỦY TÂN HỒNG
- NĂM 2005 -

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẶNG DANH HIỆU

ANH HÙNG LỰC LƯỢNG TRANG NHÂN DÂN

Dân quân xã Tân Hồ Cơ

Thuộc huyện Phong Nghĩa, tỉnh Đồng Tháp

*Đã lập được nhiều thành tích trong công cuộc chiến đấu
và phục vụ chiến đấu chống bọn xâm lược mới ở biên giới phía tây nam nước ta.*

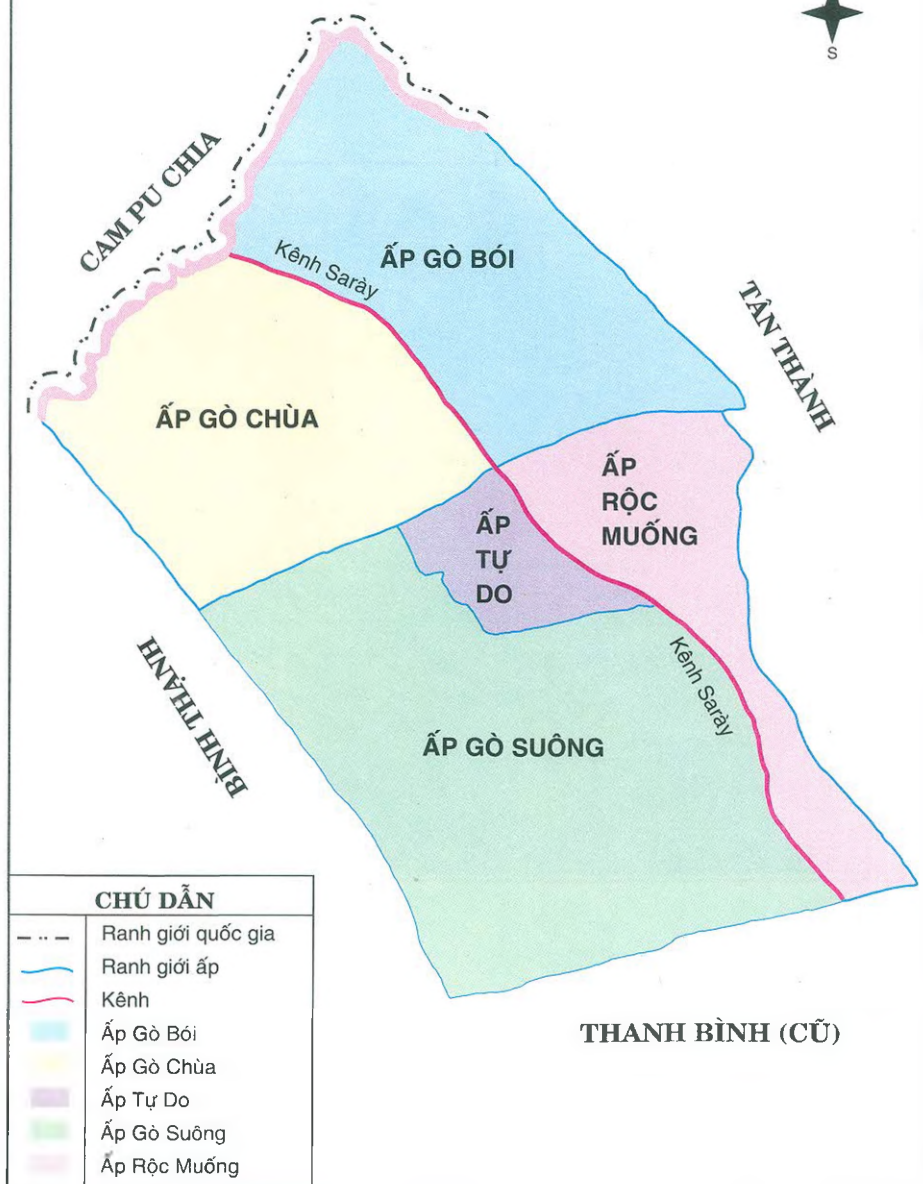
Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 1977

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

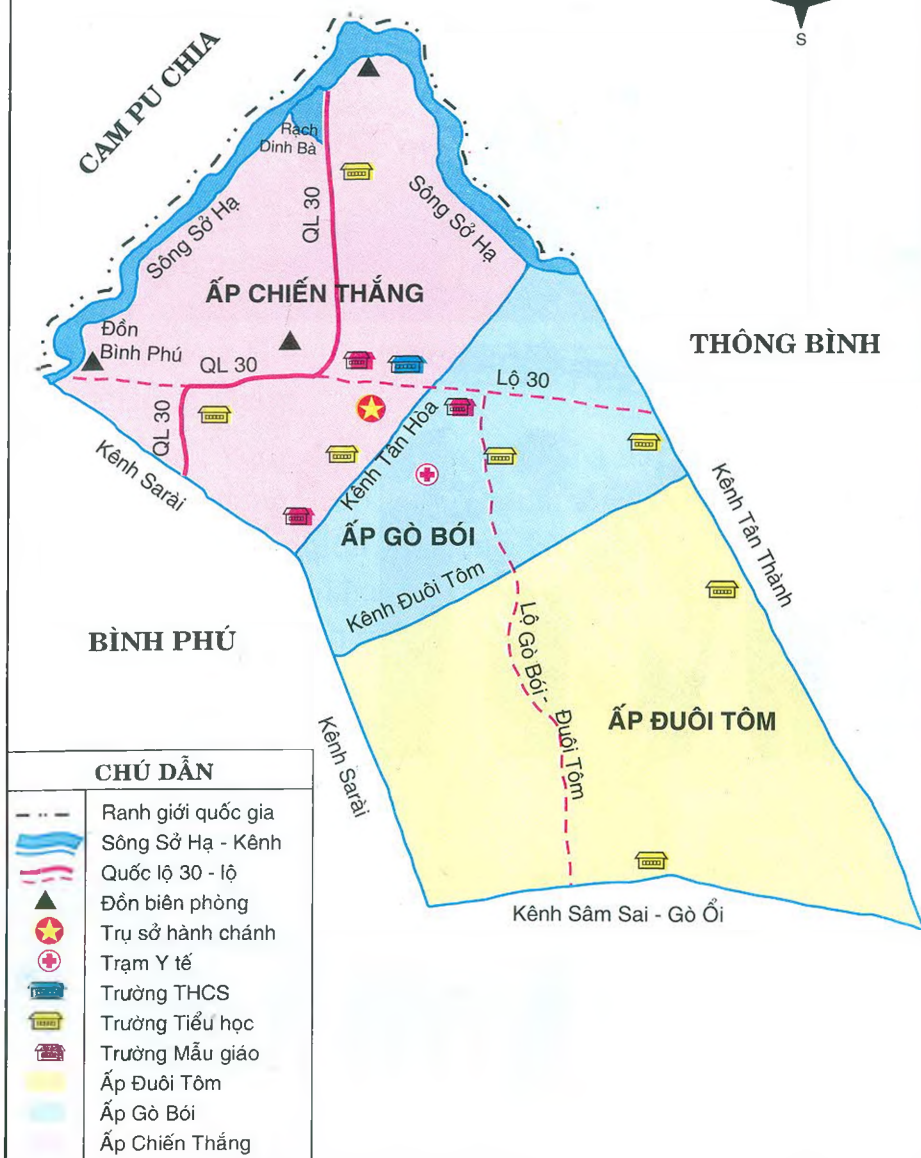
*Quê số 89, 100, ngày 20 tháng 12 năm 1977
vào sổ vào số 578/*

Đỗ Đức Thắng

BẢN ĐỒ HÀNH CHÁNH XÃ TÂN HỘ CƠ THỜI KHÁNG CHIẾN



BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH XÃ TÂN HỘ CƠ





◀ Bộ trưởng Quốc phòng
Phạm Văn Trà đến thăm
cửa khẩu Dinh Bà.

▶ Ông Trương Vĩnh Trọng
Bí thư TW Đảng,
Trưởng ban Nội chính
TW Đảng (Nguyên Bí
thư Tỉnh ủy) đến thăm
cửa khẩu Dinh Bà.



Lời Mời Đầu

Dù là xã chỉ mới được hình thành trong thời kỳ kháng chiến chín năm, nhưng Tân Hộ Cơ có cùng một diễn trình lịch sử hình thành và đặc điểm cư dân, xã hội như cả vùng Hồng Ngự - Tân Hồng, vùng biên giới của tỉnh Đồng Tháp:

Là một vùng đất với địa hình khá đặc biệt với nhiều giồng, gò, bưng, trấp... bên cạnh sông Sở Hạ, một con sông nổi tiếng nhiều cá trong vùng Đồng Tháp Mười. Ngay từ buổi đầu khai hoang lập ấp, nghề khai thác cá đã là sinh hoạt kinh tế chủ yếu của người dân. Nó là cơ sở vật chất bảo đảm cho sự phát triển xã hội, nên đến nay nó còn lưu lại nhiều dấu ấn sâu sắc trong đời sống trên nhiều lãnh vực từ ngôn ngữ đến phong tục tập quán. Trong suốt thời gian dài dưới thời quân chủ nhà Nguyễn, vùng này dân cư thưa thớt, song vẫn hòa nhập vào cuộc đấu tranh bảo vệ biên cương. Qua năm tháng, thực tiễn đấu tranh này ngày càng làm giàu thêm truyền thống yêu nước vốn có của nhân dân địa phương.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ vừa qua, dưới sự lãnh đạo của chi bộ Đảng địa phương, nhân dân Tân Hộ Cơ đã vượt qua biết bao nhiêu gian khổ đầy hy sinh mất mát. Nhân dân địa phương khéo léo vận dụng đặc điểm của địa hình tự nhiên kết hợp với truyền thống đấu tranh tích lũy từ bao đời qua vào cuộc chiến đấu, góp phần đưa cuộc kháng chiến vệ quốc vĩ đại của dân tộc đến thắng lợi cuối cùng.

Quyển Lịch sử truyền thống và đấu tranh cách mạng xã Tân Hộ Cơ là công trình phối hợp giữa Đảng ủy xã, Ban Tuyên giáo Huyện ủy Tân Hồng và Hội Khoa học Lịch sử Đồng Tháp, biên soạn cố gắng thể hiện diễn trình đấu tranh vẻ vang của nhân dân Tân Hộ Cơ.

Là quyển sách biên soạn lần đầu chắc có nhiều thiếu sót và khuyết điểm, rất mong độc giả như là các vị lão thành cách mạng vui lòng góp ý, để lần tái bản, cuốn sách được hoàn chỉnh hơn. Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Ban Tuyên giáo Huyện ủy Tân Hồng (Thị trấn Sa-Rài, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp). Điện thoại: 067.830026).

Xin trân trọng giới thiệu và cảm ơn.

Tân Hồng, ngày 19/11/2005

**BTG HU Tân Hồng
và Đảng ủy xã Tân Hộ Cơ**

Phần thứ nhất

LỊCH SỬ TRUYỀN THỐNG TỪ KHỞI THỦY ĐẾN NĂM 1930

Chương I:

KHÁI QUÁT VỀ XÃ TÂN HỘ CƠ NGÀY NAY

1. Điều kiện tự nhiên và đặc điểm về kinh tế xã hội:

Tân Hộ Cơ ngày nay là một xã nằm về phía Bắc của huyện Tân Hồng. Phía Bắc xã giáp Campuchia, phía Nam giáp xã Tân Thành B; phía Đông giáp xã Thông Bình; phía Tây giáp xã Bình Phú.

Diện tích tự nhiên là 4.329,38 héc ta, trong đó có 3.450,84 ha canh tác nông nghiệp, đất lâm nghiệp chiếm 195,38 héc ta, đất thổ cư: 158,97 héc ta.

Xã Tân Hộ Cơ nằm trên ba dãy giống: Sa-rày, Đuôi Tôm và Vẹ Bà Đam (Vẹ Đam). Đây là một vùng đất cao với nhiều gò: Hai Ngàn, gò Tàu, gò chùa Bình Phú, Côn-tà-ét (con quạ), Cây Dương, gò Da, gò Ổi, gò

Chùa, gò Suông⁽¹⁾, Cả Giáo (Xóm Lèo), gò Kho, gò Bói, Lùm Cùm, gò Rượu, gò Gòn, gò Tự Do, gò Chùa Phước Thiện, Việt Thuột, Cò Bang, Gáo Lồng Đèn, gò Bưởi...

Là vùng gò cao, nên ít sông rạch tự nhiên; chỉ có sông Sở Hạ, rạch Sa-rày và một số bưng, trấp, láng, kinh đào, là: bưng Sa-rày, bưng Bắc Trang-Cán Lộng, bưng Sấm, Sầm Sai-Gò Ổi, Tân Thành, Thầy Ba Đàn, Đuôi Tôm, Tân Hoà, Tân Thành -Lò Gạch, lág Lớn, bầu Búng, lág Nga, lág Ngan, bầu Ngót, lág Tà Thanh, bầu Găng, bầu Trầm Láng, bầu Bắc Dung, đìa Ổ Quạ. Ngoài ra, còn có một số đìa, bầu, rọc là: Bầu Đông, Bầu Chanh, rọc Cà Vàng, rọc Láng Xăng, rọc Muống và một số dứt⁽²⁾ như: dứt gò Hai Ngàn, dứt Đuôi Tôm, dứt Gò Suông, dứt Cây gáo lồng đèn...

Hầu hết các gò, giồng không cao quá 4m so với mực nước biển chuẩn, nên trong những năm mùa nước nổi lên cao thì đại bộ phận các gò đều bị ngập nước. Mùa nước thường kéo dài từ ba đến bốn tháng trong năm, có khi kéo dài đến năm, sáu tháng. Bình quân nhiều năm trong mùa nước nổi, mực nước lên từ 2 đến 3m. Trong mùa này, cá tôm theo con nước tràn vào ruộng đồng, đến khi nước rút, thường từ tháng 11 đến

(1) Gò Suông: trên gò có nhiều cây nghề thường có sấu, người đi ngang qua hay bị sấu xuống).

(2) Dứt: một dạng địa hình thấp, nằm ở cuối gò, giồng.

tháng 3 chúng tụ lại ở sông rạch, địa bầu, bưng trấp trở thành nguồn lợi thủy sản vô cùng to lớn cho nhân dân địa phương. Ngoài nguồn lợi thủy sản, hàng năm mùa nước còn mang lại cho Tân Hộ Cơ và cả vùng Đồng Tháp Mười một lượng lớn phù sa làm cho đất đai thêm màu mỡ.

Ngoài ra, dưới lòng đất Tân Hộ Cơ còn có các vỉa đá ông có thể khai thác phục vụ xây dựng và giao thông ở địa phương. Ở Tân Hộ Cơ cũng như toàn đồng bằng sông Cửu Long mùa mưa thường từ tháng 4 đến tháng 10, trong khoảng thời gian này cũng là mùa nước lên cao, đỉnh điểm thường vào tháng 8, tháng 9. Nhân dân địa phương thường gọi là "mùa nước nổi" hay "nước ngập", "nước lụt".

Vào mùa nước tất cả hoa mầu, đường xá, có khi cả nhà cửa đều bị ngập sâu trong nước, mọi đi lại đều bằng xuồng, ghe. Sau trận lụt lớn năm 2000, để bảo vệ đời sống nhân dân, chánh quyền và nhân dân địa phương đã tiến hành xây dựng nhiều đê bao theo từng tiểu vùng. Đê vừa là đường có thể đi lại bằng xe hai bánh.

Hơn hai mươi năm sau ngày đất nước hoàn toàn giải phóng, cũng như các xã khác trong huyện, Tân Hộ Cơ từ một xã nông nghiệp, nghèo nàn lạc hậu, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề, đời sống nhân dân vô cùng cơ

cực; dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương, nhân dân Tân Hộ Cơ đã vượt qua mọi khó khăn, ra sức lao động sản xuất, xây dựng... biến Tân Hộ Cơ thành một xã có đời sống khá về nhiều mặt, với vài nét tiêu biểu như sau:

- Về kinh tế: vẫn là một xã chuyên nông nghiệp, nhưng sinh hoạt kinh tế rất phong phú đa dạng, ngoài cây lúa, còn có nuôi trồng lâm thủy sản, tiểu thủ công, dịch vụ. Với diện tích gieo trồng 5.440 ha mang lại sản lượng 35.904 tấn/năm; đó là chưa kể 150 ha màu, vườn tạp và cây công nghiệp. Chăn nuôi gia súc phát triển với 500 trâu bò (trên 100 bò lai sind) và nuôi cá trong ao hồ, bè trên sông với sản lượng 220 tấn/năm; có 280 hộ kinh doanh thương mại - dịch vụ vừa và nhỏ.

- Về giáo dục - y tế và xã hội: đến năm 2003, có 2.475 học sinh, đạt tỷ lệ 97% trẻ ở độ tuổi đi học đến trường; trong đó có 1.050 học sinh PTTHCS, 1.198 học sinh tiểu học và 218 học sinh mẫu giáo và ba điểm giữ trẻ. Về y tế đã khám và chữa bệnh cho 8.276 lượt người; trong đó có 1.099 lượt bệnh nhân thuộc đối tượng chánh sách và 1.494 lượt thuộc đối tượng nghèo. Trong xã còn 173 hộ nghèo chiếm tỷ lệ 8,23 %.

- Kết hợp với công tác thủy lợi, đê bao chống lụt, hệ thống giao thông nông thôn trong xã tương đối hoàn chỉnh với cầu kiên cố và đường lát đá, tạo điều kiện đi

lại cho nhân dân ngay cả mùa nước lên. Hầu hết các ấp có điện lưới; tỷ lệ các hộ có máy nghe nhìn và điện thoại trên 50%.

Nhìn chung đời sống nhân dân chưa phải là cao, nhưng sự chênh lệch giữa các hộ giàu và hộ khá và hộ có mức sống trung bình không cao lắm. Các hộ nghèo và hộ chính sách thường xuyên được chính quyền, các đoàn thể và nhân dân quan tâm giúp đỡ trong tình cảm đồng bào truyền thống của dân tộc.

2. Vài nét về dân cư - văn hóa.

- Thay đổi địa giới hành chính:

Trong bản danh mục phân ranh hành chính của trấn Định Tường do Trịnh Hoài Đức lập vào khoảng năm 1820, cho thấy **khu vực huyện Tân Hồng ngày nay**, lúc bấy giờ thuộc địa giới của hai thôn Tân Thạnh và Tân Phú (tổng Kiến Phong, huyện Kiến Đăng, trấn Định Tường⁽¹⁾). Địa bàn này, đến khoảng năm 1836, tọa lạc ở phía Bắc của hai thôn An Phong và An Long nằm trong tổng Phong Thạnh, huyện Kiến Phong, tỉnh Định Tường. Trong địa bạ Nam Kỳ năm 1836, địa giới hai thôn này ghi như sau:

(1) Trịnh Hoài Đức: *Gia Định thành thông chí*, tập Trung, tr58-59

- "An Long thôn, ở hai xứ Thâm Du và Thương Tân,
● Đông giáp thôn Phong My và rạch Tham Si,
● Tây giáp rạch Thanh Trúc và thôn Tân Thạnh, lại
giáp rạch Thị Cẩm và thửa sở Thông Bình thuộc tỉnh.
● Nam giáp sông lớn và rạch nhỏ,
● Bắc giáp rừng hoang của bản thôn và đầm Cổ
Chiên".

- "An Phong thôn, ở xứ Nhu Cương.
● Đông giáp rừng hoang,
● Tây giáp sông lớn, rạch Hiệp Ân, rạch Điện Hầu
Thượng và Điện Hầu Hạ,
● Nam giáp sông nhỏ và địa phận thôn Tân Thạnh,
● Bắc giáp rạch nhỏ và rừng hoang" ⁽¹⁾.

Và thôn Vĩnh Thạnh giáp với Tân Thành ở phía
Tây, địa bạ chép:

Vĩnh Thạnh thôn, ở xứ Cần Thư.

● Đông giáp rạch Chanh Cừ Chuyển Bồng và thôn
Truyền Thạnh,
● Tây giáp gò Cốt Sa và rạch Bói,
● Nam giáp rừng hoang,

(1) Nguyễn Đình Đầu: *Nghiên cứu Địa bạ triều Nguyễn-tỉnh Định Tường*, tr 212.

● Bắc rạch Thảo Đà.⁽¹⁾

Địa giới trên cho thấy, ngày xưa hai thôn An Long và An Phong rất lớn, còn Tân Thạnh vốn là một phần ở phía Bắc của hai thôn này. "Xứ" ở đây nên hiểu là xóm hay một khu vực. Xứ Như Cương trải dài từ thôn Tân Thạnh (nay thuộc xã Tân Thạnh, huyện Thanh Bình) qua gò Cốt Sa (tức giống Sa-rây ngày nay) đến hai rạch Diện Hầu Thượng và Diện Hầu Hạ (tức hai sông Sở Thượng, Sở Hạ ở biên giới). Rạch Hiệp Ân là đoạn sông từ chỗ hai rạch Diện Hầu thượng và hạ gặp nhau đến sông Tiền, tức là rạch Hồng Ngự. Còn phía thôn An Long thì đất Tân Thành chạy đến thủ sở mới Thông Bình và rạch Thảo Đà tức rạch Cái Cỏ ở phía Tây Bắc, còn phía Bắc đến đầm Cổ Chiên tức Bàu Đông (thuộc xã Tân Hộ Cơ hiện nay).

Địa giới này được giữ nguyên cho đến khi thực dân chiếm Nam kỳ. Vào khoảng 1872-1889 vùng này nằm trong tổng An Phước thuộc hạt Châu Đốc, gồm các làng Bình Thạnh, Tân Hội, Tân Thành⁽²⁾.

Đầu thế kỷ XX, tỉnh Châu Đốc được thành lập, vùng này vẫn thuộc tổng An Phước, với bốn làng: Bình Thạnh, Tân Thành, Tân Hội và Bình Phú⁽³⁾.

(1) Nguyễn Đình Đầu: *Sđd*, tr.266

(2) *Lịch An nam thông dụng Nam Kỳ, Tuế thứ canh dần 1890.*

(3) *Monographie de la Province de Châu Đốc*, 1903, tr.18.

Năm 1917, vùng này thuộc quận Tân Châu, tỉnh Châu Đốc, vẫn gồm bốn làng nói trên⁽¹⁾.

Đến 1955, chánh quyền Ngô Đình Diệm lập thêm làng Thông Bình, còn Bình Phú thì sáp nhập vào Bình Thạnh:

Bình Thạnh 174,5 km², 3.440 dân

Tân Hội 11,7 km², 4.534 dân

Tân Thành 112,2km², 5.538 dân

Thông Bình 93,3 km², 12.013 dân.

Tiền thân xã Tân Hộ Cơ là một ấp của xã Bình Thạnh (Hồng Ngự), phía Tây Bắc giáp sông Sở Hạ (từ kho Cả Chanh đến gò Côn-tà-ét, giáp biên giới Campuchia), phía Đông Nam giáp xã Tân Thành cũ, phía Đông giáp Cây gáo Lồng Đèn-Giồng Găng, phía Tây Nam giáp xã Bình Thạnh lấy ranh giới từ kho Cả Chanh dọc xuống Bắc Dung, bưng Cán Lộng, Bắc Chang, lung Sấm, lung Bông, giáp ranh giới xã An Bình, An Long.

Cho đến khi cướp chánh quyền trong cách mạng tháng 8/1945, vùng này có tên gọi chung là giồng Sa-rày hoặc bưng Sa-rày (Bắt đầu từ vàm rạch Sa-rày sông Sở Hạ (Bình Phú); rạch Sa-rày và giồng Sa-rày chạy song song nhau từ sông Sở Hạ (Bình Phú) - Dinh Bà xuống gò Cây Gáo Lồng Đèn.

(1) *Vade mécum ANNAMITE Administratif, Commercial, Agricole & Littéraire, 1917.*

Trong kháng chiến chống Pháp, do yêu cầu hoạt động cách mạng, xã Bình Thạnh quá rộng, đã tách xã này ra thành lập xã Tân Hộ Cơ ⁽¹⁾ vào năm 1948.



Như vậy, trước năm 1948, địa bàn xã Tân Hộ Cơ thuộc xã Bình Thạnh, bao gồm các xã Tân Hộ Cơ, Bình Phú, Tân Công Chí, thị trấn Sa-rày và một phần của xã Tân Thành B ngày nay.

Sau 1954 nguy quyền Ngô Đình Diệm cưỡng ép một số dân ở miền Trung (chủ yếu là Quảng Nam và Quảng Ngãi) vào thành lập khu dinh điền, khu trù mật ở giống Sa-rày: Đôn Phục, gò Bói, gò Chùa, gò Da.

(1) Trong suốt thời kỳ chống Mỹ xâm lược (1954-1975), trên địa bàn đất Bình Thạnh cũ, về phía nguy quyền Sài Gòn vẫn là xã Bình Thạnh; về phía cách mạng là hai xã Tân Hộ Cơ và Tân Công Chí (được thành lập năm 1968)

Về tên gọi Tân Hộ Cơ, được nhân dân giải thích như sau: do ông Nguyễn Văn Cơ, một người yêu nước, thất chí trước những bế tắc của các phong trào yêu nước, xuống tóc đi tu. Khoảng năm 1940, lúc nhà sư Trần Liên đến Sa-rày lập chùa, ông Nguyễn Văn Cơ nhận thấy sư Trần Liên chẳng những là một nhà tu có đạo hạnh cao, mà còn là một người yêu nước, nên ông không ngần ngại đến quy y. Với sự tiếp tay của ông, chùa trở thành một cơ sở cách mạng. Chùa vừa là nơi trú đóng của nhiều cơ quan, đơn vị, vừa cung cấp lương thực, thuốc men cho cán bộ, bộ đội, du kích địa phương. Khoảng năm 1947, đội du hình (Ban ám sát của ta) thường trú đóng trong chùa. Ngày 30/7/1947 (nhằm ngày 15/7 năm Đinh Hợi), giặc Pháp đột kích bao vây chùa. Ban ám sát và mọi người phân tán lẫn tránh, ông tình nguyện ở lại cất giấu tài liệu và các vật dụng có liên quan đến kháng chiến. Trong lúc cấp bách, Ban ám sát bỏ quên hai quả lựu đạn, mà ông cũng sơ ý không thấy. Giặc tịch thu lựu đạn và bắt ông đánh đập tàn nhẫn để khai thác. Nhưng ông cắn răng chịu đòn roi, không khai báo. Chúng tức giận bắn chết ông, rồi phóng hỏa đốt chùa.

Để tưởng nhớ đến công lao và tấm gương hy sinh vì đại nghĩa của ông, khi thành lập xã, tên ông được chánh quyền cách mạng và nhân dân lấy làm tên xã. Tân là xã mới lập; Cơ là tên ông; Hộ có nghĩa là bảo vệ, hộ vệ, ý muốn nhắc đến nghĩa cử cao cả của ông " - vì hộ vệ cho cách mạng mà phải hy sinh". Song cũng có cách giải thích khác, cho là Tân Hộ là chỗ ở mới, còn Cơ là tên ông.



- Tình hình quần tụ dân cư:

Dân cư xã Tân Hộ Cơ được tập trung từ nhiều nguồn:

Đến nay chưa có tư liệu để xác minh, cư dân người Việt đến đây cư ngụ lúc nào. Theo các vị cao niên thì cư dân tại chỗ không nhiều lắm, trong đó có khoảng gần 100 hộ người Khơme tập trung ở gò Gòn, gò Kho, gò Da; khoảng 50 hộ người Việt và một ít người Chăm sống trên sông Sở Hạ với nghề hạ bạc⁽¹⁾.

Khu vực có người cư ngụ sớm⁽²⁾: vùng ven sông Sở Hạ, Bình Phú, Dinh Bà, gò Bói, gò Cây Dương (thầy Trần Minh Châu), dứt gò Suông, gò Ổi, gò Kho, gò Côn-tà-ét, gò Rậm (gò Bưởi).

Người Khơme thường tập trung cư ngụ ở các gò: Cả Giáo, gò Da, gò Kho, gò Bói, giồng Đuôi Tôm. Ngoài ra, di tích văn hoá Khơme còn lưu lại ở gò Côn-tà-ét, dứt gò Suông, giồng Đuôi Tôm...

(1) Là nghề đánh bắt cá.

(2) Có ông Dương Văn Tuấn đến ngụ ở đây từ năm 1900, ông Thìn (thân sinh của ông Tám Ấu). Một số dòng họ cổ cội còn được biết đến nay là ông Cao Văn Kỳ và ông Tư Cự ở Dinh Bà; ông chủ Đỗ, ông Đặng Văn Ngàn (xã Ngàn) ở Bình Phú; Ba Hùng, Sáu Kỷ ở gò Cây Dương, Huỳnh Văn Bang (Cò Bang), ông Nghệ ở gò Chùa; ông Nguyễn Văn Vui, Nguyễn Văn Khoán ở gò Rươi; Nguyễn Văn Tùng, Nguyễn Văn Tháy ở gò Kho; ông Tư Tôn ở gò Da; ông Dương Văn Thông, ông ba ở gò Ổi; Năm Đắc, Mười Tâm ở gò Suông... Đồng nhứt là hai họ Dương, họ Đặng, các họ này đến cư ngụ ở Tân Hộ Cơ từ năm 1930 trở về trước.

Vào năm 1945, do người Khơme nổi dậy, nên có một số cư dân Khơme và người Việt ở khu vực biên giới chạy sang Tân Hộ Cơ.

Năm 1947 do bọn phản động lợi dụng tôn giáo kích động gây ra cuộc nổi dậy của tín đồ Phật giáo Hoà Hảo, một số dân cư có cả cán bộ ở An Giang cư ngụ ở cù lao Tây, cù lao Long Thuận, Phú Thuận và hai xã Phú Xuân, Long Sơn (An Giang) chạy đến. Đây là nguồn cư dân chiếm số đông ở xã Tân Hộ Cơ. Ngoài ra, đến năm 1957 chánh quyền Ngô Đình Diệm có đưa một số dân miền Trung (Quảng Nam, Quảng Ngãi...) lập một số khu dinh điền và áp chiến lược.

- Văn hóa:

Như một số xã khác ở Tân Hồng, một huyện giáp với nước bạn Campuchia, trên cái nền chung của văn hóa dân tộc Việt Nam, nhân dân Tân Hộ Cơ tiếp xúc, giao lưu lâu đời với văn hóa Khơme. Một số địa danh (chủ yếu là tên các gò) đến nay vẫn còn mang âm sắc Khơme, một số miếu thờ neak tà (Ông Tà), một số nghi thức thờ cúng khác và một vài món ăn thỉnh thoảng xuất hiện trên mâm cơm hàng ngày... là vết tích của quá trình giao lưu văn hóa này.

Bên cạnh đó, nơi này, nơi khác trong xã còn có tục thờ cúng bà Chúa xứ, cúng thổ (cúng đất, khác với kiến

đất đai viên trạch) với nghi thức múa bóng (bóng rối)... đó là chứng tích còn sót lại của văn hóa Chăm.

Tín ngưỡng phổ biến trong đại bộ phận nhân dân là thờ cúng ông bà, tổ tiên, những bậc có công với làng xóm qua các thời kỳ lịch sử, như các địa phương khác. Tuy nhiên, có một đặc điểm đáng lưu ý về tôn giáo ở đây là tỷ lệ dân theo các đạo rất thấp. Trong số 9.367 dân cư trong xã chỉ có 306 người có đạo. Chia ra: Phật giáo có 203 tín đồ, Cao đài có 64 tín đồ và Phật giáo Hòa Hảo chỉ có 39 tín đồ.

Bên cạnh công cuộc bảo lưu, khôi phục mặt tích cực của văn hóa truyền thống, ngày nay bà con hưởng ứng cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư". Cuộc xây dựng diễn ra từ đơn vị gia đình, đến xóm ấp, cơ quan trường học, chợ búa... tạo nên bộ mặt mới cho xã. Có trên 95% hộ đăng ký tham gia, các ấp đều đăng ký. Ngoài ra, xã còn thành lập được nhiều câu lạc bộ tài tử ở các ấp, sinh hoạt thường xuyên... giúp cho cuộc sống của người dân thêm phong phú, đa dạng.

Chương 2:

LỊCH SỬ TỪ KHỞI THỦY ĐẾN NĂM 1930

1. Vùng Tân Hộ Cơ trong buổi khai phá:

Các tài liệu còn được biết đến nay chưa đủ để xác định cụ thể thời điểm mà lưu dân người Việt đến khai hoang lập ấp ở đây. Tuy nhiên, việc xuất hiện các tụ điểm cư dân ở ven sông Tiền và ở thượng nguồn sông Bát Chiên (Vàm Cỏ Tây) cho thấy người Việt biết đến vùng này khá sớm. Sau sự kiện chúa Nguyễn Phước Tần thu nạp đám di thần nhà Minh cho vào cư ngụ ở xứ Đồng Nai năm 1679, các tụ điểm dân cư lần lượt hình thành ở Biên Hòa, Mỹ Tho, Sa Đéc với sự chung sống của người Việt, người Hoa, người Chăm... Năm 1698, Nguyễn Hữu Cảnh vâng lệnh chúa Nguyễn vào Nam kinh lược, xác lập chủ quyền của người Việt ở hai dinh Trấn Biên và Phiên Trấn mà cụ thể là phần đất từ sông Đồng Nai đến sông Tiền, tức là bao trùm luôn phần đất của Tân Hồng. Năm 1731, sau chiến thắng của Trần Đại Định ở vườn trầu (Hóc Môn), đại binh Đàng Trong chia làm ba cánh truy nã liên quân Chân Lạp-Ai Lao:

- Trương Phước Vĩnh theo ngã sông Tiền,
- Nguyễn Phước Triêm theo ngã sông Bát Chiên (Vàm Cỏ Tây),

- Trần Đại Định theo đường Quang Hóa (Tây Ninh) vượt sông Vàm Cỏ Đông sang Svay-Riêng.

Dương nhiên là cánh quân Nguyễn Phước Triêm từ sông Bát Chiên phải qua rạch Phiếm Gia (Cái Cái), Thảo Đà (Cái Cỏ) trên vùng Sa-ray để sang Chân Lạp. Năm 1754, để chinh phạt quân Chân Lạp xâm phạm biên cảnh, Nguyễn Cư Trinh kéo quân theo ngã sông Bát Đông đến phía bắc Tần Lê để hội quân với Thiện Chánh Hầu ở sông Tiền, tất nhiên phải qua sông Diện Hầu Hạ (Sở Hạ), rồi Diện Hầu Thượng (Sở Thượng) để ra sông Tiền. Lại đến năm 1757, chánh quyền chúa Nguyễn tiếp thu đất Tầm Phong Long (giữa sông Tiền và sông Hậu), lập ra Đông Khẩu đạo ở Sa Đéc, Tân Châu đạo ở Tiền Giang (đóng lỵ sở ở Long Sơn, huyện Tân Châu, An Giang ngày nay). Để bảo đảm an ninh biên giới, chúa Nguyễn cho hình thành hai cụm dân cư người Chăm, cũng là hai đồn thủ, một ở Châu Đốc, một ở Tây Ninh. Hai đồn thủ này được nối liền bằng một hệ thống gồm các thủ sở: Tân Châu, Hùng Ngự, Thông Bình, Phong Kha Minh, Tuyên Oai băng ngang qua vùng đất Tân Thành của Đồng Tháp Mười.

Như vậy, có thể nói từ khi Nguyễn Hữu Cảnh vào Nam kinh lược (1698) đến trước cuộc chiến tranh Tây Sơn - Nguyễn Ánh trên đất Nam Bộ (1775), trên đất Tân Thành đã có một số ít lưu dân người Việt đến cư ngụ, rải rác ven các sông rạch Diện Hầu Hạ (Sở Hạ),

Thảo Đà (Cái Cỏ), đông hơn cả là cả rạch Phiếm Gia (Cái Cái), nơi đóng thủ sở Thông Bình sau này. Các tụ điểm cư dân thủ Chiến Sai, Tân Châu, Hùng Ngự, Tuyên Oai sẽ trở thành xuất phát điểm của các luồng di dân đến Tân Thành sau này.

Trong chiến tranh Tây Sơn - Nguyễn Ánh trên đất Nam Bộ (1775-1788), vùng Tân Thành ít chịu ảnh hưởng. Đó là điều kiện để lưu dân người Việt về đây lập nghiệp ngày càng đông. Từ năm 1789, chiến tranh lùi dần ra Trung và Bắc; để có đủ sức người, sức của theo đuổi cuộc chiến với Tây Sơn, Nguyễn Ánh ra sức vơ vét tài vật ở Nam Bộ. Trên địa bàn Hùng Ngự - Tân Thành lúc bấy giờ có tới 68 sở thủy lợi; sở thủy lợi ở đây phải hiểu là sở khai thác cá trên hai sông Diên Hầu Thượng và Diên Hầu Hạ (Sở thượng, Sở hạ) đã nộp vào ngân sách Nguyễn Ánh một kinh phí rất lớn. Để tránh thất thoát tiền thuế và củng cố an ninh biên giới, chính quyền Nguyễn Ánh sắp xếp lại hệ thống đồn thủ ở biên giới, giao cho đồn thủ Tuyên Oai kiêm lĩnh hai thủ sở Phong Kha Minh và Thông Bình, vì vùng này vào mùa mưa nước ngập lụt thuyền bè chở hàng hóa theo sông Bát Chiên (Vàm Cỏ Tây) qua rạch Phiếm Gia (Cái Cái) sang Nam Vang trốn thuế. Năm 1795, để giữ yên biên giới Tây Nam, rảnh tay đối phó với Tây Sơn ở phía Bắc, Nguyễn Ánh ra lệnh giao toàn bộ các sở thủy lợi nói trên cho Chân Lạp.

Đến cuối thế kỷ XVIII, trên địa bàn vùng Sa-ray dù chưa hình thành tổ chức xã thôn ổn định; song với hoạt động quản lý mang nặng tính quân quản đã góp phần tích cực vào việc ổn định đời sống nhân dân địa phương, tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế - xã hội sau này. Dân cư các nơi tụ họp về rạch Phiếm Gia (Cái Cái) khai khẩn ruộng đất, nhưng chủ yếu vẫn là khai thác nghề cá ngày một đông hơn ở đồn thủ Tuyên Oai, nên năm Gia Long thứ XVIII (1819), quyết định dời thủ sở Thông Bình về rạch Phiếm Gia (Cái Cái) ở vị trí Thông Bình hiện nay. Hiện nay, ở ấp Chòi Mòi thuộc xã Thông Bình, còn dấu tích của một đồn cũ nằm ở phía đông rạch Cái Cái (còn gọi là rạch Thông Bình) có diện tích khoảng 3 công đất với một bờ lũy hình cánh gà, hai đầu cánh gà cách nhau 80m, chân lũy rộng 15m, được dân gian gọi là "đồn quan đằng cựa" hay đồn Gốc Tre. Có khả năng, đây là phế tích của thủ sở Thông Bình. Lúc bấy giờ thủ sở Thông Bình chẳng những là một đồn biên phòng quan trọng trong hệ thống đồn thủ biên giới từ Châu Đốc đến Tây Ninh mà còn là điểm thu thuế thủy lợi (khai thác cá) quan trọng vào bậc nhất ở "ngư trường" Đồng Tháp Mười. Lúc ấy, thì thủ sở Thông Bình là chốt biên giới tiền tiêu nhô ra sát biên giới Chân Lạp, thủ sở Hùng Ngự (Hồng Ngự sau này) còn đóng ở vàm Đốc Vàng (thuộc xã Tân Thạnh, Thanh Bình ngày nay). Năm 1836, mặc dù chỉ là một

thủ sở, nhưng Thông Bình trở thành một tụ điểm dân cư có tầm quan trọng về mặt kinh tế lẫn quốc phòng. Tại đây, người Việt chung sống với người Khơme, người Hoa, người Chăm... chủ yếu là "khai thác sản vật của rừng, hồ ao" và buôn bán các sản vật đó. Dưới thời Thiệu Trị (1840-1847), có nhiều "thổ dân, thổ mục" người Khơ me tới làm ăn sinh sống quanh thủ sở Thông Bình, rồi xin ở lại luôn chớ không chịu về Chân Lạp; đến năm 1853, dưới thời Tự Đức lại có thêm một số nữa đến sinh sống ⁽¹⁾. Sự gia tăng cơ học trong dân số do việc di trú của nhiều nhóm cư dân có nguồn gốc khác nhau và trong nhiều thời điểm, hoàn cảnh khác nhau có thể gây ra những xáo trộn nhứt định về mặt xã hội; song chính sự qui tụ đó lại dần dần hình thành khả năng và sức mạnh mới trong cuộc sống vật chất lẫn tinh thần của cộng đồng người Việt ở vùng biên giới này. Nên không lạ gì khi thấy bên cạnh cái nhà nền đất đắp cao là cái nhà sàn; bên cạnh chiếc xuồng ba lá có chiếc thuyền độc mộc bằng thân cây thốt nốt; bên cạnh việc thờ cúng ông Địa trong nhà lại có miếu ông Tà ngoài ruộng...

Hoạt động chủ yếu trong khai thác sản vật thiên nhiên ở đây là đánh bắt cá. Do điều kiện tự nhiên thuận lợi, nên có thể nói nguồn cá ở đây là "vô tận". Đánh bắt

(1) Đại Nam thực lục: Quốc sử quán, tập XXVII, tr. 383-384.

cá trở thành một loại hình hoạt động kinh tế truyền thống lâu đời của cư dân địa phương, tùy theo môi trường địa lý của từng khu vực mà kỹ thuật đánh bắt khác nhau. Trên các sông rạch thì đánh bắt bằng cách xây nò, đóng đáy, thả lưới... ở các sở thủy lợi:

"Mặt dòn thượng hạ song song,

Diện Hầu thượng, hạ chữ trong bộ làng.

Tục kêu hai xứ rõ ràng,

Sở Trên, Sở Dưới muôn ngàn đông dân" ⁽¹⁾.

Mặt, dòn là tiếng nhà nghề của nghề cá, là hai hàng ruộng đóng đáy hay xây nò. Rạch Diện Hầu Thượng, nơi đóng sở thủy lợi ở phía trên, nên có tên là Sở Trên hay Sở Thượng. Rạch Diện Hầu Hạ, nơi đóng sở thủy lợi ở phía dưới được gọi là Sở Dưới hay Sở Hạ. Còn trong nội đồng kỹ thuật phổ biến nhất là đào đìa. Hồi ấy (1836), tổng Phong Thạnh có 450 khẩu đìa; riêng thôn An Long (bao gồm cả Tân Thành và Tân Hộ Cơ ngày nay) có tới 300 khẩu⁽²⁾ (một khẩu đìa ứng với 48,9440m²), trong khi ruộng đất thực canh chỉ có 31 sở ruộng và 62 sở trồng hoa mầu. Trong mùa cá 1846-1847, để được phép khai thác cá, ngư dân ở hai khu vực Diện Hầu Hạ (Sở Hạ) và xứ Như Cương (cả hai đều thuộc vùng Sa-ray) sẵn sàng nộp cho nhà nước 26.130

(1) Nguyễn Liên Phong: *Nam kỳ phong tục nhân vật diễn ca*, NXB Phát Toán, S. 1909, tr.58.

(2) Nguyễn Đình Đầu: *Sđd*, tr.212.

quan tiền, tương đương với số tiền thuế đánh trên 13.065 mẫu vườn hạng nhứt (theo qui định về ruộng đất ở Nam kỳ hồi năm 1836: 2 quan/mẫu/năm)⁽¹⁾. Cho thấy nguồn lợi cá ở đây rất lớn, thu hút nhiều cư dân đến đây cư ngụ và bỏ tiền ra khai thác. Sinh hoạt đánh bắt cá và chế biến (làm khô, làm mắm...) trở thành sinh hoạt truyền thống trong đời sống kinh tế-văn hóa của vùng này. Nhân dân ở đây có tục cúng "cầu ngư" vào lúc cá rút ra sông rạch sau mùa lũ vào cuối năm và thôn An Phong, tức gồm cả Tân Thành được triều đình cấp sắc "*Nam Hải tứ vị tôn thần*" vào năm Thiệu Trị thứ V (1845), cùng với sắc "*Bốn cảnh Thành hoàng chi thần*" như các thôn chuyên nông nghiệp. Hoạt động khai thác nguồn lợi tự nhiên gắn liền với hoạt động mua bán trao đổi, khiến trong giai đoạn này hoạt động thương nghiệp ở đây rất phổ biến, thông qua sông Sở Hạ, rồi Sở Thượng ra sông Tiền, hoặc qua rạch Cái Cái hay Cái Cỏ đến sông Bát Chiên.

Tục cúng cầu ngư ở đây diễn ra vào các ngày 9, 10, và 11 tháng 12 âm lịch. Hiện nay, đình làng An Phong còn lưu giữ 6 lá sắc: hai lá đề ngày 27 tháng 11 năm Thiệu Trị thứ V (tức 27-11-1845), hai lá đề ngày 26 tháng 12 năm Thiệu Trị thứ V (tức ngày 23-1-1846) và hai lá đề ngày 8 tháng 11 năm Tự Đức thứ III (tức ngày 11-12-1850). Điều đó, cho thấy mỗi lần thôn này được cấp hai lá sắc: một cấp cho *Đại Càn Quốc Gia Nam Hải*

(1) *Đại Nam thực lục: Quốc sử quán, tập XVIII, tr. 86-87.*

tứ vị tôn thần và một cấp cho Bốn cảnh thành hoàng chi thần⁽¹⁾.

(1) Xin đơn cử mỗi loại một là để tham khảo:

Sắc phong cho Nam Hải tứ vị tôn thần, ngày 27 tháng 11 năm Thiệu Trị thứ V.

"Sắc Đại càn Quốc Gia Nam Hải Hàm hoàng Quang đại Chí đức tứ vị Thượng Đẳng thần, hộ quốc tỳ dân trừ nã linh ứng. Minh Mạng nhị thập nhất niên trị ngā Thánh tổ Nhân hoàng đế ngũ tuần đại khánh tiết, khâm phụng bảo chiếu đùm ân, lễ long đăng trật. Tứ kim phỉ ứng cảnh mệnh, miễn niệm thần hưu khả gia tặng Hàm hoàng Quang đại Chí đức Phổ bác tứ vị thượng đẳng thần, nhưng chuẩn Kiến Phong huyện An Phong thôn y cựu phụng sự. Thần kỳ tướng hậu bảo ngā lê dân. Khâm tai.

Thiệu Trị ngũ niên thập nhất nguyệt nhị thập thất nhật.

Sắc mệnh chi bảo (ấn)

Dịch nghĩa:

Sắc Bốn vị thượng đẳng thần Hàm hoàng Quang đại chí đức làm lớn mạnh nam hải của nước nhà, giúp nước cứu dân từng nhiều lần hiển hiện linh ứng. Năm Minh Mạng thứ 21 gặp ngày lễ lớn mừng thọ 50 tuổi của thánh tổ Nhân hoàng đế ta, kính phụng lời chiếu ban ơn, đã làm lễ cho nâng bậc. Ta nay vâng mệnh sáng của Trời, nghĩ nhớ đức tốt của thần, tặng thêm làm Bốn vị Thượng đẳng thần Hàm hoàng Quang đại Chí đức Phổ bác. Vẫn chuẩn cho thôn An Phong huyện Kiến Phong thờ phụng như cũ. Thần thì phải giúp đỡ bảo vệ dân đen của ta. Kính đấy.

Ngày 27 tháng 11 năm Thiệu trị thứ V (tức ngày 17-12- 1845)

Đóng dấu " Sắc mệnh chi bảo".

Sắc phong cho Bốn cảnh thành hoàng chi thần:

Sắc An Phong Bảo an thành hoàng chi thần, hộ quốc tỳ dân nã trừ linh ứng. Minh Mạng nhị thập nhất niên trị ngā Thánh tổ Nhân hoàng đế ngũ tuần đại khánh tiết, khâm phụng bảo chiếu đùm ân, lễ long đăng trật. Tứ kim phỉ ứng cảnh mệnh, miễn niệm thần hưu khả gia tặng Bảo an Chính trực chi thần, nhưng chuẩn Kiến Phong huyện An Phong thôn y cựu phụng sự. Thần kỳ tướng hậu bảo ngā lê dân. Khâm tai.

Thiệu Trị ngũ niên thập nhất nguyệt nhị thập thất nhật.

Sắc mệnh chi bảo (ấn)

Dịch nghĩa:

Sắc: Thần Thành hoàng bốn cảnh thôn An Phong là thần giúp nước cứu dân, từng nhiều lần linh ứng. Năm Minh mạng thứ 21 gặp ngày lễ lớn mừng thọ 50 tuổi của thánh tổ Nhân Hoàng đế ta, kính phụng lời chiếu ban ơn, đã làm lễ cho nâng bậc. Ta nay vâng mệnh sáng của Trời, nghĩ nhớ đức tốt của thần, tặng thêm là thần Bảo an Chính trực. Vẫn chuẩn cho thôn An Phong huyện Kiến Phong thờ phụng như cũ. Thần thì phải giúp đỡ bảo vệ dân đen của ta. Kính đấy.

Ngày 27 tháng 11 năm Thiệu trị thứ V (tức ngày 17-12- 1845)

Cả hai lá sắc có ghi câu: "*Minh Mạng nhị thập nhất niên trị ngã Thánh tổ Nhân hoàng đế ngũ tuần đại khánh tiết, khâm phụng bảo chiếu đàm ân, lễ long đăng trập*"⁽¹⁾".

Cũng như ngày trước, Đồng Tháp Mười, nhứt là những nơi sát biên giới như vùng Tân Thành là nơi ẩn trú của những người phạm pháp, bất tuân, trốn tránh luật lệ phong kiến đương thời. Tàn binh của Lê Văn Khôi sau khi triều đình chiếm lại thành Châu Đốc (An Giang), Mỹ Tho (Định Tường) như những người trốn thoát từ công trường đào kinh Vĩnh Tế ngày trước thường ẩn mình trong vùng này. Cũng cần phải kể thêm, để bảo vệ tuyến biên giới Tây Nam, chống lại sự xâm nhập của Chân Lạp, binh đội triều Nguyễn thường sử dụng khu vực biên giới này vừa như một tuyến phòng thủ, vừa là một đầu cầu tập trung lực lượng để đánh trả vào đối phương.

(1) Có nghĩa là: năm Minh Mạng thứ 21 gặp ngày lễ lớn mừng thọ 50 tuổi của Thánh tổ Nhân hoàng đế ta, kính phụng lời chiếu ban ơn, đã làm lễ cho nâng bậc. Trong sách Đại Nam thực lục có nói rõ: để chào mừng trọng thể ngày sinh nhật thứ 50 của mình vào năm 1840, ngày Tết Nguyên Đán năm Canh Tý, tức năm Minh Mạng thứ 21 (3-2-1840), vua Minh Mạng (có miếu hiệu là Thánh tổ Nhân hoàng đế) đã cho công bố trên toàn quốc một tờ chiếu ban bố 18 điều ân điển; trong đó điều thứ 5 ghi: "Thần kỳ cả nước trước đã được phong tặng, thì đều được gia phong gia tặng". Đoạn này của tờ sắc phong nhắc lại sự kiện ấy. Việc này lẽ ra phải được thực hiện; song, vào ngày 28-12 năm Canh Tý (20-1-1841) Minh Mạng băng hà. Nên bốn năm sau, đến đời Thiệu Trị mới thực hiện.

Năm 1840, quân Chân Lạp tràn qua biên giới ở bảo Thông Bình giết chết hàng trăm người, đốt phá bảo Bông Nguyên (tên cũ là Phong Kha Miên “Minh” vào đầu niên hiệu Gia Long, đến năm 1819 đổi thành Phong Nguyên hay Bông Nguyên, đến năm Minh Mạng thứ 21 “1840” lại đổi thành Trấn Nguyên); Bố Chánh Gia Định là Nguyễn Đắc Trí mang binh đội theo ngã sông Bảo Định đến Thông Bình còn Vệ úy vệ Tả thủy Trần Hợp chỉ huy binh thuyền theo sông Hòa Hưng (Vàm Cỏ Tây) tới bảo Tuyên Oai chặn đánh. Liền sau đó, Thự Bố chánh tỉnh Định Tường là Trương Văn Uyển cùng Phó Lãnh binh Tạ Văn Linh cùng đem quân tới Bông Nguyên, rồi tiến qua tấn công giặc ở Nam Thái⁽¹⁾. Năm 1842, Đảng Ngụ ở Nam Vang (tức lực lượng chống đối triều đình nhà Nguyễn ở Chân Lạp) cấu kết với Xiêm và Lào kéo 5.000 quân đến biên giới lắm le xâm phạm nước ta ở Tiền Giang, Thự Tổng Đốc Long Tường là Nguyễn Tri Phương xin phép triều đình huy động binh đội đóng dọc theo biên giới từ An Lạc, Tân Châu qua Hùng Ngự đến Thông Bình để thị uy⁽²⁾. Trên đường hành quân trừng phạt Chân Lạp vi phạm biên cương năm 1845, tuần phủ An Giang là Doãn Uẩn và lãnh binh Định Tường là Nguyễn Văn Sáng đem binh cũng từ bảo Thông Bình kết hợp với đạo quân đi ngã Tiền Giang của Nguyễn Tri Phương ồ ạt tiến sang Chân Lạp⁽³⁾.

(1) Đại Nam thực lục: Quốc sử quán, Sđd, tập XXVII, tr. 227-228 và 232.

(2) Đại Nam thực lục: Quốc sử quán, tập XXVII, tr. 9-10.

(3) Đại Nam thực lục: Quốc sử quán, tập XXV, tr. 385-386.

Biến động quân sự liên tiếp kéo dài suốt mấy mươi năm, dứt khoát có tác động nhứt định đối với đời sống của nhân dân địa phương, nhứt là vùng Sa-ray. Ngày nay bên cạnh những câu chuyện dân gian về bắt sấu, trừ cọp... gợi lại hình ảnh của thời khai hoang chinh phục thiên nhiên, nhân dân địa phương còn truyền tụng các truyền thuyết về tài võ nghệ, mưu trí can trường của những anh hùng chống giặc Miên, giặc Pháp. Kinh nghiệm sống ở vùng biên giới gò trấp, sinh lầy đầy gian nguy, bất trắc... tích lũy từ đời này sang đời nọ, làm cho con người ở đây trở nên dày dạn, bản lĩnh hơn trong lao động sinh sống cũng như trong chiến đấu chống ngoại xâm.

2. Truyền thống yêu nước của nhân dân vùng Tân Hộ Cơ:

Tháng hai năm 1859, thực dân Pháp nổ súng tấn công thành Gia Định rồi chiếm luôn ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ. Tháng 8/1864, sau khi Trương Định tuấn tiết ở Gò Công, căn cứ Tân Hòa bị triệt hạ. Thiên hộ Võ Duy Dương lấy Đồng Tháp Mười làm căn cứ tiếp tục chiến đấu chống thực dân Pháp xâm lược, bất chấp lời kêu gọi bãi binh của vua Tự Đức, đã qui tụ được nhiều thủ lĩnh, đầu mục nghĩa quân trên đất Nam Kỳ về đây. Đồng Tháp Mười trở thành chiến trường giữa một bên trang bị vũ khí hiện đại để đi xâm lược và một bên được trang bị bằng truyền thống văn hóa dân tộc quyết

tâm giữ nước. Tân Thành, qua hệ thống sông rạch, đất gò cao ráo trở thành cửa ngõ quan hệ, liên kết với nghĩa quân Campuchia cùng chống kẻ thù chung. Sau khi căn cứ Tháp Mười bị triệt hạ, vùng Tân Thành (bao gồm Tân Hộ Cơ) trở thành địa bàn trú đóng của nghĩa quân trong một thời gian khá lâu, trước khi rút sang Lăng Xăng, Trà Đuốt, Trà Bét trên đất bạn Campuchia để lên Tây Ninh liên kết với nghĩa quân Trương Quyền (con Trương Định). Vào những năm cuối của thập niên 60 của thế kỷ XIX, nghĩa quân Thiên hộ Võ Duy Dương hầu như tan rã, một đơn vị nghĩa quân dưới quyền chỉ huy của Đội Huy (Bùi Quang Huy) rút về đóng ở giồng Sa-rày. Đội Huy thay tên đổi họ thành Huỳnh Công Huy, đứng ra trực tiếp với chánh quyền thực dân xin lập làng Tân Thành. Ông được dân làng, trong đó có nhiều nghĩa quân cử làm Hương Cả của làng. Sau khi ông qua đời, được dân làng tôn làm Tiền hiền và lập miếu thờ, gọi là miếu Tiền Hiền (hay miếu Cả Huy) bên bờ rạch Cái Cái, hàng năm cúng tế vào tháng 3 và tháng 12 âm lịch.

Trong những năm tháng dưới ách thống trị của thực dân Pháp, vùng Sa-ray nằm trong sự chi phối của chánh sách của thực dân Pháp đối với toàn vùng Đồng Tháp Mười. Với chúng, Đồng Tháp Mười khó khai thác về nông nghiệp, nhưng lại là vùng phong phú về tài nguyên thiên nhiên, song lại khó kiểm soát về mặt an

ninh chánh trị, nên chúng điều chỉnh hệ thống hành chánh cho thích hợp. Chúng cắt Đồng Tháp Mười ra năm mảnh, giao cho năm tỉnh quản lý. Tỉnh Tân An quản lý Mộc Hóa; tỉnh Mỹ Tho quản lý tổng Phong Phú (Cái Bè), tỉnh Sa Đéc quản lý tổng Phong Năm và Phong Thạnh; tỉnh Long Xuyên quản lý tổng Phong Thạnh Thượng và tỉnh Châu Đốc quản lý tổng An Phước (tức vùng Hồng Ngự, Tân Hồng). Đồng thời vẫn duy trì hình thức tổ chức và quan hệ quản lý phong kiến làm phương tiện thống trị và thuế khóa. Trên địa bàn Sa-ray (lúc bấy giờ có thêm hai làng nữa là Bình Thạnh và Bình Phú), chúng vẫn giữ thể thức đấu thầu khai thác các sở cá:

" Biết bao nhiêu giống cá đồng,

Phái viên các cậu mua trùm quan trên.

Mua về bán lại cho làng,

Mấy người cầm rạch chứa chan bạc tiền.

Trà Đư, Hùng Ngự các miên,

Với hai sở ấy đất liền ở trong.⁽¹⁾

(1) Cao Tự Thanh: Địa chí Đồng Tháp Mười, nhiều tác giả, NXB CTQG, H.1996, tr.266.

Dựa vào thế lực thực dân, bọn hương chức làng, tổng... ra sức tác oai, tác quái vừa lấy lòng quan Tây và vừa bóc lột nông, ngư dân trong vùng bằng cách bao biện bá chiếm trong việc khai thác cá, cướp đi nguồn sống của đông đảo nông, ngư dân. Theo luật lệ chúng qui định, chủ thầu chỉ có quyền quản lý nguồn lợi thủy sản từ bờ rạch xa ra 50m; ngoài đó là vùng đánh bắt tự do. Nhưng trên thực tế, các xuồng ghe hoạt động trong vùng đó đều phải nộp chủ thầu từ 5 đến 20 đồng tùy theo phương tiện đánh bắt lớn hay nhỏ, gay gắt nhất là trên hai rạch Cái Sỏi (Bình Thạnh) và Sầm Sai (Bình Phú). Chính những luật lệ đó từng bước làm phá sản quan hệ xã hội truyền thống và nảy sinh ra những mâu thuẫn mới mà nguyên nhân trùm lên trên là sự hiện diện của thực dân với chính sách thống trị của nó. Trong thời kỳ khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897-1918), so với miệt Hậu Giang, thực dân ít quan tâm đầu tư khai thác Đồng Tháp Mười hơn. Riêng khu vực Tân Thành, chúng chỉ chú tâm tới việc vơ vét thuế khai thác cá, chớ chưa có một dự án khai thác nông nghiệp nào. Khoảng năm 1901, Phan Văn Vàng (tục gọi là Xếp Vàng), một thợ săn cá sấu ở làng Đa Phước Châu Đốc, thử đem giống lúa nổi từ Crachie (Campuchia) trồng ở quê nhà, kết quả khả quan⁽¹⁾, nên nhiều nơi ở Đồng Tháp Mười trồng giống lúa này. Ở khu vực Tam Thường và Tân Thành (tức Hồng Ngự -

(1) Nguyễn Văn Kiêm: *Tân Châu (1870 - 1964)*, tr.64.

Tân Hồng ngày nay) có tới 17.000 ha trồng ruộng lúa thì có tới 9.800 ha trồng lúa nổi⁽¹⁾. Cây lúa nổi đã làm thay đổi phần nào diện mạo Tân Thành và cả Đồng Tháp Mười. Song, đây chỉ là kết quả của truyền thống lao động sáng tạo của nông dân địa phương ngoài ý muốn của thực dân. Dù vậy, nghề cá vào thời điểm này vẫn là thu nhập chính của vùng Tân Thành. Việc mở rộng thị trường tiêu thụ đã thúc đẩy hoạt động khai thác cá ở đây nói riêng, cả Đồng Tháp Mười nói chung, thu hoạch sản lượng ngày càng lớn. Cá đánh bắt được ở Sở Thượng, Sở Hạ, Tân Thành, Cái Cỏ... theo sông Tiền xuống Mỹ Tho, lên Sài Gòn rồi xuất sang Singapore, Hồng Kông. Cũng như cây lúa nổi, nghề cá phát triển chủ yếu là do nguồn tài nguyên tự nhiên phong phú, chứ không phải là kết quả của chính sách nào của thực dân; ngư dân không hề được tài trợ gì, ngư cụ và kỹ thuật cũng đều là những thứ có từ bao đời. Có cá, có lúa xuất khẩu, nói chung là kinh tế có phát triển so với thời nhà Nguyễn trước đây, nhưng đời sống nông dân vẫn đói nghèo tăm tối. Đó là nguyên nhân dẫn tới, Tân Thành, một vùng xa xôi hẻo lánh ở biên giới hồi ấy mà vẫn có hoạt động của các nhóm "kèo xanh, kèo vàng", một hình thức phản kháng của nông dân được ngụy trang dưới hình thức tôn giáo; các cuộc hội họp bí mật thường diễn ra ở miếu ông Cả Huy (Tân Thành), miếu Bà Ty (Bình Phú)... trong những năm chiến tranh 1914-1918.

(1) Cao Tự Thanh: *Địa chí Đồng Tháp Mười*, Sđd, tr.250.

Để bù đắp lại những tổn thất trong chiến tranh, từ năm 1919 thực dân Pháp đẩy mạnh công cuộc khai thác thuộc địa, chúng đầu tư nhiều vào việc khai thác nông nghiệp ở Nam Kỳ. Thuộc tính của chính sách kinh tế hàng hóa của tư bản trong nông nghiệp đương nhiên là tập trung ruộng đất ngày càng cao. Nông dân nhiều nơi khác bị mất ruộng đất, dắt díu nhau vào Đồng Tháp Mười khai hoang mở đất. Khi đất hoang biến thành ruộng, thì lại bị địa chủ cướp lấy bằng thủ tục giấy tờ mà nông dân thất học không sao biết được. Từ thời điểm này về sau, ở vùng Tân Thành và Tân Hộ Cơ ngày nay lần lượt xuất hiện nhiều địa chủ lớn như Thầy Ba Đàn, Thầy giáo Vệ, Thân Sô (Bình Phú), Thầy Chu (Tân Thành)... Với chính sách đầu tư thực dụng và nửa vơ vãi, cuộc khai thác của chúng nhằm mục tiêu chủ yếu là thu thuế và gom lúa để xuất khẩu, nên tất nhiên quan hệ sản xuất là quan hệ bóc lột thông qua thuế đất lúa ruộng (địa tô) và vay nặng lãi. Năm 1924, kinh Tân Thành mới được đào; ngoài việc thu gom thuế, lúa... mọi việc khác chúng phó mặc cho nông dân; còn nông dân cày cấy xong thì phó mặc cho trời. Đó là điều tất nhiên dẫn tới cảnh Tân Thành, nằm trong Đồng Tháp Mười, một trung tâm sản xuất lúa, cá... hàng hóa trong nhiều năm, mà tới năm 1945 vẫn còn là một vùng nông thôn vắng vẻ tiêu điều, một bộ phận nông dân còn sống du canh, du cư; cách xa bờ sông rạch một hai cây số là

cảnh đồng không mông quạnh, không một mái nhà; trên giồng Sa-rày đến lúc ấy chỉ có 15 nóc gia... Song ý muốn chủ quan của thực dân không thể vượt lên trên qui luật khách quan của lịch sử. Truyền thống văn hóa dân tộc mà trong đó chủ nghĩa yêu nước là yếu tố chủ đạo, được nhân dân vùng Sa-ray bảo lưu, nuôi dưỡng trên một môi trường thiên nhiên độc đáo, trong những tháng năm lao động, sống và chiến đấu. Đến năm 1930, chủ nghĩa Mác - Lênin mang lại ánh sáng và tăng cường thêm sinh lực cho chủ nghĩa yêu nước, giúp Sa-ray góp phần làm cho Đồng Tháp Mười trở thành căn cứ địa cách mạng của cả Nam Bộ.

Đồng Tháp Mười là một thử thách to lớn đối với người Việt trên bước đường khai phá mở cõi về phương Nam. Song chính thử thách đó đã làm phong phú thêm, giàu thêm sức mạnh của lịch sử và văn hóa dân tộc qua lao động, sáng tạo của nhân dân ở vùng đất phong phú về tài nguyên thiên nhiên, song không kém phần khắc nghiệt mà trong đó có nhân dân vùng Sa-ray. Trước hết là lao động khai thác các nguồn lợi thiên nhiên rồi lao động sản xuất nông nghiệp cùng với công cuộc chiến đấu bảo vệ biên cương dưới thời nhà Nguyễn, rồi với nhân dân cả nước kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ; nhân dân vùng Tân Hồng, trong đó có xã Tân Hộ Cơ góp phần hình thành nên vùng lịch sử - văn hóa Đồng Tháp Mười với dáng vẻ độc đáo của Nam Bộ.

Phần thứ hai

TRUYỀN THỐNG ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG CỦA NHÂN DÂN GIỒNG SA-RÀY, TÂN HỘ CỐ (1930-1975)

Chương 3

ẢNH HƯỞNG PHONG TRÀO CÁCH MẠNG TRONG KHU VỰC DẪN ĐẾN CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 VÀ THÀNH LẬP CHI BỘ (1930-1948)

1. Ảnh hưởng phong trào cách mạng trong khu vực.

Sau chiến tranh thế giới lần thứ I (1914-1918), thực dân Pháp tiến hành khai thác thuộc địa ở Đông Dương lần thứ hai để bù đắp các khoảng thiếu hụt do chiến tranh gây ra. Bên cạnh việc vơ vét tài nguyên về cung phụng cho "mẫu quốc", chúng còn bóc lột tiền của nhân dân bằng nhiều cách khác nữa. Thâm độc nhất là phải nói đến thuế thuốc phiện và thuế rượu. Khắp Nam bộ, ở những nơi đông dân như thị xã, thị trấn, chợ búa...

chúng đều cho mở công khai dưới dạng công quản các tiệm hút, tiệm rượu để thu thuế. Nơi bán rượu thì treo cờ mang hai chữ "R. A." (Régie de l'Acool), còn tiệm hút thì mang hai chữ "R.O" (Régie de Opium). Riêng rượu, chúng cấm nhân dân nấu và bán, nhưng phải mua và uống rượu của "công ty"; chánh quyền ở mỗi địa phương đều có một bộ phận phụ trách việc phân phối rượu, địa phương nào ép dân mua nhiều rượu sẽ được khen thưởng. Giành độc quyền bán rượu và thuốc phiện, ngoài mục đích vơ vét tiền của nhân dân ta, chúng còn thực hiện âm mưu làm cho một bộ phận nhân dân ta bạc nhược vì nghiện rượu, nghiện hút để thống trị lâu dài. Ngoài ra, còn thứ thuế khác nữa là trực thu và gián thu khác. Trong đó thuế muối, thuế thân, thuế chỉ bài trâu là những nguồn thu quan trọng của chúng. Nhân dân ta, mọi người ít nhiều đều dùng muối; thuế chỉ bài trâu 5 đồng/con/năm mà nông dân nhà nào lại không có trâu để cày bừa; thuế thân có hai loại: loại *hằng sản* đóng 5 đồng/người/năm, loại *vô hằng sản* thì đóng 4,5 đồng/người/năm. Trong khi giá lúa trước năm 1930 dao động từ 2,5 đến 3 đồng/gia. Như vậy một người nghèo (vô hằng sản) phải nộp thuế thân gần 20 gia lúa; còn người nông dân có ruộng và một đôi trâu, thì chỉ nộp thuế thân và thuế chỉ bài trâu thôi một năm phải nộp tới 15 đồng, tức là tương đương với gần 60 gia lúa...

Nông dân nói chung làm lụng quần quật quanh năm cũng không đủ tiền đóng thuế, mà còn phải đi xâu, đi phu đào kinh, đắp đường không công cho chúng... Trong những năm 1920 - 1925, nhân dân các làng trong quận Hồng Ngự phải đi sang tận Campuchia để làm đường, nhiều người vì thiếu ăn, bệnh hoạn... phải bỏ xác ở xứ người. Đó là chưa kể đến phải nộp địa tô, phục dịch cho bọn đại điền chủ, hương chức trong làng. Nông dân vô cùng khốn khổ, muốn tiếp tục canh tác chỉ còn nước đi vay nợ nặng lãi.

Bọn thực dân cũng có một vài động thái gọi là "quan tâm đến việc cải thiện đời sống nông dân", như thiết lập Hội Nông dân Hổ tương Bản xứ (Sociétés indigènes de credit agricoles mutuel = S.I.C.A.M.) để cho nông dân vay tiền mà hội viên là người bản xứ đặt dưới sự kiểm soát của chánh quyền thực dân. Nhưng thực tế tổ chức này chẳng giúp gì cho nông dân, nhứt là giới điền chủ nhỏ, vì hội viên đa số là bọn đại điền chủ. Chúng vay với lãi suất thấp rồi cho nông dân vay lại với lãi suất cao. Chúng lập tổ chức tín dụng với hảo là diệt trừ nạn cho vay nặng lãi, nhưng vô tình tiếp tay với bọn đại điền chủ bóc lột nông dân một cách công khai.

Ở Đồng Tháp Mười nói chung, Hồng Ngự - Tân Hồng nói riêng, hàng năm mùa nước lên kéo dài ba tháng, đó là thời gian mà đời sống nông dân cụ thể là giới tiểu điền chủ và tá điền là khổ sở nhứt. Nước lên là

lúc mùa màng chưa thu hoạch, ngoại trừ một ít gia đình còn có lúa gạo dự trữ ăn; còn đại bộ phận đều phải đi giăng câu, thả lưới đặt lờ lộp... để kiếm ăn tạm sống qua ngày chờ đến ngày lúa chín. Nhưng các sông rạch có nhiều cá thì chánh quyền thực dân đã bán đấu giá rồi. Song theo qui định, người được thả lưới chỉ có quyền khai thác cá từ bờ rạch ra hai bên 50 m, ngoài giới hạn đó là vùng đánh bắt tự do. Nhưng bọn chủ thả (đa số là đại điền chủ) cho thuộc hạ lùng bắt nông dân nào đánh bắt ở hai bên bờ bất kể xa hay gần, buộc phải nộp thuế từ 5 đến 20 đồng tùy theo mỗi xuống đánh cá lớn hay nhỏ. Ai không đóng sẽ bị tịch thu phương tiện. Từ năm 1935 đến năm 1940, sự việc này diễn ra rất phổ biến nhất là trên các rạch Sâm Sai, Cái Xơ... thuộc xã Bình Thành huyện Hồng Ngự.

Bên cạnh các thủ đoạn bóc lột về kinh tế, thực dân Pháp còn cấu kết với tay sai rình rập, bắt bớ tù đầy tra tấn những người yêu nước; ban hành những qui định hà khắc. Mọi tổ chức xã hội đều bị cấm đoán, ngay các nơi tôn nghiêm của tôn giáo như đình chùa, thánh thất... nếu bị nghi ngờ có liên quan đến hoạt động yêu nước đều bị khám xét, bắt bớ...

Sống trong không khí ngột ngạt, đầy áp bức, nông dân địa phương trông đợi có sự thay đổi trong cuộc sống, nên họ sẵn sàng đứng lên tham gia bất cứ tổ chức nào chủ trương đánh đuổi thực dân cướp nước giành lại

độc lập, mang lại cuộc sống bình thường của người nông dân. Nhưng đến những năm 20 của thế kỷ XX, mọi tổ chức, hoạt động yêu nước đều bị đàn áp, dập tắt. Từ phong trào Đông Du đến Minh Tân⁽¹⁾, cuối cùng là các tổ chức nguy tạo dưới hình thức tôn giáo mang tên là Thiên Địa hội. Đây là một tổ chức yêu nước của người Việt ở Nam Bộ phỏng theo tổ chức Minh sư Phật - Đường bên Trung Quốc của những người còn mến mộ nhà Minh bị nhà Thanh lật đổ với khẩu hiệu "*bài Mãn phục Minh*". Các tổ chức Thiên Địa hội ở Nam Bộ biến khẩu hiệu này thành "*bài Pháp phục Nam*" và được biết với cái tên phổ là "*Kèo xanh, Kèo vàng*" (Kèo là cờ). Nông dân Nam Bộ tham gia rất đông, các đình chùa, miếu mạo thường là nơi tổ chức này nhóm họp. Một số miếu trên giống Sa-rày như miếu Bà Ty, miếu ông Tiền Hiền... là nơi hoạt động của nhóm này ở Bình Thạnh thời ấy.

Giữa lúc mà con đường cứu nước gần như bế tắc, thì có phái viên của Hội Việt Nam Thanh niên cách mạng, do Nguyễn Ái Quốc tổ chức, về nước chọn người sang Quảng Châu (Trung Quốc) dự các lớp huấn luyện. Đầu năm 1927 ở Sa Đéc và Châu Đốc có 8 thanh niên lên đường sang Quảng Châu thụ huấn và về nước hoạt động ngay sau đó.

(1) Cách gọi ở miền Nam đối với phong trào Duy Tân.

Đường lối cách mạng do các hội viên này mang về là luồng gió mới mang lại phong trào yêu nước ở địa phương một ánh sáng mới, một sức mạnh mới. Nội dung quyển "Đường Kách Mệnh" vạch ra con đường đánh đổ thực dân phong kiến, giải phóng dân tộc, giành độc lập tự do, xây dựng cuộc sống mới, do chính những người thuộc giai cấp lao động lãnh đạo. Đây là những điều hoàn toàn mới mẻ so với các nội dung hoạt động yêu nước trước đây, nên khi được phổ biến, nhiều thanh niên, nông dân yêu nước lập tức hưởng ứng.

Trong thời kỳ này, Hồng Ngự được tiếp xúc với tổ chức "Thanh niên" qua hai hướng. Một từ Châu Đốc sang hướng vào các cù lao Long Thuận, Phú Thuận, cù lao Tây. Hai là từ Cao Lãnh lên đến các xã Thường Lạc, Thường Phước⁽¹⁾.

Trên những cơ sở ban đầu này, đến giữa tháng 2/1930 chi bộ xã Long Thuận được thành lập với 7 đảng viên. Đây là chi bộ đầu tiên trên đất Hồng Ngự. Sau đó, một vài xã khác, như Tân Huệ cũng thành lập được chi bộ.

Ngay sau khi thành lập, các chi bộ nhanh chóng thực hiện vai trò lãnh đạo cách mạng của mình, thông qua hoạt động tuyên vận tổ chức quần chúng, hướng

(1) *Nửa thế kỷ đấu tranh cách mạng kiên cường nhân dân Hồng Ngự*, 1986, tr. 22.

dẫn quần chúng tham gia đấu tranh cách mạng theo đường lối mới, đưa phong trào quần chúng vào quỹ đạo của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Trong năm 1933, đặc uỷ Hậu Giang điều đồng chí Nguyễn Long Xảo và đồng chí Trần Thị Lệ (tức cô giáo Lữ, vợ đồng chí Xảo) thuộc chi bộ Hoà An (Cao Lanh) lên Hồng Ngự hoạt động. Từ thị trấn Hồng Ngự với hình thức hợp pháp "Người bán thuốc dạo", đồng chí đến tận Bình Thành và nhiều làng xã khác tiếp xúc và giác ngộ được nhiều thanh niên, nông dân yêu nước. Đến năm 1936, chi bộ thị trấn Hồng Ngự được thành lập gồm các đồng chí: vợ chồng đồng chí Xảo và hai đồng chí Lê Ngọc Đợ, Nguyễn Văn Nghiệp⁽¹⁾.

Sự ra đời của chi bộ thị trấn Hồng Ngự tác động mạnh mẽ đối với nông dân, thanh niên, phong trào yêu nước của các làng chung quanh trong đó có Bình Thạnh. Tháng 8 năm 1936, Uỷ ban hành động quận Hồng Ngự ra đời, hướng dẫn quần chúng tham gia phong trào Đông dương Đại hội, đấu tranh đòi quyền dân sinh dân chủ, chống sưu cao thuế nặng, chống bắt lính, chống khủng bố đòi thả tù chính trị, chống phạt vạ

(1) Theo Hồi ký của Nguyễn Thanh Liêm thì chi bộ thị trấn Hồng Ngự do đồng chí Nguyễn Long Xảo gây dựng gồm các đồng chí: Hội, Phẩm, Bá, Cai (Lịch sử Truyền thống đấu tranh cách mạng của nhân dân xã Bình Thành)

vô lý... phong trào phát triển mạnh lan ra toàn quận. Qua thực tiễn hoạt động của phong trào, nhiều cá nhân nổi bật được kết nạp vào Đảng; từ đó có thêm chi bộ ở các xã Thường Thới (năm 1937), Long Khánh (1938).

Trên địa bàn Bình Thạnh, nhân dân hưởng ứng tham gia các phong trào đấu tranh công khai; nhiều nông dân tham gia lập kiến nghị, đòi giảm tô thuế, chống phạt vạ vô lý. Để nâng cao phong trào ở đây, chi bộ thị trấn Hồng Ngự cử đồng chí Phan Văn Cai (Sáu Cai) vào hoạt động. Đồng chí liên hệ với đồng chí Phạm Phú Quý vừa ở Phnom Pênh về, tổ chức chỉ đạo quần chúng đấu tranh, đưa phong trào quần chúng vào quỹ đạo. Qua đó phát hiện ra những phần tử tích cực, tuyên truyền giáo dục đường lối cách mạng mới, chuẩn bị kết nạp Đảng.

Tháng 11/1944, chi bộ Đảng xã Bình Thạnh chính thức thành lập do đồng chí Phạm Phú Quý phụ trách Bí thư, với ba đảng viên là các đồng chí: Nguyễn Thành Thư, Trứ và Cứng.

Chi bộ lãnh đạo quần chúng trên một địa bàn vừa rộng vừa khá đông dân, bao gồm cả xã Thường Lạc và Tân Hội. Sự ra đời của chi bộ Đảng ở Bình Thạnh là một sự kiện chánh trị vô cùng quan trọng đối với khu vực mà ngày nay là các xã Bình Thạnh, Tân Hộ Cơ, Tân Công Chí, Bình Phú. Nó đánh dấu chấm dứt thời

kỳ hoạt động yêu nước tự phát của nhân dân địa phương, mở ra thời kỳ mới, thời kỳ đấu tranh cách mạng dưới sự tổ chức và lãnh đạo của Đảng Cộng sản, nhằm thực hiện mục tiêu đánh đuổi thực dân phong kiến, giành độc lập dân tộc và tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Cùng với sự ra đời của chi bộ Bình Thạnh và sau đó, nhiều xã khác của quận Hồng Ngự cũng thành lập chi bộ, như Thường Phước, Tân Thành, Tân Hội, Thường Lạc... Điều này nói lên sự lớn mạnh của phong trào cách mạng ở Hồng Ngự.

Sự phát triển của phong trào cách mạng các xã đòi hỏi phải có một Đảng uỷ cấp trên để trực tiếp lãnh đạo, có như vậy mới chỉ đạo thống nhất phong trào trong toàn quận, mới tập hợp được sức mạnh của quần chúng nhân dân. Ngày 22/12/1944, Liên Tỉnh uỷ Hậu Giang chấp nhận cho Hồng Ngự thành lập Quận uỷ lâm thời, gồm các đồng chí: Cai, Quý, Cứng, Đình, Hiến, Tánh, Sỏ, Chê, Vạn, Long... do đồng chí Phạm Văn Cai Bí thư. Một số đồng chí Quận uỷ viên phụ trách các xã. Trong đó, đồng chí Phạm Phú Quý phụ trách xã Bình Thành ⁽¹⁾.

Tháng giêng năm 1945, thực hiện chỉ đạo của Quận uỷ, hai chi bộ Thường Lạc và Tân Hội tách ra khỏi chi bộ Bình Thạnh thành hai chi bộ độc lập.

(1) *Nửa thế kỷ đấu tranh cách mạng... Sđd, tr. 40.*

Chi bộ Bình Thạnh ra đời đúng vào lúc cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai (1939-1945) lên đến cao điểm với xu thế phe Phát xít sẽ bị tiêu diệt và Đồng Minh thắng trận, sẽ mở ra cơ hội ngàn năm có một cho Việt Nam đứng lên đánh đuổi Phát xít Nhật giành độc lập dân tộc. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Mặt trận Việt Minh, cả nước đang ra sức chuẩn bị cướp chính quyền khi thời cơ đến.

2. Cách mạng tháng Tám năm 1945:

Từ năm 1941 đến năm 1945, Hồng Ngự mất mùa liên tiếp. Trong lúc đó phát xít Nhật ra sức vơ vét lúa gạo, bắt phu, bắt lính... hầu hết nông dân đều rơi vào cảnh nợ nần vì thuế má, vì địa tô, vay nặng lãi... Nhiều người phải bỏ quê hương đi xứ khác để trốn nợ, nếu không sẽ bị bắt tù đầy. Họ phải làm thuê, làm mướn, ở đợ sống lây lất qua ngày nơi xứ người.

Sau ngày 9/3/1945, Nhật đảo chính Pháp, ở cấp xã chúng vẫn sử dụng bộ máy tay sai cũ. Nhưng việc thay thầy đổi chủ tỏ này làm nhiều viên chức hoang mang dao động. Được sự chỉ đạo của quận uỷ, chi bộ xã từng từng trường hợp tranh thủ lôi kéo được một số người tham gia hoặc ủng hộ cách mạng. Sau cuộc đảo chính, các mặt xã hội càng bị đất hơn, nạn đói bắt đầu xuất hiện.

Trong tình hình đó, được sự chỉ đạo của quận ủy, chi bộ Bình Thành lãnh đạo quần chúng tổ chức, xây dựng một số đoàn thể, lực lượng chuẩn bị cướp chính quyền trong tay Nhật. Các hội đá banh, vạ cày, vạ cấy, hội nhà vàng... được thành lập trong xã.

Tháng 4/1945, Chỉ thị "Pháp - Nhật bắn nhau và hành động của chúng ta" về đến Quận ủy Hồng Ngự. Để thi hành chỉ thị, Quận ủy chỉ đạo các xã biến tổ chức Thanh niên Tiền phong thành tổ chức quần chúng của cách mạng đặt dưới sự lãnh đạo Đảng. Quận ủy cử hai đồng chí Nguyễn Thành Thị (tức Chín Minh) và Út Lương vào nắm tổ chức này, đồng thời để che mắt địch, ta tổ chức hai ông Đỗ Văn Cồn và Đốc Phúc lên làm thủ lãnh. Thanh niên Tiền phong nhanh chóng thu hút nhiều thanh niên gia nhập.

Trên địa bàn xã Bình Thạnh lực lượng Thanh niên Tiền phong thành lập được một trung đội, ban ngày thường xuyên tập dượt chiến đấu, ban đêm canh phòng, bảo vệ an ninh trật tự trong khí thế vươn lên làm chủ rất sôi nổi. Như vậy, để chuẩn bị khởi nghĩa cũng như nhiều xã khác trong quận Hồng Ngự, ở xã Bình Thạnh Mặt trận Việt Minh là tổ chức quần chúng bất hợp pháp lãnh đạo tổ chức Thanh niên Tiền phong, một tổ chức quần chúng hợp pháp nhằm nhanh chóng phát triển lực lượng chuẩn bị khởi nghĩa. Khí thế cách mạng ngày

một mảnh lên, nông dân một số xã như Tân Thành, Tân Hội, Bình Thạnh... không nộp lúa ruộng cho địa chủ...

Bên cạnh tổ chức Thanh niên Tiền phong, các tổ chức quần chúng khác như: Thanh niên, Phụ nữ cứu quốc được hình thành làm cho Mặt trận Việt Minh ngày một lớn mạnh; không khí chuẩn bị khởi nghĩa càng khẩn trương hơn khi được tin phát xít Nhật đầu hàng Đồng Minh ngày 10/8.

Ngày 12/8, Quận ủy Lâm thời quyết định mở hội nghị bầu Ban chấp hành chánh thức và thông qua kế hoạch khởi nghĩa của tỉnh Châu Đốc và quận Hồng Ngự. Ủy ban khởi nghĩa quận được bầu ra và hội nghị thống nhất lấy ngày 22/8 làm ngày khởi nghĩa. Nhiều xã trong quận, bộ máy chánh quyền của chúng tan rã. Tin nhân dân Hà Nội giành được chính quyền ngày 19/8 càng làm cho quần chúng phấn khởi, làm cho bọn đầu sỏ trong quận hoang mang tột độ.

Ngày 20/8 chi bộ Bình Thạnh phát động nông dân nổi dậy cướp chánh quyền. Hàng trăm nông dân của các đoàn thể quần chúng dưới sự bảo vệ của lực lượng Thanh niên Tiền phong, trang bị gậy gộc, dao mác, tầm vông nhọn tiến đến vây nhà làm việc Bình Thạnh. Bọn tề chỉ còn mấy tên nhanh chóng đầu hàng, tan rã. Mọi giấy tờ thuế, nợ và các loại sổ sách, con dấu... đều đốt sạch, vũ khí bị tịch thu. Người dân Bình Thạnh thật sự

làm chủ xã ấp, làm chủ cuộc đời mình. Khắp các nẻo đường trong xã rợp bóng cờ đỏ sao vàng; trên bờ, dưới sông Sở Hạ kẻ tới người lui hân hoan chào đón ngày cách mạng thành công.

Đúng theo kế hoạch của Ủy ban khởi nghĩa, sáng ngày 22/8 dưới sự lãnh đạo của chi bộ, hàng trăm quần chúng ở Bình Thạnh cùng quần chúng các xã Thường Lạc, Tân Hội, Tân Huê, An Long kéo vào thị trấn dưới sự bảo vệ của Thanh niên Tiền phong được vũ trang bằng vũ khí cướp được trong mấy ngày trước, bao vây dinh quận. Trước khí thế như triều dâng thác đổ của cách mạng, quận trưởng Sĩ đầu hàng và giao nộp vũ khí, tài liệu, kho tàng... Đến 10 giờ, cờ đỏ sao vàng phát phới trên nóc dinh quận trưởng.

Ngày 25/8 dưới sự điều động của Quận ủy Hồng Ngự, hơn 2.000 đồng bào trong quận, trong đó có đồng bào Bình Thạnh, được một trung đội vũ trang bảo vệ vượt sông tham gia cướp chính quyền Châu Đốc.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công đã thủ tiêu chế độ thống trị áp bức của thực dân Pháp và phát xít Nhật, mở ra kỷ nguyên độc lập tự do cho nhân dân Việt Nam. Lần đầu tiên sau gần 100 năm sống kiếp nô lệ, cách mạng tháng Tám đã đưa người dân Bình Thạnh lên địa vị người làm chủ mảnh ruộng, miếng vườn của mình và thật sự làm chủ cuộc đời mình. Đảng Cộng sản

Đông Dương mà trực tiếp là chi bộ xã là người lãnh đạo nhân dân địa phương tiến hành cách mạng tháng Tám thành công. Chính đường lối và chủ trương đúng đắn của Đảng phù hợp với nguyện vọng nhân dân và xu thế phát triển của thời đại là điều kiện để cách mạng thành công.

Cách mạng tháng Tám thành công ở Bình Thạnh còn là điều kiện để thành lập xã Tân Hộ Cơ và chi bộ xã ra đời.

3. Xã Tân Hộ Cơ được thành lập và Chi bộ xã ra đời:

Nhân dân ta giành độc lập chưa được bao lâu, thì ngày 23/9/1945 bọn thực dân Pháp đánh chiếm Sài Gòn và sau đó đánh nóng ra các Tỉnh. Đến giữa năm 1946, thực dân Pháp đánh chiếm Hồng Ngự, nên Bình Thạnh có được một thời gian hoà bình dài hơn một số nơi khác để xây dựng quê hương. Dưới sự lãnh đạo của chi bộ xã, trong thời gian này, nhân dân Bình Thạnh tích cực xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng và bảo vệ thành quả mà nhân dân giành được trong cách mạng tháng Tám.

Ủy ban khởi nghĩa xã bắt tay ngay vào việc ổn định an ninh trật tự và đời sống nhân dân. Ban hành một số qui định tạm thời về trị an, thành lập đội thanh niên võ trang để bảo vệ an ninh trật tự địa phương.

Tháng 10, Ủy ban nhân dân ra đời do đồng chí Phạm Phú Quý làm Chủ tịch, điều hành mọi hoạt động trong xã. Trước hết thành lập lực lượng du kích xã, Cộng hòa vệ binh, Tự vệ chiến đấu, lực lượng thanh niên đều hăng hái tham gia.

Chánh quyền cách mạng tuyên bố xóa bỏ mọi thứ tô thuế bất công, hủy bỏ nợ của nông dân với địa chủ trước đây. Ruộng đất của địa chủ và bọn quan lại phong kiến thì tịch thu hoặc vận động họ nhượng lại và đem cấp cho nông dân. Để tăng gia sản xuất, chánh quyền cách mạng tổ chức quần chúng làm thủy lợi: đào, vét kinh mương; xóa bỏ sự quản lý trên sông rạch để phát triển nghề cá, một nghề quan trọng ở Bình Thạnh. Chánh quyền cách mạng động viên, tuyên truyền cách ăn sạch, ở sạch; bài trừ mê tín dị đoan trong nhân dân. Đồng thời chánh quyền cũng tỏ ra tích cực trong việc động viên nhân dân đấu tranh chống tệ nạn hút sách, cờ bạc; mở lớp bình dân học vụ, xóa nạn mù chữ và hô hào quần góp tiền, gạo... cứu trợ đồng bào miền Bắc đang lâm vào nạn đói.

Qua đó, vạch ra cho nhân dân thấy rõ âm mưu của bọn thực dân phát xít thống trị trước đây và nhận ra chánh quyền cách mạng là chánh quyền của nhân dân, vì nhân dân. Quần chúng hăng hái tham gia các tổ chức nông dân, phụ nữ, thanh niên, phụ lão, nhi đồng cứu quốc ngày càng đông đảo.

Trong lúc nhân dân Bình Thạnh đang xây dựng cuộc sống trong hòa bình, thì thực dân Pháp trở lại xâm lược Việt Nam một lần nữa. Sau khi đánh chiếm Sài Gòn (23/9/1945), rồi đánh lan ra các tỉnh. Đầu năm 1946, chúng đánh chiếm Châu Đốc, rồi Tân Châu. Từ Tân Châu, chúng chiếm Thông Bình. Để đối phó với tình hình, địa bàn quận Hồng Ngự được Tỉnh ủy Châu Đốc chọn làm căn cứ kháng chiến. Các cơ quan của quận Hồng Ngự chuyển vào Bình Thạnh. Theo lệnh trên, các Ủy ban Nhân dân được đổi thành Ủy ban kháng chiến.

Dưới sự lãnh đạo của Ủy ban kháng chiến, nhân dân Bình Thạnh khẩn trương xây dựng lực lượng võ trang, giữ gìn an ninh trật tự và đẩy mạnh sản xuất chuẩn bị mọi mặt chống giặc.

Đầu năm 1947, xã có một trung đội du kích có võ trang, một tiểu đội tự vệ cuộc (công an xã). Các đoàn thể cứu quốc ngày càng được củng cố. Phong trào toàn dân kháng chiến được phát động. Du kích phối hợp với lực lượng võ trang huyện thường xuyên luyện tập và xây dựng các tổ đề kháng ở gò Sâm Sai, dọc theo sông Sở Hạ, ở mương Kháng Chiến... Để vừa đảm bảo sản xuất vừa mở rộng giao thông phục vụ chiến đấu trong vùng căn cứ, đồng bào Bình Thạnh đào và nạo vét lại các kinh mương từ sông Sở Hạ ăn sâu vào Đồng Thấp Mười (mương Kháng Chiến, mương Phạm Hùm). Ngoài

ra, nhân dân Bình Thạnh còn chia xẻ ruộng đất, giúp đỡ hàng trăm gia đình từ các cù lao trên sông Tiền chạy sang lánh nạn (do một bộ phận giáo phái Hòa Hảo mạnh động nổi loạn vào cuối năm 1946 đầu năm 1947).

Năm 1946, thực dân Pháp nhiều lần dội bom, bắn pháo và cho tàu chiến càn vào địa bàn xã. Đầu năm 1947, chúng huy động một lực lượng gồm một trung đội lính Pháp và một tiểu đoàn quân nguy đội lốt Hoà Hảo, tấn công vào xã bằng đường sông lẫn đường bộ. Nhân dân chủ động đắp cản trên sông Sở Hạ (khoảng ngang ấp Bình Lý) bằng tre đóng sâu xuống lòng sông và đào công sự hai bên bờ. Du kích xã phối hợp cùng Tỉnh đội Châu Đốc phục kích đánh địch tại mương Kháng Chiến. Trận đánh diễn ra từ 7 giờ đến 10 giờ sáng, địch rút chạy, ta tiêu diệt tại chỗ và làm bị thương trên một trung đội, thu nhiều vũ khí⁽¹⁾.

Đến tháng 7/1947, thực dân Pháp lại huy động hơn một đại đội lính nguy tiến công vào khu vực ấp Bình Hưng và Bình Thạnh B. Du kích xã kết hợp với bộ đội huyện chặn đánh quyết liệt suốt một ngày; ta bắn chìm hai tàu của giặc. Hai chiến thắng này làm nhân dân nức lòng; phong trào tòng quân quyên góp ủng hộ bộ đội chiến sĩ dấy lên mạnh mẽ.

(1) *Lịch sử truyền thống đấu tranh cách mạng của nhân dân Bình Thạnh anh hùng (1930-1975)* tr.29.

Cuối năm 1947, chúng lại tập trung lực lượng nhưng với âm mưu khác là chiếm đến đâu chúng lập đồn bót, tua gác đến đó. Song song đó chúng thiết lập bộ máy tề xã hòng khống chế kiểm dân.

Để đáp ứng yêu cầu của cuộc kháng chiến trường kỳ, lực lượng cách mạng cần phải có địa bàn để trụ lại; Quận uỷ Hồng Ngự quyết định chọn giồng Sa-rày, nơi có địa thế thuận tiện làm căn cứ. Từ tháng 11/1946, theo sự chỉ đạo của Quận uỷ, đồng chí Nguyễn Văn Quý, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính xã Bình Thạnh vào gò Chùa Phước Thiện, thành lập Tiểu ban kháng chiến Sa-rày. Tiểu ban gồm có các ông:

- Dương Văn Thông giữ chức Chủ tịch;
- Huỳnh Tung Chánh, Phó Chủ tịch;
- Dương Văn Cháp, Uỷ viên quân sự;
- Khúc Văn Đại, Trưởng Công an;
- Cao Long Phi, Thư ký.

Tiểu ban có chức năng như một Ủy ban kháng chiến xã, đã kêu gọi dân chúng trên giồng Sa-rày đoàn kết, đùm bọc, giúp đỡ nhau, cùng chống ba thứ giặc: đói, dốt và ngoại xâm, cùng nhau xây dựng Sa-rày thành một khu căn cứ. Lúc bấy giờ dân số ở Sa-rày thưa thớt, trong đó có một số đồng bào Khơme. Dù chủng tộc khác nhau, nhưng hiện sống cùng một dãy đất và cùng

chung một cảnh ngộ, nên mọi người đều hưởng ứng lời kêu gọi. Để phục vụ việc đi lại của nhân dân, cán bộ, chủ yếu là áp tải lương thực, nhu yếu phẩm khác phục vụ kháng chiến ngang qua bưng Sa-rày, nhân dân đã cùng nhau bắt một cây cầu khỉ dài 144 m ngang qua bưng với gần 300 cây tre và giang tây. Thường được gọi là cầu 72 nhịp. Huy động nhân dân đắp坎 Sầm Sai. Tiểu ban còn phát động nhân dân thi đua sản xuất lương thực, trước mắt là chống đói sau là đóng góp nuôi quân; xây dựng trường học, lập trạm y tế chữa bệnh cho dân; bài trừ tệ nạn xã hội, trừ gian bảo mật, giữ gìn an ninh trật tự... Về mặt hành chánh, tiểu ban thành lập ba khu dân cư: khu 1 (gồm Dinh Bà, Bình Phú, gò Bói, Đuôi Tôm, Côn-tà-ét), khu 2 (từ gò Chùa đến gò Da), khu 3 (từ gò Suông đến gò Gáo lồng đèn).

Trong khi đó, từ cuối năm 1946 đến đầu năm 1947, do nghe lời xúi giục của phần tử phản động lợi dụng Phật giáo Hòa Hảo (PGHH), một cuộc nổi dậy của một số giáo dân PGHH ở An Giang làm cho một bộ phận dân chúng và một số cán bộ ở các cù lao Long Thuận, Phú Thuận, Long Sơn, cù lao Tây cũng chạy về tập trung cư ngụ ở giồng Sa-rày. Họ ở rải rác từ gò Bói, gò Chùa, gò Kho, gò Tự Do, rọc Muống, Cây Gáo Lồng Đèn, gò Suông. Tập trung nhiều ở gò Chùa và gò Tự Do. Trước đó vào năm 1945, do có cuộc nổi dậy của người Miên ở khu vực biên giới, một số Việt kiều từ

Campuchia chạy về nước cư ngụ ở giồng Sa-rày. Dân địa phương tại giồng Sa-rày lúc bấy giờ chủ yếu tập trung ở các gò cao không bị ngập (gò Đuôi Tôm, gò Việt Thước) hoặc ít ngập nước vào mùa nước lên, như: gò Bói, gò Rượu, gò Chùa, gò Gòn, gò Kho, gò Da, gò Tự Do, gò Cả Giáo, các gò nhỏ trong vùng dứť gò Suông, Rọc Muống.

Do hai luồng di dân trên làm cho dân số ở đây tăng vọt, lên đến gần 2000 người, dẫn đến tình trạng an ninh trật tự phức tạp, ảnh hưởng đến phong trào cách mạng địa phương, an toàn khu căn cứ. Để giải quyết tình hình khó khăn này, vào tháng 2 năm 1948⁽¹⁾. Huyện ủy Hồng Ngự quyết định tách khu vực Sa-rày của Bình Thạnh ra thành một xã mới, lấy tên là Tân Hộ Cơ. Địa bàn xã lúc thành lập nguyên là một ấp của xã Bình Thạnh cũ, bao gồm các xã Tân Hộ Cơ, Bình Phú, thị trấn Sa-rày, xã Tân Công Chí, xã Tân Thành B, xã An Phước và một phần của xã Tân Phước ngày nay.

(1) Còn có một số nhân chứng khác cho là vào tháng 4/1947, 8/1948 và 11/1948.

Chương thứ tư
XÂY DỰNG XÃ TÂN HỘ CƠ
THÀNH CĂN CỨ CÁCH MẠNG PHỤC VỤ
CUỘC KHÁNG CHIẾN TRƯỜNG KỲ
TOÀN DÂN TOÀN DIỆN (1948-1954)

1. Những ngày đầu xây dựng chi bộ Đảng, tổ chức bộ máy chánh quyền cách mạng chuẩn bị cuộc kháng chiến lâu dài:

Ngay sau khi có quyết định thành lập xã, Tiểu ban Kháng chiến giải tán để thành lập Ủy ban hành chánh kháng chiến lâm thời xã⁽¹⁾.

(1) Ủy ban gồm có:

- Ông Nguyễn Văn Nguyên: Chủ tịch;
- Ông Dương Văn Chắp: Phó Chủ tịch, kiêm ủy viên quân sự;
- Tuấn Anh: Ủy viên thơ ký,
- Ông Nguyễn Thành Tây: Trưởng Công an,
- Ông Nguyễn Văn Sắc: Chủ tịch Mặt trận Việt Minh,
- Ông Võ Văn Bướm: Xã đội Trưởng,
- Nguyễn Văn Mẫu: Xã đội chánh,
- Dương Văn Giả: Xã đội phó,
- Dương Văn Cút: Ủy viên kinh tế,
- Dương Văn Ôn: Ủy viên tài chánh,
- Đặng Văn Thành: Phó công an,
- Nguyễn Văn Vàng: Thơ ký BCH Nông Dân,
- Nguyễn Hoàng Năm: Thơ ký BCH Thanh niên,
- Chị Hai Phớt: Hội trưởng Hội PNCQ,
- Lê Văn Phát: Thơ ký BCH Lão Thành Cứu quốc,
- Dương Văn Thông: Phó thơ ký Lão thành cứu quốc,
- Nguyễn Văn Tho: Ủy viên xã hội.

Chi bộ xã được thành lập với chi uỷ và 10 đảng viên, trong đó có một số là đảng viên các xã Long Khánh, Phú Thuận, Long Thuận..., do đồng chí Nguyễn Văn Nguyễn được Huyện uỷ chỉ định Bí thư và các đồng chí: Phan Phụng Tỷ, Phó Bí thư; Dương Văn Chắp, chi uỷ viên; Võ Văn Bướm, chi uỷ viên; Nguyễn Sơn Tây (Hai Tây) chi uỷ viên; Dương Văn Chắp, Bùi Văn Chiêu, Võ Cuốn, Út Mầu, Năm Cao, Thương, Lâm Sơn, Trương Công Cẩn (Bảy Mập).

Đồng chí Nguyễn Văn Hứa, Phó Bí thư Huyện uỷ Hồng Ngự, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến huyện, đến dự Đại hội thành lập chi bộ được tổ chức tại cơ quan Nông nghiệp của Tỉnh đóng tại gò Bông (nay là gò Chùa). Nghị quyết đầu tiên của chi bộ là phát động toàn dân kháng chiến trường kỳ, trước mắt là phát triển phong trào du kích chiến tranh, tổ chức ba loại dân quân.

Sau đó toàn dân trong xã đi bầu Ủy ban kháng chiến hành chánh chính thức⁽¹⁾.

(1) gồm: Nguyễn Văn Nguyễn: Chủ tịch,
Dương Văn Chắp: Phó chủ tịch,
Nguyễn Văn Thôi: Ủy viên xã hội,
Dương Văn Ôn: Ủy viên tài chánh,
Tuấn Anh: Ủy viên thơ ký,
Võ Văn Bướm: Ủy viên quân sự,
Nguyễn Thành Tây: Trưởng công an

Mặt trận Liên Việt thay cho mặt trận Việt Minh, do ông Nguyễn Văn Sắc làm Chủ tịch. Các đoàn thể quần chúng được củng cố về mặt tổ chức và cán bộ⁽¹⁾.

Xã đội bộ: Nguyễn Văn Mậu, xã đội chánh; Dương Văn Giã, Nguyễn Văn Vẹn, xã đội phó.

Chi bộ lúc bấy giờ có 20 đảng viên (do phát triển được bốn và điều về sáu đảng viên), chi ủy gồm 7 đồng chí:

Tổng Đức Nghi (Ba Ngời): Bí thư,

Nguyễn Văn Nguyên: Phó Bí thư,

Phan Phụng Ty : Chi ủy viên, phụ trách dân vận,

Dương Văn Cháp: Chi ủy viên,

Nguyễn Văn Mậu: Chi ủy viên,

Nguyễn Văn Sắc: Chi ủy viên⁽²⁾.

(1) Hội Nông dân: Nguyễn Văn Vàng, hội trưởng; Nguyễn Văn Tộ: hội phó.

Đoàn Thanh niên: Nguyễn Văn Bo, đoàn trưởng.

Hội Phụ nữ: chị Hai Phối, hội trưởng; chị Diệu Lý (tức Võ Thị Liên), hội phó.

Hội Lão thành: Lê Văn Phát, hội trưởng, Dương Văn Thông, hội phó.

Công an: Bùi văn Chiêu, Đặng Văn Thành, phó công an.

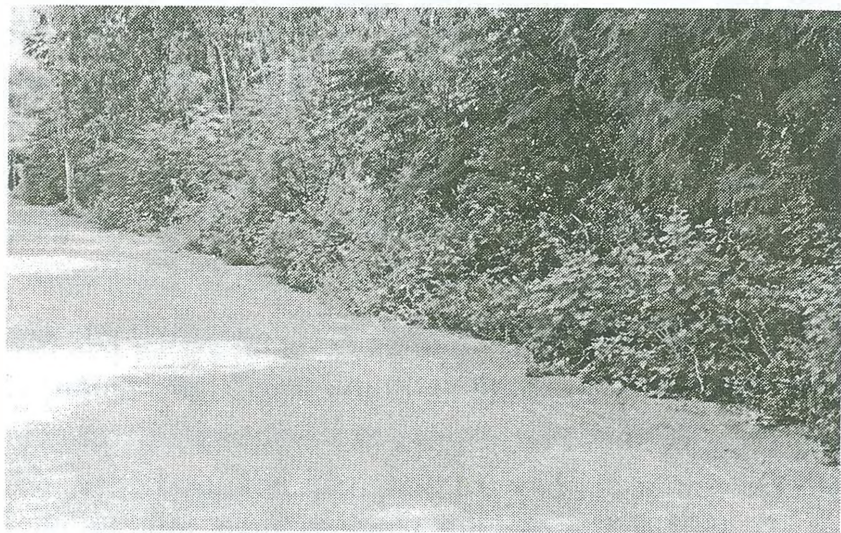
(2) Theo hồi ức của đồng chí Lê Văn Thiên (Sáu Thiên) thì Bí thư đầu tiên là ông Nguyễn Văn Quý (Tư Quý), đến năm 1949, đ/c Tư Quý được rút về huyện công tác Nông hội, đ/c Ba Ngời làm Bí thư. Cuối năm 1949, đầu 1950, đồng chí Nguyễn Sơn Tây (Tây Long), người Phú Thuận, phụ trách Bí thư. Đến đầu năm 1951, đồng chí Sơn Tây được rút về Huyện uỷ Tân Châu, thì đồng chí Dương Văn Cháp (Mười Cháp) làm Bí thư.

Do địa bàn xã quá rộng, dân ít, lại cư ngụ rải rác các gò, nên chỉ bộ và chánh quyền có chủ trương cho dân cư ngụ tập trung. Toàn xã chia ra 5 ấp: gò Bói, gò Chùa, gò Tự Do, dứt gò Suông, Rọc Muông. Để đối phó tình hình an ninh biên giới, đồng chí Tám Thới, trưởng Công an huyện Hồng Ngự trực tiếp chỉ đạo thành lập liên gia (bảy, tám gia đình thành một liên gia) có một liên gia trưởng, giống như tổ an ninh nhân dân ngày nay; nơi ít dân thì ba, bốn hộ thành một liên gia; mỗi ấp thành lập một tổ Đảng, với 3 đến 5 đảng viên.

Trụ sở Chi ủy và Ủy ban xã đóng tại gò Tự Do, Mặt trận Việt Minh và Công an ở gò chùa Phước Thiện, xã đội đóng ở Bình Phú. Ngoài các cơ quan của xã, Tân Hộ Cơ còn là địa bàn trú đóng của nhiều cơ quan, đơn vị của huyện, tỉnh và khu. Từng cơ quan, từng bộ phận đều có tổ chức phòng gian bảo mật chống tình báo, gián điệp, chống trộm cướp. Huyện chỉ đạo các xã Bình Thạnh, Tân Hộ Cơ... kết hợp với một số xã bạn bên Campuchia phải thường xuyên tuần tra bảo vệ an ninh vùng hành lang biên giới.

Ban chỉ huy xã đội, ngoài đồng chí Bướm: xã đội trưởng, còn có đồng chí Nguyễn Văn Mầu: Chánh trị viên, đồng chí Dương Văn Giã: phụ trách xã đội phó. Xã có một tiểu đội dân quân du kích thoát ly đặt trạm

canh gác tại Bình Phú. Để tạo địa hình phục vụ chiến đấu lâu dài, chi bộ phát động nhân dân trồng cây, gây rừng xây dựng vùng căn cứ cách mạng. Mỗi ấp có một trung đội dân quân du kích.



*Trụ sở chi ủy và Ủy ban xã thời kháng chiến chống Pháp
đóng tại gò Tự Do (Nay thuộc ấp 2 thị trấn Sa-rài - Tân Hồng)*

Chi bộ chỉ đạo, cơ quan nào thành lập tổ Đảng theo cơ quan đó, nếu số đảng viên ít thì hai, ba cơ quan cùng lập chung một tổ Đảng. Tổ Đảng và chi bộ phải xây dựng nội bộ đoàn kết tốt, củng cố mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân, tạo niềm tin yêu trong nhân dân đối với Đảng, phát huy mối quan hệ nghĩa tình vốn có trong lối xóm, láng giềng...

Các đoàn thể cứu quốc cũng được tổ chức và kiện toàn: Thanh niên cứu quốc do đồng chí Võ Văn Thanh, Năm Cao (người Long Khánh); Phụ nữ cứu quốc do chị Hai Phôi và hai đồng chí Thanh và Diệu đảm nhiệm.

Sản xuất lúc bấy giờ ở vùng này chủ yếu là cây lúa nổi, mỗi năm một vụ, năng suất thấp chỉ từ 2,5 đến 3 tấn/ha; trên các gò, giồng nhân dân còn trồng khoai, bắp, đậu... nhân dân không bị đói mà còn thừa lương thực đóng góp cho kháng chiến. Ngoài ra, nguồn lợi thủy sản trên các sông rạch rất lớn, nhất là sông Sở Hạ, một phần giao cho các đơn vị khai thác, phần còn lại Ủy ban cho sa viên (tư nhân lãnh trưng thuế khai thác nguồn lợi thủy sản) đấu giá lấy tiền nộp ngân sách xã. Trong khai thác, Ủy ban có quy định vùng đánh bắt tự do của nhân dân bằng phương tiện nhỏ, đồng thời cũng có quy định bảo dưỡng cá con (cấm đánh bắt cá có trứng và cá con từ tháng 4 đến tháng 7). Nhà nào cũng có hồ gạo nuôi quân, hàng tháng du kích địa phương đến trực tiếp thu. Cán bộ xã và dân quân du kích thoát ly đều được cấp mỗi người 15 kg/một tháng; các sinh hoạt phí khác đều tự túc.

Về văn hóa giáo dục, mỗi ấp đều mở các lớp học, do các thầy giáo: Cảnh, Năm, Trai, Thi, Thính, Canh... phụ trách và các lớp bình dân học vụ để chống giặc đốt. Xã có trạm y tế, mỗi ấp có trạm cứu thương. Các đoàn thể trong xã vận động nhân dân đẩy lùi được một số tệ

nạn xã hội: cờ bạc, trộm cắp, rượu chè say sưa... an ninh trật tự được đảm bảo, có khi dân chạy tản cư hai, ba ngày mới về, nhưng gà vịt, đồ dùng trong nhà không hề bị mất mát.

Chánh quyền xã phối hợp với Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể phát động dân thi đua chống ba thứ giặc: đói, dốt và ngoại xâm với khẩu hiệu: "Làm cho nhanh, làm cho tốt, làm cho nhiều". Chánh quyền phát động nhân dân thực hiện phương châm "vườn không, nhà trống", đề phòng giặc càn quét từ hai hướng: từ Trà Bét (Campuchia) sang, hoặc từ Hồng Ngự tới.

Ra đời trong hoàn cảnh chiến tranh, nên Chi bộ và Ủy ban kháng chiến Tân Hộ Cơ gấp rút hoàn tất công tác tổ chức chánh quyền và đoàn thể nhân dân, lãnh đạo nhân dân đối phó với âm mưu của giặc hoàn thành các nhiệm vụ công tác kháng chiến.

2. Góp phần vào cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ anh dũng đánh thắng thực dân Pháp (1949-1954):

Đầu năm 1949, Huyện uỷ rút đồng chí Nguyễn Văn Nguyễn và điều đồng chí Tống Đức Nghi (Ba Ngời) về làm Bí thư xã Tân Hộ Cơ. Trong thời điểm này, chi bộ kết nạp thêm 4 đảng viên mới, trong đó có nhà sư Trần Liên⁽¹⁾.

(1) Xem phụ lục.

Cuối năm 1949, trên rút đồng chí Tổng Đức Nghi, điều đồng chí Sơn Tây (Tây Long) về Tân Hộ Cơ phụ trách Bí thư. Đến 1951, đồng chí Sơn Tây được điều về Tân Châu, lúc bấy giờ chi bộ xã có 50 đảng viên. Từ năm 1951 đến đình chiến (7/1954) đồng chí Dương Văn Cháp (Mười Cháp) làm Bí thư, số đảng viên trong chi bộ lên đến 66 đồng chí.

Từ ngày thành lập xã đến năm 1954 do phong trào cách mạng địa phương lên cao, giặc không trụ lại được để đóng đồn bót. Trong thời gian này có 7 lần chúng tập trung quân từ Trà Bét (Campuchia), bốn lần chúng tập trung quân từ Hồng Ngự để càn vào xã kết hợp với phi, pháo với âm mưu đốt sạch, phá sạch và giết sạch. Nhưng chúng đã bị dân quân du kích địa phương cùng bộ đội huyện bắn cháy 4 tàu, làm chết gần 50 tên và bị thương hàng trăm tên. Ta cũng đã vận động binh sĩ ở đồn Tà-va (Campuchia) lấy được 32 súng đủ loại.

Năm 1952 (năm Thìn), toàn Đồng Tháp Mười ngập rất sâu, mùa màng bị tiêu hủy, nhà cửa bị tàn phá... đời sống nhân dân và cán bộ chiến sĩ ở Tân Hộ Cơ cũng như các xã trong vùng vô cùng khó khăn. Cán bộ, chiến sĩ sinh sống chủ yếu là bám vào dân mà cụ thể là gia đình của từng đồng chí. Phần lớn dân cư đều rút lên các gò cao thuộc giống Sa-rày, sinh sống bằng cách trồng khoai, củ... Còn khu vực sông Sở Hạ có số dân đến gò Á-đôn, Sóc Trúc, gò Xoài Lớn, Dinh Bà sống tạm với nghề lưới, lờ lợp... Lợi dụng tình hình khó khăn của ta,

địch nhiều lần tập trung quân càn quét vào chiến khu Đồng Tháp Mười. Riêng địa bàn xã Tân Hộ Cơ từ giữa tháng 7 đến giữa tháng 9, chúng từ Trà Béc (Campuchia) càn quét ba trận. Với âm mưu huỷ diệt vùng kháng chiến, hành quân đến đâu chúng bắn sạch, giết đốt sạch người, trâu bò, nhà cửa, lúa gạo... xác súc vật và cả xác người làm ô nhiễm nguồn nước trong một thời gian. Cuộc hành quân kéo dài trong ba ngày liền. Đời sống nhân dân, cán bộ và chiến sĩ trong thời gian này vô cùng gian nan, vất vả.

Đồng bào và cán bộ chiến sĩ phải ăn gạo cháy còn sót lại, rồi đến khoai, rau tự nhiên (bông súng, củ co, rau mát...) hoặc cây cỏ gì có thể ăn được. Hoạt động của cán bộ đảng viên lúc này chủ yếu là hướng dẫn đồng bào tránh né các trận càn tại chỗ, còn lại một phần ba lực lượng hướng dẫn đồng bào di tản xuống Tân Thành hoặc tạt qua Bình Thạnh. Một số ít cán bộ sa sút ý chí chiến đấu bỏ địa bàn trốn ra thị trấn sinh sống.

Để bồi dưỡng sức dân, theo đuổi cuộc kháng chiến lâu dài, từ năm 1947 đến 1954, thực hiện chủ trương của trên, xã tiến hành thực hiện chánh sách giảm tô, xoá nợ cũ và cấp đất hiến, đất tịch thu và đất tạm quản lý cho nông dân Việt lẫn Khơme, đào đìa khai thác cá. Các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn xã cũng được giao đất để khai hoang sản xuất, đìa bầu, sông rạch khai thác cá tự túc. Nhân dân phấn khởi làm ăn, động viên chồng, con em tham gia du kích, đóng thuế đảm

phụ, nuôi chứa cán bộ, du kích. Cuộc sống ngày một ổn định và đi lên.

Về văn hóa, mỗi ấp đều có trường học bằng tre lá, mỗi liên gia có lớp bình dân học vụ, đến 1954, cơ bản trong xã được thoát dốt. Đặc biệt là trường của thầy giáo Cảnh, thầy giáo Thi dạy "trên tiểu học" và trong 21 năm chống Mỹ, lớp học sinh này trở thành cán bộ lãnh đạo chỉ huy cấp xã, huyện, tỉnh ở một số nơi trong hai tỉnh An Giang và Đồng Tháp hiện nay. Xã có ban thông tin, ấp có tổ thông tin, có đội ca múa do thầy giáo Cảnh, chị Đặng Thị Thay xây dựng. Ngoài ra, trong xã còn có trạm y tế, nhà bảo sanh, tổ cứu thương ở các ấp. Toàn dân quen dần với phong trào ăn sạch, uống sạch, bài trừ mê tín, thầy bói, thầy pháp... dần dần bị loại ra khỏi đời sống của nhân dân. An ninh trật tự trong xã bảo đảm an toàn "nhà không cửa, vườn không rào", xuống ghe, trâu bò không khóa...

Từ năm 1948 đến 1950, xã đội xây dựng được một tiểu đội thoát ly và một trung đội bán thoát ly, 6 trung đội dân quân tự vệ. Mỗi ấp có ban chỉ huy ấp đội. Lực lượng thoát ly chỉ có 9, 10 chiến sĩ. Vũ khí được huyện trang bị chủ yếu là súng trường Mas.36 của Pháp và một số tự tạo: lựu đạn, dao găm, mã tấu... Đội du kích xã thường hoạt động trong khu vực Bình Phú, Dinh Bà, Côn-tà-ét, gò Suông chống địch càn quét, bảo vệ biên giới.

Trong thời gian này, du kích và cán bộ xã sinh sống chủ yếu là dựa vào dân bằng hũ gạo nuôi quân và hoạt động tập trung vào chống càn bố đơn thuần, chưa có kết hợp đấu tranh chính trị.

Thời gian 1950 đến 1954, xã đội xây dựng được ba thứ quân: dân quân tự vệ ấp, dân quân du kích luân phiên và du kích thoát ly.

Tính đến 1954 xã đội Tân Hộ Cơ tham gia chống càn 10 trận.

Đặc biệt năm 1952, lợi dụng mùa nước lụt lên cao, địch tổ chức ba cuộc càn lớn vào những tháng 7, 8 và 9, chủ yếu đánh phá vào các cơ quan của ta đóng ở Tân Hộ Cơ. Du kích xã bám trụ ở gò Cây Dương phối hợp với trung đội vũ trang Đoàn an dưỡng Khu VIII và đội đánh tàu của Tỉnh đội chặn đánh; hai trận đầu ta bắn cháy 2 tàu, một tại gò Cò Bang và một ở gò Chùa. Trong hai trận đánh này, do địch hành quân bằng xuồng, ta vừa đánh vừa báo động cho dân né, các cơ quan rút lui an toàn. Ta còn bắn chìm một số xuồng của địch và nhiều tên thương vong. Trận thứ ba, du kích phối hợp với đội bắn tàu (bazoka) của Tỉnh, làm chìm một tàu giặc ở ngã ba Thông Bình và làm bị thương hai chiếc khác. Để cầm chân địch không cho chúng đi càn quét trong mùa nước nổi, Huyện uỷ Hồng Ngự chỉ đạo huyện đội phối hợp du kích bốn xã An Bình, Tân Thành, Bình Thạnh và Tân Hộ Cơ, mỗi xã cử 7, 8 chiến sĩ bao vây pháo kích cầm chừng đồn Hồng Ngự.

Năm 1953, xã đội thường xuyên điều một tiểu đội du kích luân phiên thay đội du kích thoát ly, phối hợp với địa phương quân huyện Hồng Ngự bao vây thị trấn Hồng Ngự và phối hợp với Đại đội 948, tiểu đoàn 311 vừa chống giặc đốt lúa, vừa cắt lúa giúp dân hai xã Tân Phú, Tân Thành và tải thuốc đạn từ Lào về. Ngoài ra, còn phối hợp với Trung đoàn 115 biểu dương lực lượng ở Đông nam Cao Miên và mở chiến dịch ở Châu Đốc.

Giồng Sa-rày là khu căn cứ khá an toàn, nên vào cuối năm 1948 có một số cơ quan cấp trên hoặc ngoài tỉnh trú đóng và hoạt động, như Ty Thông Tin tỉnh Châu Đốc tổ chức lễ Độc lập 2/9 tại giồng. Trường Đảng Khu VIII cũng chọn gò Ổi (trên giồng Sa-rày) điểm mở lớp học tập về chủ nghĩa Mác, gần 100 học viên là cán bộ cấp huyện của tỉnh Long Châu Tiền.

Suốt 9 năm kháng chiến trên địa bàn Tân Hộ Cơ là nơi trú đóng của cơ quan cấp tỉnh, như: Trường Đảng Tỉnh, Tỉnh Đội (gồm cả Tham mưu, chánh trị và hậu cần), Công xưởng của Ty Công an, Công binh xưởng của Khu Đông nam Cao Miên và một số cơ quan của huyện Hồng Ngự. Phần lớn các cơ quan này đóng từ gò Chùa đến gò Tự Do, xuống đến Cây Gáo Lồng Đèn.

Công tác xây dựng Đảng rất được chi bộ quan tâm. Công tác kết nạp đảng viên mới bảo đảm đúng điều lệ Đảng. Đối tượng được bồi dưỡng từng bước, kết nạp dựa theo phong trào cách mạng của quần chúng, phân công hai đảng viên theo dõi, giúp đỡ. Khi đủ điều kiện

thì đề nghị Huyện ủy xem xét, ra quyết định kết nạp. Lễ kết nạp được tổ chức trang nghiêm, có treo cờ Đảng, ảnh Bác Hồ, hát Quốc tế ca. Thời gian dự bị của đảng viên mới kết nạp phụ thuộc vào thành phần xuất thân: đối với thành phần nông dân và công nhân là 3 tháng; đối với thành phần trung nông là 6 tháng; đối với các thành phần khác thì từ 12 tháng trở lên. Chi ủy xã phân công từ 5 đến 6 đồng chí phụ trách sáu tiểu tổ Đảng ở các ấp.

Mỗi tháng chi ủy, chi bộ và tiểu tổ đảng họp một lần. Đời sống tuy còn nhiều khó khăn, nhưng các đảng viên đều đóng đảng phí rất tốt.

Năm 1950, có cuộc khảo sát đảng viên, mỗi đảng viên phải làm bảng tự phê, đưa ra tiểu tổ đảng đóng góp, sau đó đưa ra chi bộ đóng góp, tự phê tại chi bộ, có đại diện Huyện ủy xuống dự. Trong đợt khảo sát này, đồng chí nào có phẩm chất chánh trị, đạo đức cách mạng tốt, hoàn thành nhiệm vụ trên giao thì được đưa vào danh sách đảng viên danh dự. Đồng chí nào có thiếu sót thì tùy theo từng mức độ mà có hình thức xử lý. Qua đợt khảo sát này, chi bộ xã Tân Hộ Cơ có 50% đảng viên đạt danh hiệu danh dự, 3 đảng viên bị hình thức kỷ luật cảnh cáo, số đảng viên còn lại được phê bình nghiêm túc. Mỗi lần sinh hoạt chi bộ, tiểu tổ Đảng đều thực hiện tốt công tác chánh trị tư tưởng là mỗi đảng viên phải tự nhận xét về diễn biến tư tưởng của bản thân trong tháng, về lập trường cách mạng, về đạo

đức lối sống... chi bộ, tiểu tổ Đảng đóng góp, chấn chỉnh.

Trong suốt chín năm (1945-1954), chi bộ xã Tân Hộ Cơ đã làm tốt các công tác xây dựng Đảng, công tác tư tưởng chánh trị, tổ chức đoàn thể, quần chúng và cả sản xuất cung cấp lương thực, thực phẩm, giáo dục, y tế... và nhất là công tác phòng gian bảo mật, chống do thám gián điệp... bảo đảm an toàn khu căn cứ, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan Huyện, Tỉnh và cả cấp Khu đóng trên địa bàn xã hoạt động và công tác tốt, góp phần tích cực cùng đồng bào trong Tỉnh và cả nước kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi.

Chiến thắng Điện Biên Phủ (5/1954) và các chiến trường khác, buộc thực dân Pháp phải ký kết Hiệp định Genève (20/7/1954) chấm dứt chiến tranh trên bán đảo Đông Dương.

Bao nhiêu đảng viên, cán bộ, chiến sĩ và nhân dân đã ngã xuống trong các trận chống càn để bảo vệ khu căn cứ, góp phần chặn đứng sự xâm nhập của giặc vào chiến khu Đồng Tháp Mười (Việt Bắc của Nam bộ thành đồng), xứng đáng là những anh hùng liệt sĩ, là niềm tự hào của nhân dân địa phương. Truyền thống hào hùng đó làm cho nhân dân Tân Hộ Cơ tăng sức mạnh trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ sau này.

Chương thứ năm

ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN XÃ TÂN HỘ CƠ TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC (1954-1975)

1. Đấu tranh đòi thi hành Hiệp định, bảo tồn, phát triển lực lượng hưởng ứng phong trào Đồng khởi (1954-1960):

Theo Hiệp định Genève về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam và Đông Dương, thì ở Việt Nam Hiệp định qui định lấy vĩ tuyến 17 làm giới tuyến quân sự tạm thời giữa hai miền Nam-Bắc; quân đội Liên Hiệp Pháp tập kết vào Nam, quân đội nhân dân Việt Nam tập kết ra Bắc. Từ khi Hiệp định có hiệu lực, Pháp từng bước rút quân khỏi Việt Nam. Trong vòng hai năm (20/7/1954 - 20/7/1956), hai miền Nam-Bắc Việt Nam tiến hành hiệp thương tổ chức tổng tuyển cử tự do thống nhất đất nước.

Để thi hành Hiệp định, bộ đội huyện, tỉnh và khu đóng trên địa bàn Tân Hộ Cơ tập kết về Cao Lãnh để xuống tàu ra Bắc. Chuẩn bị cho cuộc đấu tranh mới, cán bộ và du kích Tân Hộ Cơ thực hiện chủ trương chuyển hướng cơ sở, sắp xếp điều lắng.

Nhưng Hiệp định ký chưa "ráo mực" thì đế quốc Mỹ đã ép Pháp đưa Ngô Đình Diệm, vốn là một quan lại phong kiến dưới triều Bảo Đại trước đây, được Mỹ nuôi dưỡng, đào tạo đưa về làm Thủ tướng với âm mưu phá hoại Hiệp định, chia cắt lâu dài đất nước ta, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới của đế quốc Mỹ. Ngô Đình Diệm hình thành bộ máy chánh quyền tay sai từ Trung ương xuống tận xã, ấp.

Ở cấp xã, chúng thành lập Hội đồng hương chính, đứng đầu là Đại diện xã, một số uỷ viên. Trong xã chia ra nhiều ấp; đứng đầu là trưởng ấp; dưới ấp có nhiều liên gia (năm nhà), đứng đầu là liên gia trưởng. Ngoài ra, còn có bọn Công dân vụ, được tung ra khắp xóm ấp để dò la, nắm các gia đình trước đây có người kháng chiến. Để tiến hành thanh lọc và khủng bố, buộc tất cả mọi công dân phải làm giấy căn cước, cán bộ không tập kết ở lại muốn được hợp pháp làm ăn sinh sống phải có giấy căn cước, thì trên giấy này có ghi hai chữ "*hồi cư*", để theo dõi chặt chẽ.

Tháng 8 năm 1954, chúng cho đóng đồn Bình Phú với một đại đội gần 100 tên của tiểu đoàn 508, do các tên trung úy Nguyên, trung úy Nguyệt, trung úy Ngô chỉ huy. Chúng gom dân vào ấp, lập xã Thông Bình, hình thành bộ máy tề ấp. Ở Bình Phú có tên Phú, tên Đình; ở Cả Xiêm có tên Được; ở gò Bói có tên Tộ, tên Bướm... là những tên ác ôn, chống cộng khét tiếng.

Chúng bắt ép một số người làm tay sai đi gom dân cho chúng, như anh Chúc (ở gò Chùa), anh Định, anh Ba Quành (ở dứt gò Suông), anh Lễ (ở gò Kho). Ai chống đối, không làm theo thì bị vu cáo là Việt Cộng, sẽ bị bắt đánh đập, tù đầy hoặc giết, như trường hợp của các anh: Lê Văn Liếp và anh Đặng Văn Thắng, anh Nhẫn, anh Tám Lái (ở Gò Chùa) bị bắt đánh đập tàn nhẫn rồi giải đi Cao Lãnh; chúng bắt ông Tư Hường ở gò Bói treo lên ngọn cây mít tra tấn đến mang bệnh mà chết, bắn chết ông Gạch ở gò Ngàn Hai và bắt anh Lầy, anh Lượm vu cáo là Việt cộng, đầy đi Pley-ku. Ác ôn nhất trong lúc này là hai tên Nhâm và Chơi.

Trong biến cố lịch sử đất nước tạm thời chia làm hai miền, tháng 9/1954, Bộ Chánh trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Nghị quyết chuyển hướng kịp thời phong trào cách mạng miền Nam. Tháng 10 năm 1954, Xứ ủy Nam bộ ra Nghị quyết về việc chuyển cách mạng miền Nam từ đấu tranh quân sự sang đấu tranh chánh trị, nhằm củng cố hòa bình, tranh thủ thực hiện tự do, dân chủ, cải thiện dân sinh, tiến tới đấu tranh thống nhất nước nhà. Xứ ủy khẳng định các cuộc đấu tranh đều phải phục vụ cho việc củng cố và phát triển cơ sở cách mạng. Cách mạng miền Nam đã chuyển vào thời kỳ "giữ gìn lực lượng".

Thực hiện Nghị quyết của Xứ ủy Nam Bộ, ta giải thể Tỉnh ủy Long Châu Sa, lập ba Tỉnh ủy Long

Xuyên, Châu Đốc và Sa Đéc. Chi bộ Tân Hộ Cơ chịu sự chỉ đạo của Huyện ủy Hồng Ngự, tỉnh Châu Đốc.

Cũng như nơi khác, lực lượng cách mạng ở Hồng Ngự được tổ chức lại và rút vào bí mật, vũ khí chôn giấu. Huyện ủy cũng tổ chức bí mật. Đầu năm 1955, Huyện ủy triệu tập cán bộ, đảng viên chủ chốt ở các xã về Tân Phước (nay thuộc huyện Thanh Bình) để triển khai Nghị quyết của Trung ương và Xứ ủy. Huyện ủy khẳng định giữ gìn và xây dựng lực lượng lúc này là vấn đề sống còn của cách mạng. Do đó mọi hoạt động của Đảng và quần chúng phải nhanh chóng chuyển vào bí mật. Nổi tiếp truyền thống cách mạng kiên cường của nhân dân trong chín năm kháng chiến chống Pháp, Huyện ủy chủ trương: phải tranh thủ lúc địch đang sơ hở, mạnh dạn cài cán bộ ta vào lực lượng của địch. Như vậy vừa bảo vệ cơ sở Đảng, cơ sở cách mạng, vừa có lực lượng để hỗ trợ phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng ⁽¹⁾.

Sau tập kết chuyển quân, Tân Hộ Cơ còn lại 62 đảng viên. Khu vực Dinh Bà-Bình Phú-gò Bói có 22 đảng viên, khu vực gò Chùa-gò Kho có 21 đảng viên, khu vực gò Da-gò Ói-gò Suông có 19 đảng viên; thực hiện chủ trương của Huyện ủy, chi bộ Tân Hộ Cơ chia thành hai chi bộ:

(1) *Nửa thế kỷ đấu tranh cách mạng kiên cường nhân dân Hồng Ngự*, tr. 74.

- Chi bộ B có 4 đồng chí, gồm: đồng chí Đồng, vợ đồng chí Ai (không rõ tên), đồng chí Ba Vẹn và do đồng chí Thanh làm Bí thư. Đồng chí Ba Vẹn cài vào hàng ngũ tề xã của địch theo lối lãnh đạo đơn tuyến.

- Chi bộ A gồm 58 đồng chí còn lại, tổ chức theo tổ tam tam chế, sinh hoạt theo phương châm bí mật.

Cuối năm 1954, Huyện uỷ Tân Hồng⁽¹⁾ họp Hội nghị mở rộng đến các chi bộ, để triển khai Nghị quyết của Trung ương (tháng 9/1954) và của Tỉnh uỷ (11/1954) Hội nghị Huyện uỷ đã coi nhiệm vụ tập hợp quần chúng, đẩy mạnh đấu tranh chính trị, buộc địch phải thi hành Hiệp định, đòi dân chủ, hoà bình là nhiệm vụ quan trọng và chủ yếu. Hình thức đấu tranh phải chuyển hướng kịp thời từ đấu tranh vũ trang sang đấu tranh chính trị, với phương châm củng cố phát triển cơ sở xã, ấp; phải khéo kết hợp công tác bí mật của Đảng với phong trào đấu tranh công khai của quần chúng⁽²⁾.

Ngoài yêu cầu chính trị trên, các cuộc đấu tranh luôn gắn chặt với yêu cầu bức thiết của nhân dân lúc bấy giờ là đòi dân sinh, dân chủ, chống khủng bố, trả thù những gia đình kháng chiến.

(1) Ghép hai huyện Tân Châu và Hồng Ngự tỉnh Long Châu Tiền.

(2) Biên bản tọa đàm về Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng và nhân dân Hồng Ngự (tổ chức ngày 9/4/1985).

Đầu năm 1955, khi chánh quyền Ngô Đình Diệm cho lập xã Bình Phú, hình thành bộ máy tề xã, song song với việc tiến hành chánh sách tố cộng-diệt cộng. Trong tình hình đó, 58 đảng viên ở chi bộ A phân tán ra như sau:

- Trên điều đi một số;
- Một số cho đi điều lắng;
- Một số tự di cư sang địa bàn khác (có lên Campuchia). Trong đó, có một số tự móc nối với chi bộ cơ sở để hoạt động; số còn lại sa sút ý chí chiến đấu, tự hợp pháp hoá ra làm ăn sinh sống.

Để có lực lượng nòng cốt, đảm bảo phong trào đấu tranh thắng lợi, ta tập hợp các đảng viên trung kiên lại thành hai tiểu tổ, cài 11 đảng viên có năng lực vào tổ chức tề xã, ấp và một số tổ chức khác của chúng. Đó là các đồng chí: Bảy Hiệp, Hoàn, Sáu Định, Ba Thức, anh Mây, Út Tấu, Bảy Đăng, Út Dọn... Một số khác, ta bố trí vào các đội dân canh ở các ấp và lực lượng này được sử dụng tốt trong việc bảo vệ tổ chức và hoạt động của ta, cũng như truy bắt một số tên gián điệp luồn sâu vào vùng ta kiểm soát...

Bọn lính ở đồn Bình Phú, Thông Bình do ba tên trung uý chỉ huy (Nguyên, Ngộ và Nguyệt) thường xuyên rình rập, càn quét, bắt bớ... những gia đình có người thân tham gia kháng chiến. Các gia đình này

chẳng những phải đi đăng ký, trình diện theo qui định, tối đến phải ngủ ở một nơi do chúng chỉ định... mà thường xuyên còn bị theo dõi. Dân chúng đi làm đồng, tối phải về nhà; đi chỉ được mang lương thực dùng trong ngày. Không khí ngột ngạt trùm khắp miền Nam. Trên địa bàn huyện Hồng Ngự và xã Tân Hộ Cơ nhiều cán bộ đảng viên bị thủ tiêu, nhiều người bị giam giữ, tù đầy, mất tích...

Để đối phó với tình hình và cũng là đáp ứng nguyện vọng tha thiết của đồng bào miền Nam, ngày 10/7/1955, Xứ uỷ Nam Bộ chủ trương phát động một đợt đấu tranh chánh trị phối hợp phong trào chung toàn miền Nam. Được sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ Châu Đốc, Huyện uỷ Hồng Ngự phát động các xã tổ chức xuống ghe chở hàng ngàn đồng bào ở các xã Thường Phước, Tân Thành, Tân Hộ Cơ... có mang băng, đơn, kiến nghị kéo qua Tân Châu, nơi Ủy hội Quốc tế đóng, trực tiếp đưa yêu sách đòi nguy quyền Sài Gòn phải để cho dân tự do đi lại làm ăn, chống bắt bớ khủng bố, đòi hiệp thương thống nhất đất nước.

Riêng nhân dân Tân Hộ Cơ tham gia ba cuộc đấu tranh đưa kiến nghị tới Ủy hội Quốc tế tại Tân Châu. Cuộc đấu tranh có tổ chức thành đội ngũ, có ban chỉ huy trực tiếp, ngoài ra còn có sở chỉ huy ở phía sau. Người tham gia được chia thành tổ tam tam. Lực lượng có lần lên đến 300 người (đa số là phụ nữ), buộc Ủy hội

Quốc tế phải nhận yêu sách kiến nghị. Ngoài ra, còn nhiều lần đấu tranh trực diện với đồn Bình Phú và gián tiếp ký tên kiến nghị thông qua tề ấp gởi đồn. Trước mỗi đợt đấu tranh đều có tập huấn, đặt ra một số tình huống giả định để xử lý, đối phó cho phù hợp. Khó khăn nhất là làm sao đưa yêu sách tận tay đại diện người Ba Lan trong tổ giám sát quốc xã ở Tân Châu, vì đối với phụ nữ ta, mọi người phương Tây đều hao hao như nhau, không biết ai là người Ba Lan, ai là người Canada, đây là vấn đề mới mẻ, nhưng với quyết tâm cao, mọi khó khăn đều qua. Còn trong đấu tranh trực tiếp với giặc, điều quan trọng là phải có lý lẽ vững chắc và linh hoạt ứng xử trong từng tình huống. Có lần, tên trung úy Nguyễn (đồn Bình Thạnh) nói với đoàn đấu tranh là *"Theo quốc gia vàng đeo có khúc, theo cụ Hồ khổ sở suốt đời"*. Chị Tư Ruộng đại diện đoàn đấu tranh, đáp ngay: *"Theo quốc gia vàng đeo có lúc, theo cụ Hồ hạnh phúc muôn đời"*. Nó nói tiếp: *"Ở miền Bắc đói khổ dữ lắm, phải ăn cám thay cơm"*. Chị Tư Ruộng liền trả miếng: *"Nếu họ ăn cám thay cơm, thì chắc là ngoài đó đã dư gạo nhiều lắm rồi, vì muốn có cám phải có nhiều gạo mới được"*.

Cuộc đấu tranh qui mô nhất là vào ngày 20/7/1955, diễn ra tại Tân Châu, Tân Hộ Cơ tham gia với số lượng 200 người, mang kiến nghị đòi chánh quyền Sài Gòn phải hiệp thương với miền Bắc. Lần này, đoàn Tân Hộ

Cơ cũng do chị Tư Ruộng chỉ huy, ta có kinh nghiệm, quyết đưa được kiến nghị mới về.

Một số người tham gia cuộc đấu tranh trở về, bị chúng bắt nguội, giam ở đồn Cái Cối, trong đó có nhiều đảng viên và quần chúng cốt cán. Huyện ủy Hồng Ngự lãnh đạo các xã viết kiến nghị chung gửi Ủy hội Quốc tế tố cáo hành động khủng bố, trả thù của ngụy quyền địa phương, yêu cầu buộc địch phải thả người bị bắt. Cuộc đấu tranh được báo chí Sài Gòn hưởng ứng, viết nhiều bài tố cáo hành vi xâm phạm Hiệp định của ngụy quyền Sài Gòn. Chúng ngoan cố tránh né, làm cho cuộc đấu tranh kéo dài; cuối cùng phải thả những người bị bắt.

Từ năm 1955 đến tháng 6/1956, có một số bộ phận giáo phái ly khai trốn vào Đồng Tháp Mười, như tiểu đoàn Lê Hồng Tươi, tiểu đoàn 111, tiểu đoàn Nguyễn Trãi của Hoà Hảo. Quân số của tiểu đoàn này chưa quá 100 tên. Tranh thủ, lợi dụng chỗ họ mâu thuẫn với chánh quyền Ngô Đình Diệm, ta giúp họ nơi ăn ở, phương tiện di chuyển; đồng thời kích động và hướng dẫn họ đánh đồn Bình Phú. Lực lượng này cùng dân chúng bao vây đồn thúc ép chúng đầu hàng. Kết quả, tên thượng sĩ Nhâm ác ôn bị tiêu diệt tại chỗ, một số bị thương, số khác bỏ đồn trốn. Bọn tề ấp bị ta bắt giáo dục, bắt làm cam kết và giải tán.

Nhưng đến đầu năm 1957 lực lượng giáo phái Hoà Hảo lần lượt đầu hàng Ngô Đình Diệm, bọn chúng rảnh tay, tập trung càn quét, khủng bố ác liệt hơn, Bọn trung úy Tám, trung úy Bê ở Tân Thành cũng thường xuyên càn quét vào xã.

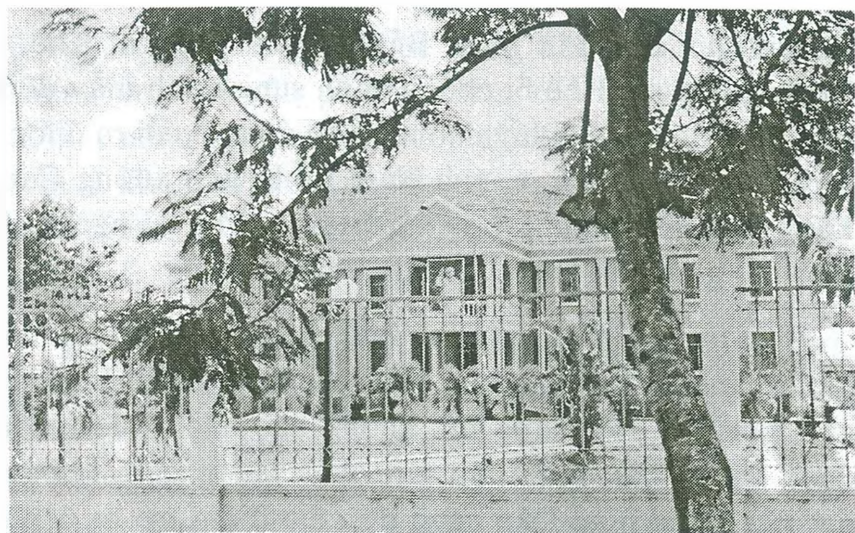
Để thực hiện chánh sách tập trung dân, qui khu kiểm soát, vào đầu năm 1958, chúng chia Tân Hộ Cơ ra ba ấp: ấp Bình Phú (giáp Bình Thạnh) gò Bói (nay thuộc ấp Chiến Thắng), Dinh Bà (giáp Thông Bình cập sông Sở Hạ), gò Chùa, gò Da (nay thuộc ấp Công Tạo); đưa gần 100 hộ dân di cư (Quảng Nam, Quảng Ngãi...) và thành lập 4 khu dinh điền: Tân Hòa (gò Bói), gò Chùa, Đôn Hậu (gò Da) và Đôn Phục; thành lập chi khu Đôn Phục và bốn đồn tại bốn khu dinh điền để kèm kẹp nhân dân. Trung đội của thiếu úy Công đóng ở gò Da; trung đội của thiếu úy Kiệt đóng ở gò Oi; trung đội của thượng sĩ Vọng đóng ở gò Chùa. Một số lính trong lực lượng giáo phái Hòa Hảo đã đầu hàng Ngô Đình Diệm ở Tân Hộ Cơ, do tên trung úy Tám chỉ huy.

Từ năm 1965 đến 1968, có thể chia Tân Hộ Cơ ra hai vùng. Vùng mạnh có các ấp: Cả Xiêm, Dinh Bà, Cà Vàng (tức ấp Thị); vùng yếu Gò Bói, Gò Chùa, Gò Da, Đôn Phục, Rộc Muống. Trong khoảng thời gian này, định thành lập trung tâm biệt kích Cà Vàng⁽¹⁾.

(1) sau ngày 30/4/1975, khu vực này trở thành ấp Thị của Tân Hộ Cơ; sau đó giao lại cho Thông Bình, khi xã này được thành lập.

Đến năm 1968, tách Tân Hộ Cơ ra, thành lập xã Tân Công Chí, lấy đầu gò Kho làm ranh giới. Tân Công Chí gồm các ấp thuộc vùng yếu. Đến năm 1973, Tân Hộ Cơ lấy lại hai ấp gò Bói và gò Chùa.

Quần chúng và cán bộ ta tranh thủ được thượng sĩ Vọng, Vọng ủng hộ một số phong trào quần chúng, như tổ chức đội đá banh, để quần chúng tự do đi lại làm ăn. Còn tên thiếu úy Kiệt thường làm khó dễ dân chúng, nên vào tháng 8/1957, bị ta tiêu diệt cùng với trung đội của y. Đến tháng 10/1957, hai đồn gò Da và gò Ổi rút khỏi địa bàn xã. Nhưng sau đó, cứ khoảng 10 ngày, chúng tổ chức một trận càn vào xã, bằng hai hướng: cánh quân từ trên kéo xuống do trung úy Tám và thiếu úy Thơ chỉ huy; cánh dưới đánh lên do trung úy Bê cầm đầu, hai bên gặp nhau ở Dứt gò Suông. Cứ như thế liên tục từ mùa nước đến mùa khô, chúng chà đi xát lại với ý đồ tiêu diệt ta tận gốc rễ. Đến tháng 10/1958, chúng tiến hành thành lập khu dinh điền. Dinh điền Đôn Phục (bộ chỉ huy đóng tại Huyện ủy hiện nay) do trung úy Anh và thiếu úy Vàng chỉ huy. Chúng dồn dân từ Rọc Muống qua gò Tre, gò Tám Ấu, gò Da về Đôn Phục. Dân chúng ở khu vực gò Côn-tà-ét, gò Đuôi Tôm, Lăng Xăng thì dồn về khu gò Bói. Dân ở gò Kho, gò Gòn thì dồn lên khu gò Chùa. Dân ở Búng Nước Lộn, Cả Xiêm ven sông Sở Hạ thì dồn về khu Bình Phú. Mỗi khu chúng đều có lập một đồn với quân số ít nhất là một trung đội, nhiều nhất là một đại đội; đôi khi càn chúng điều đến cả tiểu đoàn.



Khu vực Huyện ủy Tân Hồng hiện nay, trước đây là Trung tâm biệt kích Mỹ

Địch tổ chức bộ máy kèm kẹp, mỗi khu có một tên địa điểm trưởng, lấy người tại chỗ; tên phó phụ trách an ninh, có một tiểu đội dân vệ, một trung đội thanh niên chiến đấu. Bọn dân vệ và thanh niên chiến đấu canh gác ngày đêm ở các chốt trong khu. Chúng xúi giục, tạo điều kiện cho dân di cư lẩn hiếp người tại chỗ, cấm dân địa phương đi làm ăn trong đồng sâu ngủ đêm trong đó; sáng đi, chiều về không được mang lương thực dự trữ. Còn người di cư thì đi lại tự do, đốn cây, lẩn đất, phá đìa bào... của dân địa phương, nhằm tạo ra thù hằn, chia rẽ trong nhân dân để dễ bề thống trị. Các tên địa điểm trưởng có tên rất ác ôn như tên Nguyễn Đình Dung ở gò Chùa. Y bắt giam cầm, đánh đập nhiều

người, như ông Sáu Mây, Bảy Cồ, anh Dế, chị Khê... Trường hợp chị Khê bị chúng đánh sưng mình mẩy đến nỗi khi thay áo phải lấy dao rạch xé áo mới cởi ra được. Số khác như anh Lạc, anh Năm Lỗ bị giải xuống Cao Lãnh ở tù, anh Hai bị đày đi Côn Đảo. Một số người bị địch bắt giam với mục đích làm tiền.

Tên trung sĩ Hùng ở Bình Phú còn có những hành vi gian manh, thâm độc hơn. Dân chúng ra đồng làm ăn gặp cán bộ cách mạng mà không báo cáo, khi y biết được thì sẽ bắt đánh đập tàn nhẫn và bị cấm không được ra đồng nữa. Dân canh đến địa điểm trể bị đánh đập cả toán. Đối với phụ nữ, y thích người nào, thì bắt người đó đến làm tình với y bất kể ngày hay đêm. Còn với phụ nữ có gia đình, thì y bắt người chồng ra trạm canh, rồi y đến tư tình với phụ nữ đó. Bằng những thủ đoạn đó cộng với hăm dọa, tiền bạc mua chuộc, y hình thành được mạng lưới tai mắt. Nhờ mạng lưới này mà y nắm được một số hoạt động của ta, cho phục kích bắn chết anh Đây, du kích ở Cả Chanh; bắt anh Hẹ, cứu thương; bắn chết anh Lê Văn Tiết, cán bộ nông hội. Y cho lôi xác anh Tiếp về khu Bình Phú, bắt thân nhân và dân trong khu tới nghe y chửi bới, răn đe, rồi mới cho chôn cất.

Trước những hành vi đó, chi bộ lãnh đạo nhân dân đấu tranh, kết hợp với nhà sư chùa Phước Thiện, lấy tình nghĩa người đồng hương vận động đồng bào di cư

bỏ dinh điền về quê hoặc sang khu khác sinh sống chung với dân địa phương, làm rệu rã các khu dinh điền. Chúng củng cố lại, buộc dân tại chỗ ở trong ba ấp (gọi là khu trù mật), còn dân di cư phải ở trong các khu dinh điền, kết hợp với khủng bố, lòng sục bắt bớ, đánh phá nhiều cơ sở cách mạng trong dân.

Hoạt động đánh phá vào cơ sở Đảng và tổ chức quần chúng trong xã nhằm thực hiện âm mưu tát Đảng ra khỏi dân để gom dân lại cùng với dân từ miền Trung bị cưỡng bách vào thành lập khu dinh điền là thủ đoạn hết sức thâm độc để "tát nước bắt cá". Đây là thời kỳ đen tối nhất của cách mạng xã Tân Hộ Cơ. Nhưng chính cuộc sống tù túng bức áp như trại tập trung trong các dinh điền làm cho dân chúng căm thù, tự phát nổi dậy bùng ra đòi được tự do cư trú ngày càng cao.

Để bảo tồn lực lượng, giữa năm 1958, trên ra lệnh các cán bộ chủ chốt tạm thời điều lắng. Lúc này ở Tân Hộ Cơ còn có một số đảng viên bám trụ ở địa phương, nhưng tạm thời không còn tổ chức Đảng.

Chiến thắng giồng Thị Đam - gò Quán Cung (26/9/1959) vang dội, làm tiền đề cho phong trào Đồng khởi toàn miền Nam. Chiến thắng trực tiếp kích thích phong trào cách mạng ở Tân Hộ Cơ.

Đến tháng 10/1959, đồng chí Nguyễn Xuân Trường (Mười Nhẹ) Bí thư Huyện uỷ Hồng Ngự chỉ đạo xã

thành lập lại chi bộ. Chi bộ được thành lập tại giếng Vệ Bà Đàm:

- Dương Văn Giã (Sáu Lâm Sơn), phụ trách Bí thư;
- Nguyễn Văn Đồng (Tấn Lợi), Phó Bí thư;
- Võ Văn Liêu (Lê Hiếu);
- Nguyễn Văn Ca (Lê Trung).

Chi bộ chủ trương gây dựng lại cơ sở; loại ra số cơ sở ta xây dựng lúc đầu không còn tác dụng; xây dựng cơ sở mới trong các ấp và khu dinh điền; phát động quần chúng trong khu nổi dậy, phá thế kềm kẹp, đòi tự do ra đồng làm ăn sinh sống, ngủ lại đêm để bảo vệ hoa màu, chống bắn pháo, bắt bớ vô cơ. Qua đó xây dựng lực lượng, chủ yếu là chánh trị, binh vận, du kích xã và du kích mật; đồng thời xây dựng và phát triển tổ chức các đoàn thể nông, thanh, phụ; vận động quần chúng lạc quyên ủng hộ cách mạng; xây dựng lực lượng thanh niên đưa về trên; câu móc với các đảng viên, cán bộ cũ (thời 9 năm) trở về hoạt động; phát triển mới.

Chi bộ xã chia ra 4 vùng hoạt động, mỗi đồng chí phụ trách một vùng:

- Vùng I: Cỏ Chanh, Bình Phú, gò Bói, Dinh Bà, Thông Bình do đồng chí Lê Trung chịu trách nhiệm và phụ trách quân sự, an ninh;

- Vùng II: gò Rượu, gò Chùa đến gò Kho, do đồng chí Tấn Lợi phụ trách kiêm công tác tài chánh;

- Vùng III: gò Da, gò Oải do đồng chí Lâm Sơn, Bí thư chi bộ phụ trách;

- Vùng IV: gồm Đôn Phục, Rộc Muống, dứt gò Suông do đồng chí Lê Hiếu phụ trách và lãnh đạo công tác chánh trị, binh vận.

Bước đầu điều tra, nắm đối tượng tuyên truyền, phát tán truyền đơn, treo biểu ngữ, cờ Đảng... sau đó liên tục phát động quần chúng bằng hình thức họp xóm, họp ấp, tiến tới mật tinh... nơi diễn ra nhiều lần là Cả Chanh, Cả Xiêm, Búng Nước Lộn, Bình Phú, Dinh Bà... Mỗi cuộc số người tham dự nhiều nhất là 100, ít là vài chục.

Đầu năm 1960, hưởng ứng phong trào nổi dậy trong Tỉnh. Chi bộ phát động quần chúng từ Cả Chanh đến Thông Bình, xây dựng được trên 20 cơ sở cốt cán và vận động nhân dân đấu tranh đòi thực hiện dân sinh dân chủ, chống bắt bớ vô cớ, chống bắt lính, bắt xâu, chống gom dân, đòi trở về đất vườn cũ làm ăn, đồng thời xây dựng cơ sở bên trong. Sau đó, ta phát động quần chúng nổi dậy rải truyền đơn, treo cờ tổ chức đánh trống, mõ, phát loa kêu gọi bọn lính trong đồn Bình Phú trả súng trở về với gia đình và nhân dân. Bọn lính trong đồn hoảng sợ, bỏ đồn rút chạy. Ta nhanh chóng đưa lực lượng quần chúng cốt cán vào ban đồn. Mặt khác tập hợp đồng bào tổ chức mật tinh phát động quần chúng nổi dậy phá thế kềm kẹp của giặc, phá khu trở quê cũ, ra vùng giải phóng. Kết quả có 42 gia đình bỏ khu dinh điền ra vùng giải phóng tham gia tổ chức cách mạng.

Thừa thắng ta giải tán luôn bọn tề ấp, bắt bọn "Thanh niên chiến đấu" nộp 24 súng đủ loại. Ta đã bắt cảnh cáo và trừng trị một số tên phản động ác ôn, gây nhiều nợ máu nhân dân. Lực lượng ta rút lui an toàn. Quần chúng thoát khỏi sự kìm kẹp của địch, rất phấn khởi.

Ta móc nối được một số cán bộ, chiến sĩ trước đây điều lắng, nay trở về, như các đồng chí: Tấn Công, Sáu Chí, Năm Vinh, Ba Xuân, Tư Mẫn, Hồng Hải và Bảy Hiệp cùng một số cơ sở trong đồng bào di cư, như Bạch Linh, Bình Minh, Thanh Du, Thanh Trúc, Hà Cận, Ba Sổ, Thu Trước, Huề... Nhờ đó, lực lượng cán bộ cách mạng ở địa phương được bổ sung, tăng cường; lực lượng quần chúng tham gia đấu tranh chính trị ngày một đông. Khẩu hiệu đấu tranh lúc bấy giờ phổ biến là chống gom dân, bắt lính, đòi tự do ra đồng cấy lúa, làm ăn, chống địch càn quét, cướp giết của dân, không bắn pháo bữa bãi để dân an tâm ra đồng làm ăn...

Qua phong trào, ta từng bước tổ chức được các đoàn thể:

- Nông hội: hình thành được ban cán sự ở các ấp, do các anh: Hiền, Đá, Bảo, anh Gương, Hai Quý, anh Tiếp làm tổ trưởng và số hội viên lên đến trên 60 người.

- Thanh niên: qui tụ được trên 40 hội viên, do các anh: Sáu Còn, Ba Bảo, Năm Gặp, anh Ty, Tổng, Nghiệp (đoàn viên) phụ trách.

- Phụ nữ: có các chị Tư Dữ, Tư Thuận, Cô Bướm phụ trách Ban cán sự; hội viên khoảng 25 người. Ở Ban

Chấp hành Phụ nữ xã có các cô: Mười Thành, Vân Liễu, Hồng Liên, Hồng Nguyên.

Về quân sự, xã thành lập được xã đội, do đồng chí Hồng Hải làm xã đội trưởng; xây dựng ở mỗi ấp một tiểu đội du kích và lực lượng dân quân, phát động chiến tranh du kích, xây dựng ấp chiến đấu ở Bình Phú, Dinh Bà; tại đây có hệ thống hào vững chắc. Trong hai năm 1960-1961, du kích xã và ấp chiến đấu với địch bằng vũ khí thô sơ tự tạo: chông, đập lôi, súng kíp, ngựa trời, lựu đạn ve chai... Dùng súng ngựa trời bắn tàu sắt ở Búng Nước Lộn, Cả Găng. Vào tháng 3/1960 du kích xã, ấp phối hợp với địa phương quân huyện đột nhập vào hai khu trù mật gò Da, gò Chùa, kết hợp với cơ sở binh vận trong khu nổi dậy giải tán trên 40 thanh niên chiến đấu, thu 29 súng, tiêu diệt một ác ôn tại chỗ.

Trong công tác phát động quần chúng, biết kết hợp tình cảm và lợi ích cá nhân với lợi ích của cách mạng; công tác binh vận đạt kết quả. Bọn lính ở gò Chùa để dân chúng tự do đi lại, đồng tình để cho dân chúng bỏ khu dinh điền đi về xứ và một số không nhỏ bọn lính đào ngũ. Ngoài công tác đấu tranh tại chỗ, lực lượng binh vận Tân Hộ Cơ có lúc tổ chức đưa lực lượng đi Hồng Ngự, Cao Lãnh đấu tranh. Các chị dày dạn kinh nghiệm trong đấu tranh binh vận lúc bấy giờ là chị Tư Dữ, chị Thuận, cô Hai Bướm...

Đầu 1960, chúng tổ chức lực lượng bán quân sự gọi là "Thanh niên chiến đấu" (một dạng Phòng vệ dân sự sau này). Nhưng thực chất đây là một kiểu bắt lính, bắt

xâu trá hình. Chúng triệt để khai thác mâu thuẫn giữa dân địa phương với dân di cư bằng cách, bắt dân di cư đốn cây, lấy đất của dân tại chỗ; bắt thanh niên địa phương vào lực lượng "Thanh niên chiến đấu" canh gác chặt chẽ, bắt dân (đa số là dân di cư) đi thừa, về trình, kiểm soát lương thực mang theo... Chi bộ lãnh đạo quần chúng đấu tranh từng bước phá vỡ âm mưu này. Với quyết tâm bám vào quần chúng ở mỗi vùng được phân công, các đảng viên trong chi bộ nắm được mâu thuẫn giữa địch và quần chúng, hiểu được tâm trạng của từng bộ phận nhân dân và sự phân biệt chia rẽ giữa dân tại chỗ và dân di cư. Ta cử các đảng viên di cư, vận động họ thấy được âm mưu của địch. Từng bước, ta hóa giải được sự chia rẽ này và hình thành được sự đoàn kết trong nhân dân.

Trong thời gian này, xã phát triển được nhiều đảng viên mới là đồng chí: Lê Văn Kiệm, Võ Thanh Gương, Hai Quý, Ba Tuyết, Từ Anh, Chín Xường, Năm Mầu, Bảy Cồ, Hai Mầu, Năm Đờn, Bảy Kịch, Lê Mức, Út Tuôi, Hồ Văn Hai, Võ Văn Minh (tức Ngô Minh) cùng một số đảng viên nữ là: Vân Liễu, Hồng Nguyên, Thu Hồng; và các đoàn viên là: Còn, Bảo, Gặp, Tổng, Nghiệp, Thành Lập, Sáu.

Tháng 11, chi bộ bầu đồng chí Lê Hiếu phụ trách Bí thư và đồng chí Tấn Lợi (Bảy Đồng) phụ trách Phó Bí thư và tách ra một bộ phận, gọi là chi bộ Nam Ngãi do

đồng chí Hai Lục làm Bí thư, đồng chí Bạch Linh phụ trách Phó Bí thư.

Dù đời sống kinh tế còn nhiều khó khăn, song công tác vận động quần chúng ủng hộ cách mạng, nhân dân ý thức được bốn phận của người dân trong công cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, kết hợp với việc nông dân không phải nộp lúa ruộng cho địa chủ, đại bộ phận nhân dân trong xã đều đóng góp ủng hộ cách mạng.

Trong khí thế Đồng khởi toàn miền Nam, sau hơn một năm đấu tranh nổi dậy liên tục, dưới sự lãnh đạo của chi bộ xã, nhân dân Tân Hộ Cơ, từ trong hoàn cảnh bị tập trung, áp bức khủng bố... đã vùng dậy diệt ác, phá lỏng, phá banh thế kèm kẹp của địch, bung ra làm chủ.

Đầu năm 1961, huyện Hồng Ngự thành lập Mặt trận Dân tộc giải phóng huyện. Sự ra đời của Mặt trận Dân tộc giải phóng các cấp ở miền Nam là ngọn cờ tập hợp lực lượng, đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân miền Nam, những người tán thành hòa bình, độc lập, dân chủ, trung lập và phồn vinh... đứng lên đấu tranh chống Mỹ - Diệm.

Ở xã Tân Hộ Cơ, với cuộc nổi dậy giành quyền làm chủ của quần chúng, thế và lực tại chỗ được củng cố và phát triển. Đây là điều kiện cơ bản để chi bộ lãnh đạo

quần chúng tiếp tục đấu tranh phá âm mưu mới của địch.

2. Bằng ba mũi giáp công Đảng bộ và nhân dân Tân Hộ Cơ đấu tranh phá khu trù mật, áp chiến lược, khu dinh điền góp phần đánh bại chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ (1961-1965):

Tiếp liền theo sau phong trào Đồng khởi là sự ra đời của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam từ cấp Trung ương xuống tận huyện, xã là một thực tế nói lên sự thất bại thảm hại của Mỹ - Diệm trong âm mưu đưa miền Nam nước ta vào quỹ đạo thống trị của đế quốc Mỹ. Để điều chỉnh chiến lược, Tổng thống Mỹ "Kennedy" đã thông qua "*kế hoạch chống nổi dậy*" hay còn gọi là "*chiến lược chiến tranh đặc biệt*" vào tháng 2/1961, để đối phó với tình hình miền Nam Việt Nam. Trọng tâm của chiến lược này là tiến hành kế hoạch bình định miền Nam trong vòng 18 tháng của Xta-lây Tay-lo. Quân nguy được củng cố, trang bị hiện đại với gần 300.000 tên do hệ thống cố vấn Mỹ chỉ huy. Xương sống của kế hoạch này là mọi hoạt động kể cả quân sự đều tập trung cho việc xây dựng 17.000 ấp chiến lược (ACL) trên toàn miền Nam, mà chúng gọi là "quốc sách" nhằm gom dân vào ấp, quản lý chặt chẽ, cách ly "Việt Cộng" ra khỏi dân chúng; không bám được vào dân Việt Cộng sẽ chết.

Trên địa bàn Hồng Ngự, ngay từ năm 1961, chúng tăng cường thêm ba tiểu đoàn (2 tiểu đoàn chủ lực thuộc sư đoàn 21, một tiểu đoàn bảo an), đồng thời với việc đôn quân, bắt lính trong lực lượng thanh niên giáo phái để vừa tăng cường quân nguy, vừa khoét sâu thêm mâu thuẫn trong nhân dân địa phương.

Đầu năm 1962, địch tiến hành gom dân lập ấp chiến lược trên toàn huyện. Tất cả các lực lượng hành chánh, quân sự, cảnh sát, mật vụ... đều tập trung vào việc càn quét, cào nhà, ủi nhà, gom dân vào ấp chiến lược. Trong giai đoạn I, chúng dự kiến xây dựng tại Kiến Phong 38 ấp chiến lược, 27 Khu trù mật và một số khu dinh điền dọc theo tuyến giới Việt Nam - Campuchia.

Trên địa bàn xã Tân Hộ Cơ, chúng lừa hàng trăm gia đình vào các ấp chiến lược gò Da, gò Chùa, gò Bói. Mỗi ấp đều có hào sâu, bờ thành trên có hàng rào kẽm gai cọc sắt mang từ Mỹ sang, với bãi mìn, lựu đạn gài, lô cốt, tháp canh vừa canh phòng sự xâm nhập từ ngoài vào, vừa kiểm tra sự ra vào của dân chúng. Bên trong, ngoài hệ thống tề ấp, còn có mật vụ theo dõi mọi sinh hoạt của nhân dân; tổ chức dân canh. Để thực hiện âm mưu chia để trị, nhằm gây mâu thuẫn nội bộ nhân dân, chúng bắt thanh niên di cư vào các đội canh để kiểm tra dân chúng địa phương. Mỗi người dân đều phải có giấy căn cước, mỗi hộ có tờ khai gia đình để kiểm soát sự thay đổi nhân khẩu trong từng hộ. Để thực hiện

chiến thuật "*trục thăng vận*" và "*thiết xa vận*" càn quét vào các lõm, các vùng căn cứ của ta trong xã với ý đồ tiêu diệt cán bộ du kích và cơ sở quần chúng của ta.

Mùa nước năm 1961 có trận lụt lớn, mùa màng bị tàn phá nặng nề, làm cho nhân dân đói khổ, càng gây nhiều khó khăn cho phong trào cách mạng. Song với truyền thống yêu nước và cách mạng của nhân dân, những khó khăn ban đầu lần lượt được khắc phục. Mỗi quan hệ máu thịt thấm thiết giữa người dân trong ấp, trong khu với cán bộ, du kích ở căn cứ từng bước được nối liền. Trong bộ máy tay sai của địch cũng có người theo địch vì bị bắt buộc, nên dù đứng trong hàng ngũ của giặc, nhưng tấm lòng vẫn hướng về bà con, về nhân dân. Đây là những nhân tố tích cực, góp phần giúp ta giải quyết khó khăn, được ta khai thác. Từng lon gạo, từng viên thuốc... được bà con chắt chiu dành dụm, từ trong ấp vượt qua bộ máy kềm kẹp đến với cán bộ, chiến sĩ ta. Từ đó, mối quan hệ ngày càng được củng cố nhân lên.

Năm 1961-1962, do yêu cầu của tình hình, chi bộ Tân Hộ Cơ có tách ra một bộ phận làm công tác vận động dân di cư gọi là chi bộ Nam Ngãi, do đồng chí Hai Lục của trên đưa về làm Bí thư, được một thời gian thì nhập lại chi bộ Tân Hộ Cơ, do đồng chí Bảy Đồng (Tấn Lợi) làm Bí thư; đến năm 1965 đồng chí Lâm Sơn lại được huyện điều làm Bí thư lần thứ hai.

Tháng 3/1961 Tỉnh và Huyện chủ trương phát động quần chúng nổi dậy phá khu dinh điền. Cơ sở và quần chúng phấn khởi, địch co cụm trong đồn. Được tiểu đoàn 502 và huyện đội hỗ trợ, ta đưa lực lượng đột nhập các khu gò Da, gò Chùa; một mặt bao vây các đồn, chốt canh, một mặt tập trung đồng bào phát động đấu tranh và hỗ trợ bà con ở gò Da bung ra vùng giải phóng; còn ở gò Chùa, gò Bói thì vận động bà con trở về nơi cũ. Kết quả là ở gò Da có gần 40 người trở về chỗ ở cũ, ở gò Chùa quần chúng kết hợp với lực lượng võ trang phá rã khu này; ở Đôn Phục và gò Bói, quần chúng chỉ trở về một số nhỏ, nhưng vài ngày sau bị chúng gom lại hết.

Sau một năm chuyển từ khởi nghĩa lên chiến tranh cách mạng, Đảng bộ và nhân dân huyện Hồng Ngự vừa tích cực xây dựng lực lượng, vừa tiến hành chiến tranh du kích, giữ vững và phát triển thành quả cách mạng. Vùng giải phóng được mở rộng, bao gồm phần lớn các xã Thường Thới, Bình Thạnh, Tân Thành, Tân Công Chí và Tân Hộ Cơ. Trong vùng giải phóng, cuộc sống mới được tổ chức, Mặt trận giải phóng ở địa phương đóng vai trò, chức năng "chánh quyền tự quản": trang trải ruộng đất, bảo vệ quyền lợi nông dân, bãi bỏ tô thuế. Phong trào đóng đầm phụ giải phóng được nhân dân hưởng ứng mạnh mẽ, có cả binh lính, sĩ quan và tề cũng tham gia... Các sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, học

tập... được tổ chức tùy theo điều kiện. Bộ mặt vùng giải phóng thay đổi, uy tín cách mạng ngày càng cao đối với nhân dân, có tác động mạnh đối với vùng tạm chiếm.

Trước những thất bại, địch càng cay cú. Chúng quyết tâm gom dân, lập ấp, lập khu... xóa vùng giải phóng. Năm 1963, chúng đánh phá ác liệt, hầu hết đảng viên, cán bộ không còn đứng chân trên địa bàn mình được mà phải dựa lưng vào biên giới để hoạt động, theo kiểu "*vọt cần câu*". Quân chúng vạt ra bám ven sông Sở Hạ vừa sản xuất vừa chiến đấu liên tục chống càn quét và bảo vệ cơ sở cách mạng.

Thủ đoạn của địch là: tiến hành các trận càn nhỏ và vừa từ cấp tiểu đội đến đại đội nhằm chống phá phong trào du kích chiến tranh, nhằm vào các lổm du kích của xã. Chi bộ xã lãnh đạo du kích xã, ấp và du kích mật kết hợp từ ngoài đánh vào, trong đánh ra với vũ khí thô sơ. Nhờ vậy mà phong trào cách mạng ở địa phương chẳng những được giữ vững mà còn từng bước được nâng lên. Điển hình vào tháng 7/1961 là trận đánh diễn ra tại Dinh Bà, du kích xã kết hợp với huyện đội do đồng chí Hồng Hải chỉ huy, ta diệt hàng chục tên, trong đó có một sĩ quan Mỹ, thu một Colt.45, một M.79 và một M.2, đánh tan một tiểu đoàn biệt kích đến tăng viện. Ngày hôm sau, ta bắn một trực thăng ở lộ 30, gần Thông Bình. Từ đó, tên ấp Chiến Thắng ra đời để kỷ niệm trận đánh.



*Khu vực Dinh Bà (xã Tân Hộ Cơ),
nơi diễn ra nhiều trận đánh giữa ta và Mỹ ngụy*

Vào tháng 4 năm 1962, một trung đội do tên thượng sĩ Sự chỉ huy từ ấp gò Bói càn dọc theo lộ Thông Bình. Ta phát hiện và cho một tiểu đội du kích vận động từ Côn-tà-ét ra đường xe Thông Bình chặn đầu nổ súng. Trận đánh kéo dài từ 6 giờ 30 đến 10 giờ. Địch không càn vào Thông Bình, rút chạy về gò Bói mang theo 5 tên bị thương, bỏ lại một xác đồng bọn; ta có hai chiến sĩ bị thương nhẹ.

Trong giai đoạn này, du kích xã chống càn liên tục từ Cả Chanh, Bình Phú, đến Dinh Bà, Côn-tà-ét. Dù địch quân đông, vũ khí hiện đại, còn quân ta thì ít, vũ khí thô sơ, nhưng ta biết tận dụng địa hình áp dụng du

kích chiến... nên chẳng những tiêu diệt nhiều sinh lực địch, mà còn ngăn chặn được bước tiến của quân địch. Tháng 4/1964, có sự hỗ trợ bộ đội Khu và huyện đội, hàng loạt các đồn bót của giặc ở khu vực biên giới, dọc theo sông Sở Hạ, Sở Thượng bị ta san bằng, trong đó có đồn Bình Phú ở Tân Hộ Cơ, nhiều đồn khác trên lộ 30 bị ta vây ép.

Phối hợp với đấu tranh quân sự, các cuộc đấu tranh chính trị của nhân dân ngày một phát triển mạnh. Nhiều hình thức mới mẻ được sáng tạo rất phong phú. Ban ngày chúng đào hào, rào ấp, tối ta phá. Địch dỡ nhà, dân xuống ghe sinh sống. Chúng cho xe ủi nhà, phá vườn tược, dân ra nằm cản đầu xe... có người còn đốt nhà mình để lấy cớ đấu tranh. Chị em phụ nữ vận động binh lính nguy không tham gia vào việc cào, dỡ nhà dân vào ấp. Ở những ấp chúng đã xây dựng ấp chiến lược, nhân dân đấu tranh đòi được tự do đi lại làm ăn. Thanh niên thì địch buộc phải vào tổ chức "Thanh niên chiến đấu" để canh gác ấp chiến lược, ta đã khéo léo sử dụng tổ chức này để bảo vệ các hoạt động cách mạng trong ấp.

Ở vùng giải phóng, phong trào sản xuất gia tăng, việc dựng ấp chiến đấu được củng cố và phát triển. Quần chúng tham gia xây dựng bãi mìn, hầm chông, bãi chông, cấm bảng tử địa, ngù, nhứt là hệ thống hầm, hào chiến đấu, giao thông hào dọc theo sông Sở Hạ ở

khu vực Dinh Bà. Đường giao thông liên lạc từ Tân Hộ Cơ sang các xã Thông Bình, Tân Thành, Tân Công Chí, lên Thường Thới, Thường Phước được thông suốt.

Chính do những thành tích đó, nên trong ba năm liền từ năm 1961 đến 1964, xã đều được Tỉnh tặng cờ Phong trào du kích chiến tranh điển hình trong Tỉnh.

Suốt gần bốn năm vượt qua mọi hy sinh gian khổ, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương, nhân dân Tân Hộ Cơ cùng nhân dân các xã trong huyện, phát huy truyền thống chống giặc giữ nước của dân tộc, bằng ba mũi giáp công đã đấu tranh đập tan âm mưu gom dân lập ấp chiến lược, khu trù mật, khu dinh điền của giặc. Có thể nói đây là một cao trào nổi dậy làm cuộc đồng khởi thứ hai. Thắng lợi này góp phần cùng với toàn miền Nam làm phá sản chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của Mỹ ngụy".

3. Đẩy mạnh chiến tranh nhân dân, nhân dân Tân Hộ Cơ góp phần đánh bại chiến lược "chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ (1965-1968)":

Bị thất bại trong âm mưu bình định gom dân lập ấp chiến lược trên toàn miền Nam, Đế quốc Mỹ không còn cách nào khác hơn là đưa quân vào miền Nam trực tiếp tham chiến, dùng không quân đánh phá miền Bắc, tiến hành chiến lược "chiến tranh cục bộ".

Cuối năm 1965, tại miền Nam chúng đưa vào 20 vạn lính Mỹ và chư hầu, đó là chưa kể đến 7 vạn lính hải quân và không quân trên các tàu chiến Mỹ và các sân bay ở Thái Lan, Philippin... ngày đêm phục vụ cho chiến trường miền Nam. Trên địa bàn tỉnh Kiến Phong, quân nguy vẫn còn giữ vai trò chính trong các cuộc hành quân càn quét, chiếm đóng và bình định. Nhưng có tăng cường thêm cố vấn và bọn biệt kích Mỹ; tính đến cuối năm 1965 đã có hơn 100 tên.

Trên địa bàn Hồng Ngự, chúng tăng cường bọn bảo an và biệt kích. Mỹ xây dựng trung tâm biệt kích ở Bản Đô (Thường Thới Tiền), đưa thêm biệt kích và bảo an về thị trấn Hồng Ngự, xây dựng hệ thống hầm hào kiên cố. Tháng 3/1965, chúng biến Cà Vàng (Thông Bình) thành yếu khu biệt kích Mỹ có 7 đại đội, 20 cố vấn, 2 pháo 105 ly. Bản Đô, thị trấn Hồng Ngự và Cà Vàng hiệp nhau thành một hệ thống căn cứ liên hoàn trang bị hiện đại hỗ trợ nhau, kết hợp với căn cứ biệt kích Mỹ ở Măng Đa (Kiến Tường) trong âm mưu Việt Cộng thâm nhập qua khu vực hành lang biên giới và cửa ngõ Đồng Tháp Mười.

Tháng 7/1967, chúng đưa về đây một đội thuyền bay gồm 10 chiếc (gọi là thuyền bay vì nó di chuyển trên nước cạn và lướt trên ngọn cỏ với tốc độ rất cao, mỗi chiếc chở được ba, bốn tên với hai khẩu đại liên M.60), do quân Mỹ trực tiếp sử dụng để đánh phá

phong trào du kích của ta. Đây là loại phương tiện chiến tranh mới, có sức cơ động.

Các cửa khẩu dọc theo biên giới đều bị chúng khống chế chặt chẽ. Để đối phó hiệu quả âm mưu càn quét và bình định mới của địch, ta chia Hồng Ngự thành 4 khu vực: khu Tứ Thường, khu Tam Tân, khu Thị trấn, An Bình - Tân Hội và khu cù lao. Khu Tam Tân (Tân Thành, Tân Hộ Cơ và Tân Công Chí) và Tứ Thường (Thường Phước, Thường Thới Tiền, Thường Thới Hậu và Thường Lạc) là hai khu trọng điểm càn quét, đánh phá của địch ở Hồng Ngự.

Năm 1965, địch cho phi pháo đánh phá ác liệt vào hai khu vực nói trên, đồng thời cho cả trung đoàn chủ lực kết hợp với biệt kích, bảo an càn quét dài ngày, lửa dân ra lộ 30 và thị trấn Hồng Ngự.

Trên địa bàn xã Tân Hộ Cơ, chúng đã hoàn thành ba ấp chiến lược gò Bói, gò Chùa và Thành Lập, dồn dân địa phương vào đây, với tất cả bộ máy kèm kẹp (cảnh sát, mật vụ, thanh niên chiến đấu, bờ thành, hàng rào kẽm gai, vọng gác, tháp canh...). Về chánh trị, mỗi ấp có một trưởng ấp, một phó ấp hành chánh, một phó ấp an ninh và thông tin; bọn cán bộ bình định thường xuyên tới lui tuyên truyền chống cộng, tổ chức Thanh niên, Thanh nữ Cộng hòa, Đảng Cần lao nhân vị... Trong các khu dinh điền, ngoài dân Quảng Nam,

Quảng Ngãi, còn có một số giáo dân đạo Thiên chúa Bùi Chu-Phát Diệm (từ Bắc di cư vào).

Cách mạng miền Nam đứng trước khó khăn mới. Quân Mỹ với hỏa lực mạnh, cơ động, thiết bị hiện đại ồ ạt đổ vào miền Nam làm cho tương quan lực lượng giữa ta và địch vốn đã chênh lệch lại chênh lệch cao hơn. Với phương châm "lấy ít đánh nhiều" của chiến tranh du kích truyền thống cùng với kiểu đấu tranh chánh trị và binh vận trước đây, nay đương đầu với Mỹ còn có tác dụng hữu hiệu nữa không? hàng loạt vấn đề thuộc về tư tưởng và phương pháp tổ chức đấu tranh đặt ra cho toàn miền. Riêng trên địa bàn Hồng Ngự, một vùng đồng bằng trống trải, với gần nửa năm ngập nước, bị địch đánh phá ác liệt, ta sinh hoạt và chiến đấu như thế nào? quả thật là những khó khăn tưởng chừng không thể vượt qua. Tư tưởng ngán ngại, lo âu... bắt đầu xuất hiện trong một số cán bộ, chiến sĩ và nhân dân.

Được sự chỉ đạo của trên, từ đầu năm 1965, Huyện ủy Hồng Ngự liên tục tổ chức học tập Nghị quyết 11 và 12 của Trung ương về xác định tư tưởng và quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ mọi tình huống, với phương châm "tìm Mỹ mà đánh, tìm nguy mà diệt" bằng chiến tranh nhân dân với ba mũi, ba vùng và ba thứ quân.

Đầu năm 1965, Khu ủy tăng cường cho huyện Hồng Ngự một đại đội để đánh địch vào bảo vệ căn cứ của

Khu ở Tứ Thường, đồng thời giao cho huyện nhiệm vụ mở thông hành lang biên giới, tiếp tục đánh địch giữ vững quyền làm chủ ở xã, ấp.

Trước tình hình và nhiệm vụ mới, Tân Hộ Cơ củng cố lại thực lực. Đầu năm 1965 chi bộ cử đồng chí Dương Văn Giã (Lâm Sơn) làm Bí thư, đồng chí Lê Trung làm Phó Bí thư. Chi ủy gồm các đồng chí: Lâm Sơn, Từ Anh, Lê Trung, Bảy Hiệp, Năm Tửu. Lực lượng vũ trang, gồm du kích thoát ly (hơn 10 chiến sĩ) và các đoàn thể được học chánh trị để ổn định tư tưởng, kiên định lập trường với quyết tâm đánh Mỹ thắng Mỹ. Các đoàn thể, như nông dân, phụ nữ, thanh niên, mặt trận, binh vận hoạt động chủ yếu là dựa vào đầu mối. Địa bàn còn hoạt động mạnh là ven sông Sở Hạ, ven biên giới.

Chi bộ chỉ đạo cán bộ đảng viên móc nối, tạo cơ sở trong các khu dinh điền, ấp chiến lược; học tập, phát động lực lượng du kích hoạt động vũ trang tuyên truyền vào các khu và ấp chiến lược. Xây dựng nhiều bãi chiến đấu (hầm hào, chông mìn, lựu đạn...) ở khu vực Dinh Bà, ven sông Sở Hạ, dọc theo tuyến biên giới, để chống càn bảo vệ hành lang giao thông liên lạc của Tỉnh, của Khu; phát động nhân dân đấu tranh chánh trị, đòi dân sinh dân chủ, tự do đi lại làm ăn, chống phân biệt đối xử giữa người tại chỗ và dân di cư... Vận động nhân dân, binh sĩ địch đấu tranh chống bắt lính đôn quân, chống đi càn quét, khủng bố...

Trong thời gian này, đời sống và sinh hoạt của cán bộ, đảng viên rất khó khăn, chủ yếu là vừa vào sự đóng góp của nhân dân và sự tiếp tế của gia đình. Phần lớn bà con ở dọc theo sông Sô Hạ có nhà bên Campuchia và số đồng bào chuyên sinh sống trên ghe rất nhiệt tình ủng hộ, đóng góp cho cách mạng.

Trong tình hình địch đánh phá nhiều hơn trước, nhưng 1965 phong trào du kích chiến tranh ở Tân Hộ Cơ vẫn phát triển mạnh. Đầu năm 1965, du kích Tân Hộ Cơ phục kích đánh địch tại gò Ông Chơn, tiêu diệt một tiểu đội địch, thu 4 súng trường, địch bỏ xác tại chỗ 6 tên và hai tên khác bị thương; ta an toàn. Tháng 5/1965, bộ đội huyện phối hợp với đơn vị tăng cường của Khu chặn đánh nhiều trận càn lớn của địch vào vùng giải phóng, tiêu diệt nhiều đồn bót trên tuyến biên giới ven sông Sô Hạ. Bọn biệt kích ở yếu khu Cà Vàng thường xuyên bị ta tập kích. Tại trận Dinh Bà, ta thu được 2 trung liên, 2 garant. Du kích Tân Hộ Cơ còn phối hợp với tiểu đoàn 502 của Tỉnh tiến công địch ở đồn Bình Phú, diệt một trung đội địch, thu 2 trung liên, 6 Garant; ta hy sinh một chiến sĩ, hai chiến sĩ bị thương. Tháng 10/1965, cũng tại Dinh Bà, ta diệt 14 tên, làm bị thương 25 tên khác, thu 1 trung liên, 1 súng ngắn và 2 garant; ta hy sinh 2 chiến sĩ.

Năm 1966, Huyện ủy Hồng Ngự tổ chức một đợt sinh hoạt chánh trị về tình hình và nhiệm vụ mới nhằm

xây dựng và củng cố quyết tâm đánh Mỹ đến thắng lợi cuối cùng. Những kinh nghiệm đánh Mỹ của du kích Đức Hoà, Đức Huệ (Long An) được phổ biến, thảo luận rộng rãi trong các đơn vị. Toàn huyện phát động phong trào thi đua "đánh Mỹ, diệt nguy".

Lực lượng du kích các ấp và xã đội Tân Hộ Cơ ra sức học tập, huấn luyện thường xuyên các chiến thuật bao vây, đột kích, chống càn...

Mùa nước năm 1967, đồng chí Bẩy Thanh (Đoàn Thị Vấn) phụ trách Phụ nữ huyện Hồng Ngự được Huyện ủy điều về tăng cường cho Tân Hộ Cơ, làm Bí thư, chỉ bộ bầu đồng chí Từ Anh làm Phó Bí thư phụ trách quân sự, đồng chí Tám Cao phụ trách công an, đồng chí Bẩy Cao phụ trách binh vận. Chi bộ có ba tổ Đảng (một tổ trong lực lượng quân sự, một ở Bình Phú và một ở Dinh Bà), với số đảng viên gần 20 đồng chí; các đoàn thể quần chúng được củng cố.

Tình hình Tân Hộ Cơ lúc này rất phức tạp, ngoài cụm pháo, trực thăng ở dinh điền gò Bói, thường bắn phá bữa bãi, bọn biệt kích ở Cà Vàng hay đột kích bất ngờ vào Dinh Bà, được xem là vùng căn cứ của ta. Đáng ngại hơn là tình hình ở biên giới, đối với Việt kiều và người Campuchia ở biên giới vẫn quan hệ tốt với cách mạng, nhưng chánh quyền địa phương trên đất Campuchia, nhất là tên chủ ấp Lài rất ác ôn, mặc dù ta

cố gắng thân thiện, nhân nhượng, nhưng y thường gây khó khăn cho ta mỗi khi ta bị địch càn quét phải chạy dạt qua đất Campuchia.

Để làm tốt công tác vận động quần chúng, ổn định tâm trạng nhân dân, chi ủy phân công cán bộ xuống địa bàn và đến cả chợ Dinh Bà để nắm tình hình. Nói chung, quần chúng còn gắn bó với Đảng với cách mạng, nhưng trước tương quan lực lượng ta - địch quá chênh lệch và hành động đánh phá điên cuồng của địch làm cho nhân dân xuống tinh thần. Trên cơ sở phân loại thái độ của nhân dân: tích cực, trung bình và tiêu cực, chi bộ có biện pháp vận động phù hợp từng loại đối tượng. Sau một thời gian vận động, tình hình có biến chuyển. Dân chúng bớt hoang mang, lo sợ, mức độ đóng góp hỗ trợ ngày một cao, đồng thời cung cấp cho ta nhiều tin tức mà nhân dân nắm được qua quan hệ làm ăn, thân quen với binh sĩ và gia đình... Từ đó ta vận động quần chúng đấu tranh với địch mỗi khi chúng bắn pháo làm cho người chết, bị thương, sập nhà, chết trâu bò...

Công tác quần chúng và công tác đoàn thể hỗ trợ nhau. Nhờ đó ba đoàn thể (nông hội, thanh niên, phụ nữ) lần hồi được củng cố về tổ chức và hoạt động. Phụ nữ ngoài việc vận động chồng, con, em tham gia du kích, đóng góp nuôi quân; còn đấu tranh binh vận tại chỗ khi giặc càn. Nổi trội là chị Bảy, má vợ đồng chí

Hồ Sen. Thanh niên Tân Hộ Cơ tham gia du kích, dân công (tải thương binh, đào giao thông hào, làm nghĩa trang), do Đoàn Thanh Lao phụ trách công tác vận động thanh niên, nhưng vẫn có Tổ Đảng giúp đỡ. Nông hội vận động nông dân bám đất, bám ruộng, yên tâm sản xuất, ổn định đời sống, nhờ có giống lúa mới, loại ba tháng, nên nông dân rất phấn khởi.

Để ghi nhớ công lao các anh hùng liệt sĩ bỏ mình vì Tổ quốc, cho cách mạng, chi bộ xã chủ trương thành lập một nghĩa trang liệt sĩ ở Dinh Bà. Do hoàn cảnh chiến tranh, nghĩa trang xây dựng đơn sơ, nhưng không kém phần trang trọng. Đồng chí Bí thư có viết đôi câu liễn treo trước nghĩa trang:

*" Thanh niên dũng sĩ diệt Mỹ dám hy sinh,
Dâng lệnh Tổ quốc giết giặc chịu hy sinh."*

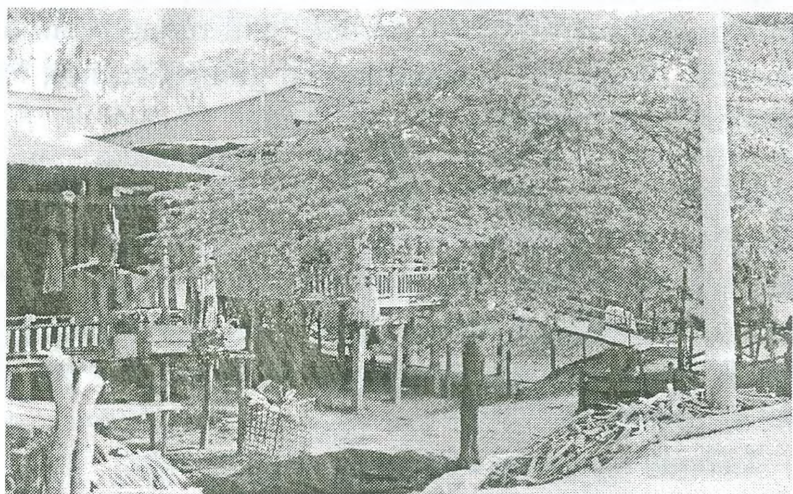
Ngoài ra, đồng chí còn sáng tác mấy câu ca dao để động viên giáo dục Thanh niên:

*" Đồng mặc niệm tiền bằng liệt sĩ,
Đồng ghi ơn liệt sĩ anh hùng,
Vì dân theo lá cờ hồng.*

Quyết giành Độc lập, quyết giành Tự do".

Qua phong trào hành động cách mạng của quần chúng, nổi lên các nhân tố tích cực được các đoàn thể giới thiệu bồi dưỡng phát triển Đảng. Tiêu chuẩn kết nạp Đảng lúc bấy giờ không chỉ xét qua tinh thần mà

dựa trên hành động cụ thể, như tuyển quân, nuôi quân, tham gia dân công, tổ mai táng... Năm 1971, chi bộ xã có trên 20 đảng viên sinh hoạt trong ba tổ Đảng.



*Khu dân cư Dinh Bà (thời kháng chiến chống Mỹ,
nơi đây là nghĩa trang liệt sĩ)*

Đội du kích xã đóng ở Dinh Bà từ 6 chiến sĩ phát triển thành một tiểu đội, được nhân dân cung cấp lương thực áo quần, thuốc men... Dinh Bà dù rất gần đồn Bình Phú, nhưng chẳng những là căn cứ của xã, mà còn là hành lang di chuyển, trú đóng của các lực lượng khu, tỉnh, huyện; nên du kích Tân Hộ Cơ có nhiệm vụ phải đảm bảo hành lang an toàn và thông suốt. Hằng trú ẩn, chiến đấu, giao thông hào... thường xuyên được tu sửa. Các bãi gài trái (bãi sống và cả bãi chết) thường xuyên

được du kích địa phương lưu tâm để đảm bảo an toàn và phát huy tác dụng.

Trong vùng căn cứ, xã xây dựng một trạm y tế-hộ sinh ở Dinh Bà và ở Cả Xiêm để chăm sóc sức khỏe bà con nông dân, do chị Út Quấn phụ trách; mở hai lớp học phổ thông do anh Sáu Còn phụ trách và một lớp bổ túc văn hóa.

Dinh Bà là một vạt đất chạy dọc theo sông Sở Hạ, từ Bình Phú, gò Xoài (trên đất Campuchia) đến Cả Xiêm và Cả Đôn dài khoảng trên 4 km nhưng rất mỏng, lại nằm giữa đồn Bình Phú, trung tâm biệt kích Cà Vàng, dinh điền gò Bói. Địch thường xuyên dùng xe tăng, trực thăng chiến đấu và pháo hạng nặng, đột kích, pháo kích, oanh kích... nhưng ta vẫn tồn tại và bám trụ tại đây. Nhờ ta khéo léo quan hệ, đoàn kết với bạn, kể cả Việt kiều, được bà con hết lòng ủng hộ. Ở đây có nguồn lợi kinh tế phong phú (cá trên sông Sở Hạ); Đảng bộ địa phương biết khơi dậy truyền thống yêu nước, căm thù giặc trong nhân dân, làm cho dân tin cách mạng, tin vào Đảng.

Từ 1965 đến 1968, trước sự đấu tranh bền bỉ của nhân dân Tân Hộ Cơ dưới sự lãnh đạo của chi bộ, thế kềm kẹp của địch lần lượt được tháo gỡ. Từng bước địch có phần nhượng bộ để dân trong ấp chiến lược, khu dinh điền, ra khỏi ấp, khỏi khu làm ruộng, bắt cá...

sáng đi, chiều về; được cất lều, dựng trại tại nơi sản xuất và ngủ lại qua đêm. Đa số gia đình cán bộ, chiến sĩ ta ở trong ấp cũng "hợp pháp" trong nhân dân.

Mùa nước, ở ven sông Sở Hạ tự phát mọc lên nhiều bến, chợ nổi, như Cỏ Xiêm, Dinh Bà... xuồng ghe của dân từ các nơi chở gạo, dầu, muối, mắm, thuốc men, vải... bán cho dân Campuchia. Đây quả thật là một nguồn tiếp tế công khai rất phong phú.

Đời sống cán bộ chiến sĩ du kích được bảo đảm. Cán bộ, đảng viên thì dựa vào dân và gia đình tiếp tế là chủ yếu. Trong mùa nước, mỗi cán bộ một xuồng, du kích thì hai chiến sĩ một xuồng đầy đủ câu, lưới, ăn ở luôn trên xuồng. Vào mùa khô, ban ngày trú ẩn trong các đám tràm, lau sậy, cỏ voi... với tấm cà rèm hoặc vải nhựa (ni long). Khu vực từ Cây gáo lòng đèn lên Giồng Găng, Địa 70, Lung Sâu, khi tình hình thuận lợi phát triển lên ven sông Sở Hạ là địa bàn trú ẩn thường xuyên của cán bộ và du kích xã Tân Hộ Cơ. Nhân dân các xã Bình Thạnh, Tân Thành... đến đây làm ăn cũng ủng hộ cách mạng, đóng đảm phụ nuôi quân, động viên cán bộ chiến sĩ, có người còn dẫn đường cho du kích đánh địch, diệt ác ôn.

Để chuẩn bị cho cuộc tổng tiến công và nổi dậy trong tết Mậu Thân (1968), chi bộ Tân Hộ Cơ quán triệt trong đảng viên và đoàn thể tinh thần "quyết

chiến, quyết thắng"; tu sửa lại hầm, giao thông hào, xuống ghe, lương thực. Tập trung lực lượng dân quân du kích bao vây, dinh điền gò Bói, đồn Bình Phú, tìm mọi cách hạn chế hoạt động của trung tâm biệt Cà Vàng; các đoàn thể được phân công tranh thủ bà con ở hai bên biên giới đoàn kết thật tốt, tổ chức liên hoan, ăn uống, quà tặng chủ ấp Lài; thanh niên phát quang làm sạch đẹp nghĩa trang...

Đêm 31/2/1968, cùng với toàn miền Nam, quân và dân Hồng Ngự đồng loạt nổ súng tiến công thị trấn Hồng Ngự và các yếu khu quân sự của địch ở Cà Vàng, Bản Đô, Đôn Phục và hầu hết các đồn bót của địch trong huyện bị bao vây, tấn công. Ta làm chủ được những vùng nông thôn, phá huỷ nhiều phương tiện chiến tranh của chúng. Bọn tề, do thám, lính hoang mang bỏ trốn.

Địch tổ chức phản kích quyết liệt, khu vực Dinh Bà là một trong các điểm chúng tập trung đánh phá với ý đồ tạo nên một vành đai trắng ở biên giới, chống "Việt Cộng" thâm nhập. Cùng với chiến thuật "trực thăng vận", "pháo bầy", biệt kích, hoạt động thuyền bay của địch gây cho ta nhiều thiệt hại người và của; làm cho quần chúng hoang mang dao động.

Dù vậy, cán bộ, du kích và nhân dân Tân Hộ Cơ vẫn bám đất, lách qua lách lại giữa hai bờ sông Sở Hạ

vượt qua mất mát, hy sinh một lòng theo cách mạng. Nghị quyết của chi bộ lúc này là bám trụ ở Dinh Bà củng cố, nắm chắc tình hình biên giới, túc trực thường xuyên, liên tục con đường từ Dinh Bà ra đồn Bình Phú và dinh điền gò Bói.

4. Vượt qua khó khăn quân và dân Tân Hộ Cơ góp phần đánh cho "Mỹ cút, nguy nhào" giải phóng quê hương (1969-1975):

Cuộc tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân của quân và dân ta đã làm phá sản chiến lược "chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh. Song với bản chất ngoan cố chúng lại tiến hành chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" tiếp tục chiến tranh xâm lược bằng tăng cường trang bị, nâng cấp quân nguy tiến hành công cuộc "bình định", chủ yếu là địa bàn nông thôn.

Lực lượng địch ở huyện Hồng Ngự, ngoài 4 tiểu đoàn bảo an, trên 20 trung đội dân vệ và ba đại đội biệt kích, chúng đưa về thêm một bộ phận của hai sư đoàn 7 và 9. Ngoài ra, chúng còn điều thêm liên đoàn biệt động quân 41, tiểu đoàn "Trâu điền", và đại đội cơ động 941 về Hồng Ngự, đồng thời tiến hành thường xuyên các cuộc hành quân "giữ và quét". Ở mỗi xã chúng đóng thêm nhiều đồn bót, bắt thanh niên vào "nghĩa quân", "nhân dân tự vệ" ăn ở tập trung, đưa các

đoàn "cán bộ bình định nông thôn" về xã, ấp nắm dân, ly tán các gia đình cách mạng, kêu gọi cán bộ du kích chiêu hồi...

Tại Tân Hộ Cơ, chúng củng cố lại hệ thống đồn bót, tháp canh, "tranh thủ", mua chuộc nông dân bằng nhiều thủ đoạn, như cho vay "nông tín cuộc, đưa máy móc, phân bón, giống mới (IR.5=thần nông 5). Chương trình bình định của chúng lộ rõ chánh sách hai mặt vô cùng tàn bạo và xảo quyệt nhằm giành đất, giành dân và biến nông dân thành lực lượng hậu thuẫn cho chánh sách xâm lược và thống trị của chúng. Hành động của chúng làm cho địa bàn hoạt động của ta ở huyện và xã bị thu hẹp dần.

Trong tình hình đó, Khu đưa một đại đội chủ lực và Tỉnh đưa một đại đội của tiểu đoàn 502 về hoạt động, bảo vệ hành lang biên giới. Trong tháng 3/1969, du kích các xã phối hợp với bộ đội bao vây, huy hiếp, pháo kích trung tâm biệt kích Cà Vàng dài ngày.

Ngày 3/9/1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời gây xúc động mạnh đối với nhân dân cả nước. Nhân dân, cán bộ xã Tân Hộ Cơ ở khu vực Dinh Bà lập bàn thờ, tổ chức truy điệu Bác Hồ, lập bàn thờ tang thả bè chuối trên sông Sở Hạ. Thông qua phong trào tổ chức tang lễ Bác Hồ, chi bộ khơi dậy tinh thần yêu nước, yêu lãnh tụ, căm thù giặc trong nhân dân. Biến đau thương thành

hành động cách mạng, du kích Tân Hộ Cơ cùng bộ đội huyện bao vây, tập kích đồn Bình Phú làm một số tên chết và bị thương.

Đầu năm 1970, địch đưa thêm một trung đoàn lính với xe tăng, máy bay yểm trợ càn quét dài ngày ở vùng giải phóng ven biên giới thuộc các xã Tân Hội, Bình Thạnh, Tân Hộ Cơ, Tân Công Chí, bị du kích địa phương và bộ đội huyện chặn đánh quyết liệt, diệt nhiều tên.

Từ ngày 18/3/1970, đế quốc Mỹ cho bọn tay sai mở rộng chiến tranh Đông Dương. Chúng lật đổ Chánh phủ Hoàng gia Xiha-nút (Campuchia), lập chánh quyền tay sai Lon-nol ở Campuchia. Chúng tập trung đánh phá dữ dội vào vùng biên giới làm cho các xã ở khu vực biên giới gặp nhiều khó khăn. Tỉnh Kiến Phong giao cho huyện Hồng Ngự tích cực giúp đỡ nhân dân và cách mạng ở ba huyện Peam Chô, Prêk-sdech và Trà Béc (Campuchia). Về quân sự ta đưa một bộ phận vũ trang của huyện lên trụ và đánh địch nhiều trận ở Cả Đôn, Trà Béc.

Chúng mở cuộc hành quân, bắn phá dữ dội trên đường vùng biên giới, giết hại nhiều đồng bào vô tội. Khi biết rõ ý đồ của chúng, ta không tập trung lại được lực lượng, tự lực chiến đấu. Đồng chí Hải Triều, đồng chí Gạo (tổ vũ khí xã) hy sinh. Đồng chí Bí thư tập hợp

được các đồng chí chỉ uỷ viên như: Từ Anh, Lê Văn Cháy (Ba Cháy), Tám Trung và Út (tài chánh) bàn bạc thống nhất trở về địa phương, đào hầm bám trụ hoạt động. Nhưng hôm sau Từ Anh, Tám Trung và Ba Cháy ra chiêu hồi.

Từ tháng 4 đến cuối năm 1970, ta liên tục đánh các đồn bót địch ở gò Chùa, Bình Phú, Thông Bình, gò Bói và đặc biệt là ở phum Cả Đôn (trên đất Campuchia) bộ đội và du kích Bình Thạnh, Tân Hộ Cơ đã chặn đánh một tiểu đoàn biệt động quân nguy, diệt một đại đội, bắt sống 5 tù binh, thu 20 súng.

Vào thời điểm này, đời sống nhân dân, cơ sở cách mạng gặp rất nhiều khó khăn do bị địch càn quét đánh phá liên tục, làm một số gia đình phải tản cư. Ở Tân Hộ Cơ xuất hiện tình trạng hoang mang dao động trong một số cán bộ, có người buông lơi chiến đấu, có người chạy bỏ địa bàn hoạt động. Song đại bộ phận vẫn cương quyết bám trụ chiến đấu.

Địch thường xuyên dùng trực thăng nhảy dù, thuyền bay đột kích từ Bốt Tà Lui, Tà Kết, Xăng Chà, Cỏ Cô (Campuchia) về biên giới Tân Hộ Cơ, cướp giết tài sản, trâu bò của nhân dân trong vùng. Nhưng dân vẫn bám trụ, vượt khó khăn làm ăn sinh sống. Lực lượng cách mạng địa phương phân tán mỏng theo dân, tránh né các cuộc càn. Trong xã chỉ còn lại hai tiểu đội du kích xã

và ấp, với 20 người. Song với tinh thần cảnh giác cao và sẵn sàng chiến đấu, nên ta thường xuyên bố trí trận địa với công sự vững chắc rải khắp gò Củ Chi.

Vào mùa nước 1970, địch càn quét bằng thuyền bay xuất phát từ Đôn Phục (giồng Sa-rày) lên bao vây bắn phá vào gò Chệt, Kum Tư, qua gò Găng, gò Củ Chi; tiếp theo chúng cho pháo từ gò Bói bắn lên. Bộ binh từ Đôn Phục với 60 xuồng chở khoảng 100 tên biệt kích Mỹ (MAI.FORT) do đại úy Liên chỉ huy di chuyển từ sông Sở Hạ lên ngay gò Kum Tư bọc qua vách gò Giang, ồp vào gò Củ Chi. Du kích nổ súng diệt gọn đội dẫn đầu, sau đó đồng loạt nổ súng vào nơi địch cập xuồng đổ quân, chúng hoảng hốt phóng xuồng nước, làm xuồng lật chìm, lớp chết, lớp bị thương... Chúng gọi pháo từ Cà Vàng, gò Bói, Đôn Phục bắn lên, gọi máy bay khu trục đến ném bom liên tục. Khoảng hơn 5 giờ ta rút lui an toàn ra khỏi trận địa. Kết quả, ta diệt và làm bị thương trên 30 tên, thu ba súng (một M.79, hai AR.15). Ta có một chiến sĩ hy sinh và một bị thương.

Vào tháng 9/1970, du kích Tân Hộ Cơ chặn đánh địch ở Sóc Trục, diệt một trung đội địch, thu 2 súng (M.79, 4 khẩu M.16); tổ chức đánh địch tại Dinh Bà, diệt một trung đội địch, thu 2 khẩu M.16.

Trong năm 1971, du kích Tân Hộ Cơ tự lực tổ chức đánh địch hai trận tại bưng Dinh Bà, diệt 12 tên và làm bị thương gần hai tiểu đội địch, thu 3 khẩu M.16. Lực lượng ta có mặt thường xuyên tại Dinh Bà khoảng 30 chiến sĩ.

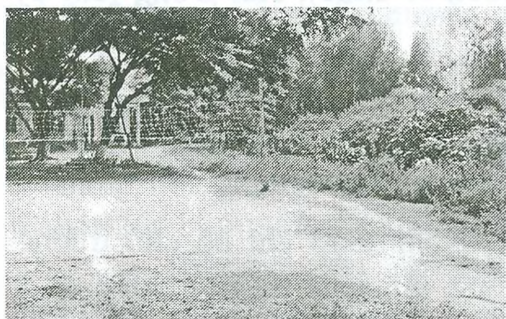
Năm 1971, đồng chí Nguyễn Văn Láng (tức Ba Láng) phụ trách Bí thư. Sau khi Hiệp định Paris được ký kết (27/01/1973), xã được tăng cường hai đảng viên là đồng chí Bảy Khải và Út Ếch. Chi ủy gồm 05 đồng chí: Ba Láng (Bí thư), Tư Hùng (Phó Bí thư, phụ trách xã đội chánh) Út Ổn (Võ Thành Ổn, chi ủy viên, phụ trách Nông hội), Phan Thành Phương (chi ủy viên phụ trách tổ chức), Hai Đông (chi ủy viên, phụ trách công an) và Bảy Khải. Các đồng chí Thành Lập, Thanh Gương, Hai Quý, Ba Hy, Lê Hồng Rảnh (xã đội phó), Đặng Văn Mầu là những đảng viên hoạt động hợp pháp, Út Ếch chỉ huy lực lượng du kích.

Năm 1973 chi bộ chủ trương lãnh đạo đưa dân về vùng ven sông Sở Hạ, phía bên Việt Nam để tổ chức lại sản xuất. Cơ sở cách mạng được củng cố trong các khu gom dân và ngoài vùng giải phóng. Để chủ động chống lại âm mưu "lấn chiếm, tràn ngập lãnh thổ" của địch, ta lấn dần các bãi trái vô các khu, các ấp, kết hợp với rải truyền đơn, khẩu hiệu, phát tán tài liệu về Hiệp định Paris, dùng loa kêu gọi binh lính địch không đi lấn chiếm...

Trong khi đó, địch hành quân lấn chiếm ra khu vực Lãng-xăng, Côn-tà-ét... Ngày đêm ta đều lãnh đạo du kích, nhân dân kết hợp ba mũi với bãi chông, mìn áp sát đồn bót, dựa vào tính pháp lý của Hiệp định, tuyên truyền binh vận khơi dậy tâm lý hoang man, ngao ngán chiến tranh trong binh sĩ.

Vào giữa năm 1973, du kích hai xã Tân Hộ Cơ và Tân Công Chí kết hợp với tiểu đoàn 3 và 207 của Quân khu, phân công: du kích Tân Hộ Cơ và bộ đội tấn công tiêu diệt đồn gò Bói, còn du kích Tân Công Chí cùng với bộ đội lãnh trách nhiệm tấn công đồn gò Da, gò Chùa và trung tâm biệt kích Đôn Phục.

Đúng giờ hợp đồng, tất cả đều nổ súng. Ta tiêu diệt được nhiều tên địch và cả bọn dân vệ, tề xã ấp nằm dã ngoại bên ngoài, bọn còn lại rút vào đồn. Ta áp sát vào đồn, đến sáng ta cho lực



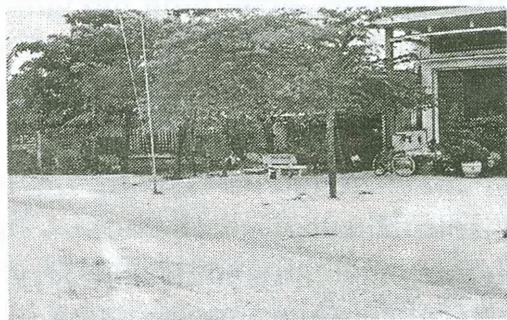
Trụ sở Công an, Xã Đội Tân Hộ Cơ (Đồn Gò Bói thời kháng chiến chống Mỹ)

lượng chánh trị, binh vận tiếp tục tấn công. Cuối cùng ta bứt rút được đồn gò Chùa; bức hàng đồn gò Da, bắt sống một trung đội (trong đó có tên Mới là đồn trưởng) và thu toàn bộ vũ khí. Các đồn còn lại, ta bao vây, áp sát tận bờ rào. Khoảng hai tuần sau, địch điều trực thăng và xe tăng, bắn hỏa tiễn và pháo vào đồn gò Da, ta cầm cự một tuần thì rút.

Sau khi ta rút khỏi gò Da và gò Chùa, địch dùng bộ binh có xe tăng yểm trợ, bao vây tấn công, gọi pháo ở Cà Vàng, Đôn Phục dập liên tục vào gò Chùa suốt ngày. Dân chúng phải chạy sang gò Đuôi Tôm tránh đạn.



Vườn chú Hai Hoàng Thương, nơi trước đây đồn Gò Da đóng



Gần khu vực chợ Bình Phú thuộc ấp Công Tạo, xã Bình Phú (nơi đồn gò Chùa đóng thời kháng chiến chống Mỹ)

Bằng sự kết hợp sức mạnh tổng hợp 3 mũi tấn công, kết hợp pháp lý Hiệp định Paris, ta đã chặn đứng âm mưu lấn chiếm của địch, làm cho bọn chỉ huy ác ôn thấy Mỹ đã thua, đang rút quân, chúng

không còn chỗ dựa, binh sĩ địch bớt lòng sục, càn quét bắn phá bừa bãi; tạo điều kiện cho nông dân lần hồi trở về ruộng vườn cũ làm ăn trở lại.

Đến năm 1974, đồng chí Lê Trung được cử làm Bí thư (thay đồng chí Ba Láng rút về trên); đồng chí Hùng, Phó Bí thư; đồng chí Bảy Phương (Phan Thành Phương) phụ trách Chủ tịch UBND xã.

Kể từ tháng 3/1975, trên chiến trường miền Nam, quân và dân ta liên tiếp chiến thắng lớn. Nhứt là sau chiến thắng Tây Nguyên, rồi đến chiến dịch Huế-Đà Nẵng... đẩy địch vào tình thế tuyệt vọng, suy sụp nhanh chóng. Tuy vậy bọn đầu sỏ vẫn còn ngoan cố, tìm mọi cách chống đỡ. Khí thế cách mạng miền Nam lúc này dâng trào không gì ngăn cản nổi. Thời cơ kết thúc chiến tranh, giải phóng hoàn toàn miền Nam đã mở ra.

Ngày 25/3/1975, Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch Hồ Chí Minh, với nhiệm vụ giải phóng Thành phố Sài Gòn, đầu não của địch và toàn miền Nam trước mùa mưa.

Đầu tháng 4/1975, Trung ương cục ra Nghị quyết chỉ đạo về việc tiến hành nắm thời cơ chuẩn bị tổng công kích, tổng khởi nghĩa. Sau khi tiếp thu Nghị quyết, Huyện ủy Hồng Ngự tiến hành khẩn trương công tác chuẩn bị. Bên cạnh việc bố trí, phân công lại đảng viên, cán bộ cho phù hợp với tình hình, Huyện ủy tích cực xây dựng thêm lực lượng võ trang, kiện toàn các tổ chức quần chúng, phổ biến các chánh sách của Mặt trận đến mọi đối tượng. Việc chuẩn bị lương thực, vũ khí, phương tiện vận chuyển đã được thực hiện trong tháng 12/1974.

Những tháng đầu năm 1975, mọi công tác chuẩn bị ngày càng gấp rút hơn. Huyện thành lập tiểu đoàn bộ đội địa phương. Ở xã, du kích tập trung lên tới một, hai trung đội. Quần chúng ở các ấp cũng được biên chế thành các trung đội dân quân. Các cơ sở nội tuyến trong đồn bót địch, được phổ biến kế hoạch cướp đồn. Trên địa bàn Hồng Ngự, cho đến thời điểm này, ta xây dựng được một lực lượng mạnh nhất so với trước đây. Đầu tháng 4/1975, Hồng Ngự lại nhận được sự chi viện của Tỉnh. Kế hoạch tổng công kích tổng khởi nghĩa được Huyện ủy thông qua vào giữa tháng 4/1975.

Chấp hành lệnh "huyện giải phóng huyện, xã giải phóng xã". Chi bộ Tân Hộ Cơ đề ra Nghị quyết tự lực chuẩn bị để giải phóng quê hương mình. Từ đó, chi ủy xúc tiến xây dựng lực lượng đủ mạnh có thể giải phóng xã nhà. Xã đẩy mạnh việc phát triển lực lượng du kích xã, ấp và tổ chức những thanh niên dũng cảm thành đội ngũ; song do yêu cầu của Tỉnh và Huyện, một bộ phận này được điều lên trên. Nên đến khi có lệnh giải phóng xã, số đảng viên ở địa phương còn lại có 10 đồng chí (ba trong chi ủy), du kích xã còn một tiểu đội, ở hai ấp Cả Xiêm và Dinh Bà có hơn hai tiểu đội.

Chi ủy chia lực lượng đảng viên ra làm hai bộ phận để lãnh đạo quần chúng và du kích cướp chánh quyền:

Cánh 1 gồm các đồng chí: Bảy Phương, Hai Đông, Thanh Gương, Hai Quý, Hai Ánh, Cảnh.

Cánh 2 gồm các đồng chí: Lê Trung, Út Ôn, Đánh, Năm Mầu.

Mỗi cánh đều có lực lượng du kích, thanh niên, nông dân trên 30 người, tập trung từ hai ấp Cả Xiêm và Dinh Bà tiến vào đồn gò Chùa và gò Bói.

Trước sự tiến công ồ ạt của quân ta, các cơ quan đầu não của ngụy quyền ở Sài Gòn lần lượt bị ta chiếm đóng. Nên đến 10 giờ 30 phút ngày 30/4/1975, Dương Văn Minh, Tổng thống ngụy quyền Sài Gòn tuyên bố đầu hàng vô điều kiện. Chiến dịch Hồ Chí Minh kết thúc thắng lợi tại thành phố Sài Gòn. Sài Gòn hoàn toàn giải phóng tạo điều kiện giải phóng toàn miền Nam. Dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, quân và dân Hồng Ngự với lực lượng tối đa bao vây, thúc hàng, áp sát các đồn địch trong huyện, làm cho binh sĩ ngụy hoang man, tan rã từng mảng lớn. Nhưng tên quận trưởng Hồng Ngự vẫn ngoan cố thúc ép binh lính tử thủ. Hắn ra lệnh các cụm pháo ở Hồng Ngự bắn xối xả vào các xã chung quanh thị trấn, nơi lực lượng ta đang tập trung nổi dậy.

Dưới sự lãnh đạo của chi ủy, quần chúng phấn khởi, nô nức tham gia vào việc giành chánh quyền. 7 giờ tối ngày 30/4, lực lượng du kích áp sát đồn gò Chùa và đồn gò Bói; các bộ phận chánh trị, binh vận tập trung nhân dân nhứt là gia đình binh sĩ địch, bất chấp nguy hiểm phát loa kêu gọi binh lính đầu hàng.

Cuối cùng bọn lính trong đồn gò Chùa đầu hàng, giao nộp toàn bộ vũ khí. Lợi dụng lực lượng ta mỏng và trời tối, bọn lính trong đồn gò Bói quăng súng bỏ chạy, ta tịch thu tất cả. Riêng bọn lính ở đồn Bình Phú, lúc hơn 4 giờ sáng ngày 1/5 rút chạy xuống bờ kinh Đôn Phục, định di tản thẳng ra thị trấn Hồng Ngự. Nhưng đến bến đò gò Chùa thì bị ta chặn lại gọi hàng. Chúng ngoan cố chống trả, buộc lòng ta phải nổ súng. Chúng bỏ lại một xác chết và một số tên bị thương, số còn lại trốn thoát.

Sáng ngày 01/05/1975, xã Tân Hộ Cơ hoàn toàn giải phóng.

Khắp nơi trong xã, nhân dân hết sức vui mừng trước sự kiện lịch sử vô cùng vĩ đại của xã của Huyện, Tỉnh và của toàn dân là quét sạch bóng quân xâm lược, sau hơn 100 năm kiên trì chiến đấu đầy hy sinh, gian khổ.

Từ Đôn Phục đến gò Chùa, gò Bói, gò Da, Dinh Bà, Cả Xiêm, Bình Phú nơi nơi rợp bóng cờ sao; trên sông Sở Hạ ghe xuồng tấp nập ngược xuôi trong niềm vui chiến thắng, đổi đời; kẻ trở về nhà cũ, ruộng vườn xưa đã bị chiến tranh tàn phá, lo tạo lập lại cuộc sống mới; người đi tìm chồng, con, em... sau bao năm xa cách vì kháng chiến; cán bộ, chiến sĩ lo công việc tiếp quản, xây dựng chánh quyền, ổn định an ninh trật tự... chuẩn bị cho giai đoạn cách mạng mới.

CHƯƠNG KẾT

Trong lịch sử mấy trăm năm của dân tộc, tính từ ngày khai hoang lập ấp đến nay, công cuộc đấu tranh với thiên nhiên biến rừng hoang, gò nổi thành ruộng vườn tươi tốt; chống xâm lăng bảo vệ quê hương, xóm làng của nhân dân Tân Hộ Cơ bao giờ cũng gắn liền với lịch sử của vùng đất Hồng Ngự, Tân Hồng, Đồng Tháp Mười.

1. Cũng như nhân dân trong khu vực, trong huyết quản của mọi người dân Tân Hộ Cơ đều tiềm tàng dòng máu yêu quê hương đất nước, được lưu truyền từ bao đời qua. Xuất thân là con cháu của lưu dân từ mấy thế kỷ trước, những người chán ghét xã hội bất công áp bức, tìm đường vào Nam, xây dựng cuộc sống mới cho thế hệ mai sau. Nhân dân Tân Hộ Cơ kế thừa và phát huy truyền thống yêu nước của dân tộc. Trong mấy trăm năm qua, truyền thống này ngày càng được nâng cao và cách tân qua các thời kỳ lịch sử.

Dưới thời phong kiến, chúa Nguyễn rời nhà Nguyễn, nhiều lần họ tham gia chiến đấu bảo vệ biên cương, chống lại sự xâm phạm trực tiếp hoặc do xúi giục của Xiêm la (Thái Lan ngày nay), chống lại sự cai trị hà khắc của quan lại nhà Nguyễn. Đến khi thực dân Pháp xâm lược Nam kỳ, rồi thống trị cả nước, nhân dân Việt Nam trong đó có nhân dân Tân Hộ Cơ đứng trước

một kẻ thù xâm lược mới. Cũng như toàn dân trong vùng Đồng Tháp Mười, nhân dân Tân Hộ Cơ, Tân Thành, Hồng Ngự... cầm gươm giáo cùng Thiên Hộ Dương lập chiến khu Tháp Mười, kiên trì chống giặc. Nhưng trước tàu to, súng lớn, hoả lực mạnh của giặc, nghĩa quân ta đành thất thủ; song, không hề nản chí nản lòng. Đến thờ ông Cả Huy (ở Tân Thành) còn đó, như động viên nhắc nhở. Hết phong trào Đông Du, Minh Tân đến Thiên Địa Hội, cùng nhân dân trong khu vực, nhân dân Tân Hộ Cơ tiếp tục phát huy truyền thống yêu nước của cha ông, nhưng mọi con đường cứu nước hầu như bế tắc.

2. Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời do Nguyễn Ái Quốc - Chủ tịch Hồ Chí Minh, sáng lập và lãnh đạo, với đường lối, chủ trương phù hợp với xu thế phát triển của xã hội loài người: "Chủ nghĩa yêu nước gắn liền với chủ nghĩa xã hội". Trong từng giai đoạn cách mạng, Đảng ta có đường lối đúng đắn, tạo được niềm tin vững chắc trong nhân dân; dân tin vào Đảng, Đảng dựa vào dân và từ nhân dân mà phát triển là qui luật của cách mạng Việt Nam. Nhờ đó mà Đảng ta phát huy được sức mạnh đoàn kết của toàn dân, đoàn kết lương giáo, đoàn kết các dân tộc, đặt quyền lợi dân tộc lên trên hết, phá tan mọi âm mưu chia để trị, kích động tôn giáo của thực dân đế quốc... đưa cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên phạm vi cả nước đến thắng lợi hoàn toàn.

3. Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy Hồng Ngự, nhân dân Bình Thạnh ý thức rõ lý tưởng, mục tiêu của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân là đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược, giành độc lập cho Tổ quốc, xây dựng chính quyền của nhân dân, trong đó nhân dân lao động là người làm chủ đất nước. Từ đó, nhân dân Bình Thạnh đã cùng nhân dân các xã trong huyện góp phần làm nên cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở địa phương. Cuộc cách mạng Tháng Tám 1945 đã khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đưa nhân dân ra khỏi kiếp nô lệ, lầm than và cũng chính cuộc cách mạng này đã tạo điều kiện cho xã Tân Hộ Cơ ra đời. Từ đó, dưới sự lãnh đạo của chi bộ địa phương, nhân dân Tân Hộ Cơ đã ra sức góp công, góp của và cả máu xương để đánh đuổi quân cướp nước và cùng nhân dân trong khu vực biển Đồng Tháp Mười thành Việt Bắc của Nam Bộ, góp phần tạo nên chiến thắng Điện Biên Phủ, buộc giặc Pháp phải ký kết Hiệp định Genève và rút quân.

Trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ, dù chúng có dồi dào về phương tiện khí tài chiến tranh, áp dụng chủ nghĩa thực dân mới với nhiều âm mưu thâm độc hơn thực dân Pháp; song nhân dân Tân Hộ Cơ, dưới sự lãnh đạo của chi bộ đã mưu trí, dũng cảm, sáng tạo, vượt qua hết khó khăn này đến khó khăn khác, đoàn

kết nhứt trí một lòng, không chỉ đấu tranh chánh trị mà nhân dân trong xã còn đẩy mạnh đấu tranh binh vận và tham gia đấu tranh võ trang, hợp cùng lực lượng võ trang hình thành ba mũi giáp công, góp phần đánh bại mọi âm mưu chiến lược của đế quốc Mỹ và tay sai; giành thắng lợi trên cả ba mặt: chánh trị, quân sự và binh vận.

4. Trong suốt ba mươi năm kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và bọn tay sai, nhân dân xã Tân Hộ Cơ, một xã ở vùng biên giới, cửa ngõ của Đồng Tháp Mười từ phía Bắc xuống, với thực lực của mình, đã đóng góp sức người, sức của cho sự nghiệp giải phóng dân tộc; trong đó, có 173 liệt sĩ, 61 thương binh, 3 bà mẹ được Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng.

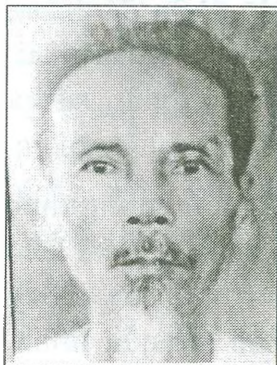
Sự hy sinh to lớn đó có ý nghĩa hết sức thiết thực cho cuộc sống hôm nay và mai sau. Nó chẳng những mang lại độc lập, hoà bình, tự do dân chủ, tạo điều kiện cho công cuộc xây dựng một xã hội mới, xã hội chủ nghĩa; mà còn làm giàu thêm truyền thống yêu nước của người Việt Nam vốn đã phong phú.

Những truyền thống quý báu trên luôn được nhân dân và Đảng bộ Tân Hộ Cơ trân trọng, vận dụng và phát huy trong công cuộc cải tạo, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- * * * -

PHỤ LỤC

1. DANH SÁCH BÍ THƯ QUA CÁC THỜI KỲ:



Đ/c NGUYỄN VĂN NGUYỄN

*Bí thư lâm thời
3/1947*



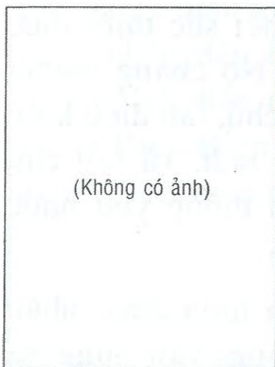
Đ/c TỔNG ĐỨC NGHI

*(Ba Ngõi)
1948-1949*



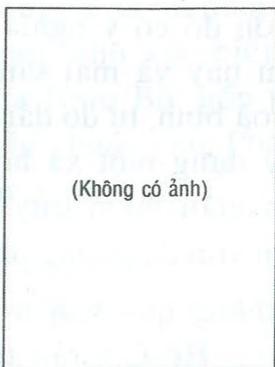
Đ/c NGUYỄN SƠN TÂY

*(Tây Long)
1949-1951*



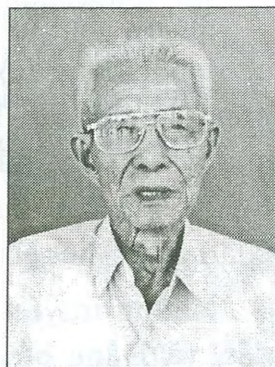
Đ/c DƯƠNG VĂN CHẤP

*(Mười Chấp)
1951-7/1954*



Đ/c VÕ VĂN THẢ

*(Hai Râu)
1956-1957*

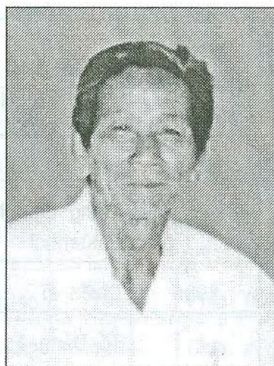


Đ/c LÂM VĂN CỬ

*(Bảy Ruộng)
Đầu năm 1957-11/1958*



Đ/c **DƯƠNG VĂN GIẢ**
(Lâm Sơn)
-10/1959-11/1960
-1965 - 1967



Đ/c **VÕ VĂN LIÊU**
(Lê Hiếu)
11/1960 - cuối 1961



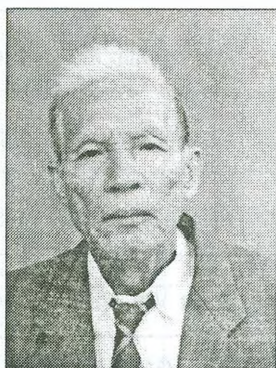
Đ/c **NGUYỄN VĂN ĐỒNG**
(Tân Lợi)
Cuối 1961-1965



Đ/c **ĐOÀN THỊ VĂN**
(Bảy Thanh)
1967-1971



Đ/c **NGUYỄN VĂN LÁNG**
(Ba Láng)
1971-1974



Đ/c **NGUYỄN VĂN CA**
(Lê Trung)
1974 - đến sau giải phóng

2. DANH SÁCH LIỆT SĨ XÃ TÂN HỘ CƠ CHỐNG MỸ, CHỐNG PHÁP VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (Xã Tân Hộ Cơ ngày nay)

S T T	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	NGÀY THAM GIA CM	CẤP BẬC, CHỨC VỤ KHI HY SINH	NĂM HY SINH
1	2	3	4	5	6
01	Lê Văn Tào	1937	1948	Trung đội phó bộ đội PoKumbol	4/1953
02	Huỳnh Tấn Hương	1965	1986	Chiến sĩ	27/11/1987
03	Huỳnh Tấn Trí	1923	1945	Tổ Đảng ấp Chiến Thắng, Tân Hộ Cơ	13/03/1963
04	Võ Hoàng Dũng	1955	05/1971	Chiến sĩ binh I ĐPQ - Hồng Ngự	07/06/1971
05	Lê Văn Nhở	1937	1972	Dân công hỏa tuyến	1972
06	Nguyễn Văn Thôn	1949	1970	Chiến sĩ du kích Tân Hộ Cơ	14/8/1972
07	Lê Văn Ấm	1927	1958	Tổ trưởng du kích mật Thường Phước	23/02/1960
08	Nguyễn Văn Điệp	1950	1968	Chiến sĩ ĐPQ - Hồng Ngự	1971
09	Giang Văn Phẩm	1945	1961	Phó Ban Dân vận Tân Hộ Cơ	03/9/1971
10	Trần Văn Học	1935	1958	Thượng sĩ	1962
11	Nguyễn Văn Dân	1945	1972	Dân công hỏa tuyến Tân Hộ Cơ	1972

1	2	3	4	5	6
12	Đặng Văn Cỏi	1924	10/5/1962	Trung đội phó D502	01/8/1968
13	Đinh Văn Khuýnh		1962	Chiến sĩ du kích ấp	26/12/1967
14	Nguyễn Văn Hồng	1963	03/2/1968	Dân công hỏa tuyến	29/9/1972
15	Võ Văn Hon	1947	02/2/1968	Xã đội phó Tân Hộ Cơ	20/8/1971
16	Trịnh Văn Ngồi	1946	30/12/1964	Chiến sĩ ĐPQ-Hồng Ngự	30/5/1966
17	Lê Văn Tổng	1944	1962	Thượng sĩ bộ đội	14/4/1968
18	Nguyễn Văn Úa	1938	1968	Tiểu đội trưởng DK ấp Gò Chùa	25/6/1974
19	Nguyễn Văn Luyện	1945	1961	Phân đội trưởng an ninh	9/10/1969
20	Nguyễn Văn Chum	1952	1964	Chiến sĩ giao liên Tân Hộ Cơ	08/8/1972
21	Nguyễn Văn Bạc	1952	1970	A trưởng du kích xã Rem Tia	22/2/1972
22	Nguyễn Văn Xưa	1938	1959	Đại đội trưởng của R	1961
23	Nguyễn Thanh Xuân	1954	03/1964	Trung sĩ bộ đội QK9	1969
24	Võ Văn Ân	1942	1959	Tiểu đoàn phó 261B	02/5/1970
25	Nguyễn Văn Nho	1961	1984	Trung đội trưởng TĐ 7 Đồng Tâm	28/7/1984
26	Nguyễn Văn Út	1949	1965	Tiểu đội trưởng du kích	23/5/1969
27	Hồ Văn Linh	1952	1976	Dân công hỏa tuyến	11/01/1979
28	Hồ Văn Phạt	1954	1976	Chiến sĩ du kích Tân Hộ Cơ	11/01/1979
29	Nguyễn Văn Chiến	1964	03/1983	Chiến sĩ MT 979	08/1983
30	Nguyễn Hoàng Việt	1971	03/1989	Hạ sĩ đội chuyên viên KT Ksb	07/02/1991
31	Nguyễn Văn Dẻo	1961	02/1984	Chiến sĩ	26/5/1984

1	2	3	4	5	6
32	Trần Văn Do	1966	03/1983	Chiến sĩ	1984
33	Lâm Văn Trãi	1966	03/1983	Chiến sĩ	31/8/1984
34	Nguyễn Văn An	1961	1980	Tiểu đội phó	07/03/1982
35	Trương Quang Chính	1963	08/1982	Chiến sĩ Tiểu đoàn QK2	19/7/1983
36	Cao Văn Tiệp	1957	1975	Áp đội Gò Bói Tân Hộ Cơ	1977
37	Lê Văn Lờ	1935	1977	Thống kê xã đội Tân Hộ Cơ	1978
38	Lê Minh	1967	03/1986	Hạ sĩ TD thông tin TĐTS F330	01/12/1986
39	Lý Văn Sện	1931	1945	Tiểu đội trưởng	22/7/1951
40	Nguyễn Văn Y	1955	1968	Trung đội trưởng ĐQP Hồng Ngự	26/9/1972
41	Đặng Văn Hồng	1964	05/1962	Thượng sĩ bộ đội tỉnh Đồng Tháp	30/11/1965
42	Huỳnh Văn Đạo	1952	22/2/1970	Chiến sĩ ĐPQ-Hồng Ngự	25/4/1970
43	Hà Thanh Liêm	1953	02/1962	B trưởng	10/02/1972
44	Võ Văn Quang	1920	1940	Tổ Đảng ấp Gò Bói, Tân Hộ Cơ	28/10/1971
45	Nguyễn Văn Đúng	1964	1962	Chiến sĩ MT 44	1967
46	Lâm Văn Bé	1945	1964	Đội viên du kích ấp Chiến Thắng	09/1974
47	Phạm Văn Quý	1953	12/03/1973	Hạ sĩ ĐPQ Hồng Ngự	19/03/1974
48	Nguyễn Văn Lành	1923	1954	Tiểu đội phó DK xã Tân Hộ Cơ	08/01/1968

1	2	3	4	5	6
49	Hồ Văn Hai	1929	1955	Nhân viên kinh tài Tân Hộ Cơ	25/06/1970
50	Bùi Văn Quang	1952	03/1973	Chiến sĩ DK ấp Thị, Tân Hộ Cơ	25/06/1970
51	Đỗ Văn Tỏi	1940	02/1966	Thượng sĩ ĐPQ Hồng Ngự	18/10/1971
52	Nguyễn Văn Kế	1930	1960	Phó ban thông tin xã Thường thời Hậu A	1961
53	Dương Văn Khê	1946	01/1967	Xã đội phó Thông Bình, HN	19/10/1969
54	Đỗ Văn Bội	1930	1957	Trung đội phó tiểu đoàn 502	23/9/1959
55	Nguyễn Văn Yêm	1948	1973	Du kích xã Tân Công Chi	09/1974
56	Trần Văn Mười	1928	11/1970	Đại đội phó QK9	10/02/1976
57	Trần Văn Thạnh	1948	1966	Du kích xã Tân Hộ Cơ	03/03/1972
58	Nguyễn Văn Mắm	1950	1970	Thượng sĩ	12/04/1973
59	Lê Văn Khá	1920	1939	Đội trưởng CA tỉnh Bến Tre	11/01/1949
60	Nguyễn Văn Cu	1935	1941	Ấp đội trưởng	08/04/1970
61	Nguyễn Tấn Thô	1929	1960	Công đoàn xã Tịnh Sơn	21/11/1966
62	Lê Văn Quýt	1941	1960	Thượng sĩ bộ đội tỉnh Tây Ninh	30/10/1966
63	Nguyễn Viết Chu	1917	21/03/1930	Phó ban TBXH Tân Hộ Cơ	21/03/1979
64	Trương Văn Song	1967	02/1985	Tiểu đội trưởng D ₄ E ₂ F ₉	02/02/1986
65	Nguyễn Văn Nam	1935	1960	Cơ sở mật biệt đông quân TD 76	28/03/1972
66	Lê Văn Lùng	1949	1969	Hạ sĩ	19/03/1970
67	Nguyễn Văn Bá	1958		Hạ sĩ	07/05/1977
68	Nguyễn Văn Bồi	1917	1947	Phó ban TBXH Thường Phước	11/11/1974

**DANH SÁCH LIỆT SĨ XÃ TÂN HỘ CƠ
CHỐNG MỸ, CHỐNG PHÁP VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC
(xã Bình Phú ngày nay)**

S T T	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	NGÀY THAM GIÁ CM	CẤP BẬC, CHỨC VỤ KHI HY SINH	NĂM HY SINH
1	2	3	4	5	6
01	Trần Văn Nghĩa	1951	1965	Hạ sĩ bộ đội	01/01/1974
02	Ngô Mào	1935	1960	Phó phòng tài chính huyện Hồng Ngự	1973
03	Lê Văn Hạnh	1933	1956	Tiểu đội trưởng du kích Tân Hộ Cơ	06/1961
04	Đỗ Thị Kim Mỹ			Y tá cứu thương Tân Hộ Cơ	06/1961
05	Võ Văn Dở	1943	02/1955	Đại đội phó bộ đội tỉnh Đồng Tháp	1965
06	Phạm Văn Xích	1936	1960	Đội viên du kích ấp (Tân Hộ Cơ)	02/1961
07	Đào Văn Đá	1922	1958	Trưởng ban kinh tài Tân Hộ Cơ	06/9/1960
08	Phan Văn Lừa	1931	1964	Trưởng ban kinh tài Tân Hộ Cơ	24/9/1970
09	Nguyễn Văn Ninh	1907	05/05/1960	Tiểu đội trưởng	9/12/1965
10	Huỳnh Văn Kháng	1949	1971	Chiến sĩ du kích xã Tân Công Chí	1972
11	Dương Tấn Điện	1947	1970	Thượng sĩ bộ đội sư 94 - Quân khu 9	1972

1	2	3	4	5	6
12	Nguyễn Quy		1952	Bộ đội	23/04/1954
13	Nguyễn Văn Thử	1930	22/02/1950	Trung sĩ bộ đội miền Tây	22/02/1952
14	Nguyễn Văn Hưởng	1950	1965	Hạ sĩ bộ đội miền	1970
15	Dương Xuân	1942	1970	Chiến sĩ	1971
16	Trần Văn Hằng	1931	1947	Nhân viên công xưởng xã	1949
17	Võ Đình Sáu	1948	02/1965	Binh nhất bộ đội miền	19/06/1966
18	Phan Ngọc Anh	1921	1962	Thượng sĩ bộ đội Hồng Ngự	1970
19	Hồ Văn Tài		1964	Cán bộ kinh tài	1972
20	Phạm Văn Đỡ	1943	1962	Đại đội phó bộ đội Đồng Tháp	10/1965
21	Phan Văn Gập	1945	10/9/1968	Dân công hỏa tuyến	10/9/1968
22	Phạm Kỳ Dân	1964	1985	Thượng sĩ đại đội 5, tiểu đoàn 8	1986
23	Nguyễn Tấn Tự	1964	03/1983	Trung sĩ tiểu đội phó	05/1984
24	Nguyễn Văn Mắm	1932	05/1960	Xã đội phó Tân Hộ Cơ	23/02/1961
25	Lê Văn Chiến	1955	04/1975	Trung đội trưởng bộ đội Đồng Tháp	19/12/1977
26	Huỳnh Tấn Thành	1954	02/1983	Trung sĩ bộ đội tiểu đoàn 941, QK9	15/02/1985
27	Hồ Văn Thụy	1952	1968	Chiến sĩ trinh sát bộ đội	20/10/1968
28	Huỳnh Tâm	1962	08/1983	Thượng sĩ bộ đội tình Đồng Tháp	20/9/1985
29	Trương Văn Linh	1966	08/1985	Chiến sĩ mật trận 979 Quân khu 9	12/1985

1	2	3	4	5	6
30	Nguyễn Văn Công	1983	1960	Thượng sĩ bộ đội Quân khu 9	02/08/1969
31	Nguyễn Văn Chơn	1922	1958	Trưởng ban kinh tài Tân Hộ Cơ	06/9/1960
32	Đặng Văn Lọt	1937	1954	Chiến sĩ du kích Tân Hộ Cơ	26/07/1959
33	Trần Văn Phong	1956	1981	Chiến sĩ sư 339	31/8/1983
34	Nguyễn Văn Tây	1946	05/03/1963	Thượng sĩ bộ đội huyện Hồng Ngự	19/9/1964
35	Huỳnh Văn Nhẫn	1967	08/1985	Hạ sĩ sư đoàn 330	10/01/1986
36	Đào Văn Theo	1955	10/10/1966	Thượng sĩ bộ đội huyện Hồng Ngự	29/7/1969
37	Nguyễn Văn Nghĩa	1953	1971	A phó du kích Tân Hộ Cơ	10/03/1973
38	Lâm Văn Xuân	1939	12/1960	Thượng sĩ bộ đội Hồng Ngự	12/05/1964
39	Nguyễn Văn Chia	1943	11/1962	Chiến sĩ cơ sở nội tuyến	26/07/1963
40	Phạm Văn Thừa	1936	02/1961	Hạ sĩ bộ đội tỉnh Đồng Tháp	04/1962
41	Nguyễn Văn Khoái	1963	1983	Thượng sĩ bộ đội - D502	1987
42	Trần Văn Lợi	1967	03/1985	CS tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 330	26/06/1987
43	Lê Văn Trung	1963	1981	Chiến sĩ C ₃ D ₇ E ₁₀	08/07/1981
44	Trần Văn Thành	1957			
45	Nguyễn Văn Chà	1943	1959	Chiến sĩ du kích Tân Hộ Cơ	26/03/1963
46	Nguyễn Văn Xương	1947	1970	Xã đội phó xã Tân Hộ cơ	26/01/1972
47	Phan Văn Thi	1965	25/02/1982	Tiểu đoàn 25 sư đoàn 309	13/05/1983

1	2	3	4	5	6
48	Lý Công Tạo	1945	1963	Tiểu đội trưởng du kích Tân Hộ Cơ	26/09/1964
49	Nguyễn Hồng Ngự	1958	07/02/1975	Trung đội phó du kích Tân Hộ Cơ	16/11/1978
50	Lê Văn Luận	1953	03/1971	Nhân viên 5 ban liên lạc Việt Nam	04/02/1974
51	Lê Thành Dương	1914	1945	Phó BCH nông hội Tân Hộ Cơ	1962
52	Lê Văn Dân	1938	1960	Thượng sĩ bộ đội	02/08/1969
53	Nguyễn Văn Mắm	1950	1970	Thượng sĩ	12/04/1973
54	Trần Văn Kiệt	1948	10/10/1965	Thượng sĩ bộ đội	07/11/1969
55	Đỗ Văn Dũng	1968	03/1987	Hạ sĩ sư 339	26/12/1987
56	Hồ Khắc Trung	1921	1950	Thượng sĩ bộ đội Hồng Ngự	14/11/1970
57	Huỳnh Văn Dầy	1954	02/02/1968	Bộ đội	25/02/1968
58	Nguyễn Văn Chót	1944	25/05/1964	Trung sĩ bộ đội Hồng Ngự	29/11/1966
59	Nguyễn Văn Nghĩa	1936	26/09/1972	Dân công hỏa tuyến	01/10/1972
60	Nguyễn Văn Thuận	1955	1966	Thượng sĩ bộ đội Hồng Ngự	11/03/1969
61	Nguyễn Văn Niềm	1941	01/1965	Thượng sĩ bộ đội Miền	19/05/1967
62	Nguyễn Văn Kháu	1937	1957	Trung đội phó bộ đội Quân khu II	18/08/1961
63	Nguyễn Hà Thanh	1933	1948	Trung sĩ bộ đội Miền	09/1955
64	Dương Thi Sơn	1953	1968	Y tá	17/08/1974
65	Dương Thạnh	1952	1966	Đội viên du kích	09/08/1978
66	Phạm Văn Cơ	1942	02/1961	Thượng sĩ bộ đội Hồng Ngự	08/1964
67	Phạm Văn Tê		1973	Chiến sĩ du kích Tân Hộ Cơ	

1	2	3	4	5	6
68	Nguyễn Văn Minh	1925	03/1963	Xã đội chánh xã Tân Hộ Cơ	04/05/1973
69	Nguyễn Văn Mỏi	1957		Tiểu đội trưởng bộ đội	02/01/1978
70	Phan Thu Trước	1919	1961	Trưởng ban giao liên	02/07/1966
71	Phan Đức Trúc	1949	1971	Hạ sĩ bộ đội tỉnh Long An	08/08/1972
72	Phan Văn Hải	1932	01/01/1953	Đại đội trưởng	24/05/1969
73	Phan Hưng	1939	06/05/1947	Trung đội phó	19/12/1965
74	Phan Lương Trúc	1929		Chiến sĩ bộ đội	10/04/1954
75	Phan Văn Châu	1953	1963	Trung đội phó bộ đội Đồng Tháp	24/10/1970
76	Phan Văn Lưu	1949	1968	Binh nhất bộ đội Hồng Ngự	25/03/1968
77	Lê Văn Giàu	1942	1956	A phó du kích Tân Hộ Cơ	23/03/1961
78	Dương Thanh Thường	1937	1958	Trung đội phó bộ đội Đồng Tháp	31/08/1960
79	Phạm Văn Lót	1918		Đội viên du kích Tân Hộ Cơ	23/02/1962
80	Nguyễn Kim Anh				
81	Hồ Văn Sen		1952	Trung uý tuyên huấn phòng CT QK8	20/03/1970
82	Lê Bá Thủy	1943		Tiểu đội trưởng Huyện đội Hà Nam	1962
83	Lê Văn Thông	1934		A trưởng du kích xã Bình Thạnh	17/01/1973
84	Phan Văn Ty		1957	A phó C209 D502	1962
85	Nguyễn Văn Văn				
86	Nguyễn Văn Đức				

1	2	3	4	5	6
87	Ngô Thị Mí	1955		Đội viên du kích	25/02/1968
88	Đinh Văn Bổng	1951		Chiến sĩ du kích xã Tân Công Chí	04/05/1964
89	Ngô Minh Thường	1951		Tiểu đội trưởng du kích	22/02/1969
90	Ngô Biển	1945	10/04/1965	Tiểu đội phó tiểu đoàn 70 (sư đoàn 2)	17/06/1967
91	Võ Văn Sanh	1919	1955	Cán bộ mật chi bộ Tân Hộ Cơ	08/12/1969
92	Võ Văn Thanh	1930	1946	Chi uỷ viên Tân Hộ Cơ	1959
93	Võ Văn Khanh				
94	Nguyễn Văn Sửu	1919	1958	Cơ sở mật Tân Hộ Cơ	08/12/1969
95	Lưu Sơn	1936		Trung đội phó xã Quế Sơn	24/07/1973
96	Phan Văn Thọ				1962
97	Phạm Văn Giàu			Đội viên du kích xã Bình Thạnh	12/12/1978
98	Nguyễn Văn Thốt	1931		Công an xã Bình Thạnh	25/02/1968
99	Huỳnh Văn Hết	1931	30/03/1956	Đội viên báo cáo mật Tân Hộ Cơ	13/03/1957
100	Huỳnh Văn Bảo	1926		Đội trưởng dân quân Tân Hộ Cơ	12/02/1956
101	Nguyễn Hoàng Giang	1941	01/1960	B phó bộ đội tỉnh Đồng Tháp	04/11/1969
102	Dương Văn Cối	1927	07/1948	Thượng sĩ bộ đội QK9	05/05/1962
103	Lê Minh Đăng	1955	15/02/1974	Chiến sĩ giao bưu Hồng Ngự	15/01/1975

3. DANH SÁCH THƯỜNG BINH XÃ TÂN HỘ CƠ CHỐNG MỸ, CHỐNG PHÁP VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (xã Tân Hộ Cơ ngày nay)

S T T	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	NGÀY THAM GIA CM	CẤP BẬC, CHỨC VỤ ĐƠN VỊ	LOẠI
1	2	3	4	5	6
01	Lê Văn Dừa	1948	1966	Tiểu đội trưởng B ₄ đặc công Hồng Ngự	2/4
02	Trần Ngọc Đạt	1959	30/03/1981	Trung sĩ ĐĐT đại đội trinh sát E ₂ F ₄	2/4
03	Lê Văn Đục	1950	1971	Du kích xã Tân Hộ Cơ	3/4
04	Nguyễn Văn Học	1937	10/10/1964	Xã đội chánh du kích Tân Hộ Cơ	3/4
05	Đặng Văn Le	1952	06/04/1975	Xã đội phó Tân Hộ Cơ	3/4
06	Đặng Văn Em	1952	05/1978	Du kích xã Tân Hộ Cơ	3/4
07	Lý Văn Danh	1965	25/02/1984	Trung sĩ D ₆ E ₂ F ₃₃₀	3/4
08	Phạm Văn Chũ	1925	1947	Tiểu đội phó Miên Việt liên quân (CPC)	3/4
09	Lê Văn Út	1950	1970	A phó 2 - 71 Quân khu 2	3/4
10	Đặng Văn Kết	1954	02/1968	B phó C ₁ ĐP quận Hồng Ngự	3/4
11	Nguyễn Văn Đạt	1949	10/10/1967	Trung sĩ tiểu đoàn 1 Long An	3/4
12	Nguyễn Văn Sỏi	1949	13/06/1967	A trưởng	3/4
13	Phan Hồng Dương	1935	1960	Du kích xã Tân Hộ Cơ	3/4
14	Dương Văn Bật	1945	1962	Tiểu đội phó tiểu đoàn 502	4/4
15	Võ Hoàng Minh	1940	15/02/1956	Trung đội phó địa phương Hồng Ngự	4/4

1	2	3	4	5	6
16	Nguyễn Văn Bô	1947	1960	Trung đội trưởng B du kích liên xã	4/4
17	Lý Văn Thôi	1947	13/02/1966	Trung uý địa phương Hồng Ngự	4/4
18	Thái Văn Thảo	1930	1966	Xã đội phó du kích Tân Hộ Cơ	4/4
19	Phan Sơn Trắng	1945	1964	Chuẩn uý CTV địa phương Hồng Ngự	4/4
20	Nguyễn Công Tâm	1941	01/1961	Thượng sĩ trung đội phó 16A Cửu Long	4/4
21	Lê Văn Cuốn	1950	1968	Du kích xã Tân Hộ Cơ	4/4
22	Lê Văn Búa	1951	1970	A trưởng C ₂ địa phương Hồng Ngự	4/4
23	Nguyễn Văn Đờ	1951	01/04/1970	A trưởng trung đoàn 3 tiểu đoàn 3 A ₃	4/4
24	Nguyễn Thành Phúc	1948	08/9/1965	Tiểu đội phó tiểu đoàn 267A	4/4
25	Trần Thị Giếng	1928	1947	Ban Chấp hành phụ nữ	4/4
26	Lâm Văn Nhon	1969	03/07/1987	Chiến sĩ C ₁₈ F ₃₃₉ Quân khu 9	4/4
27	Lê Văn Mông	1958	11/1976	Đoàn 50 Quân khu 9	4/4
28	Nguyễn Văn Tân	1953	11/1976	Hạ sĩ E ₉ F ₈	4/4
29	Võ Văn Thi	1963	02/1982	Hạ sĩ A trưởng tiểu đoàn 25 F ₃₀₉	4/4
30	Võ Văn Lâm	1960	15/8/1977	Tài vụ BCH quân sự xã Vĩnh Gia	3/4
31	Phan Văn Ngổng	1928	1947	Chiến sĩ du kích xã An Bình	4/4
32	Đặng Văn Thắng	1961	02/1980	Thượng sĩ sư đoàn 339	3/4
33	Nguyễn Công Thành	1953	1972	Thượng sĩ	3/4
34	Lê Văn Rơ	1953		A trưởng đội bảo vệ	4/4
35	Hồ Văn Mũi	1954		Du kích xã	3/4

**DANH SÁCH THƯƠNG BINH XÃ TÂN HỘI CƠ
CHỐNG MỸ, CHỐNG PHÁP VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC
(xã Bình Phú ngày nay)**

S T T	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	NGÀY THAM GIA CM	CẤP BẬC, CHỨC VỤ ĐƠN VỊ	LOẠI
1	2	3	4	5	6
01	Nguyễn Thanh Phong	1952	1967	A phó công trường cơ giới Hồng Ngự	2/4
02	Nguyễn Văn Cẩn	1955	1978	Du kích xã Tân Hội Cơ	2/4
03	Phạm Hoàng Thương	1928	1954	Tiểu đội trưởng địa phương Hồng Ngự	2/4
04	Hồ Văn Giai	1966	1986	Đoàn 479 Quân khu 7	2/4
05	Đoàn Văn Cường	1957	05/1975	Địa phương Hồng Ngự	2/4
06	Nguyễn Văn Dân	1964	02/1982	Trung sĩ tiểu đội trưởng đại đội 2 QK9	2/4
07	Dương Văn Hòa	1954	1970	Thiếu úy phó chánh trị viên	3/4
08	Nguyễn Văn Hải	1957	07/1975	Trung sĩ đồn biên phòng 783	3/4
09	Ngô Văn Dùm	1933	1957	B ₂ công an Hồng Ngự	3/4
10	Nguyễn Văn Đồ	1968	02/1980	Thượng sĩ sư 339	3/4
11	Đặng Văn Thống	1961	12/12/1977	Chiến sĩ du kích Tân Hội Cơ	3/4
12	Nguyễn Văn Cứng	1945	09/1965	Du kích Tân Hội Cơ	3/4
13	Trương Văn Hồ	1939	05/01/1960	Tiểu đội phó tiểu đoàn 295 Quân khu 2	3/4
14	Phạm Hoàng Theo	1950	1968	Trung đội trưởng du kích Tân Hội Cơ	3/4

1	2	3	4	5	6
15	Phan Van Dái	1968	02/03/1987	H ₂ sư đoàn 339	3/4
16	Nguyễn Văn Tuổi	1944	1960	Xã đội phó Tân Hộ Cơ	2/4
17	Nguyễn Văn Oanh	1969	1987	Trung sĩ sư đoàn 339	3/4
18	Nguyễn Văn Huế	1948	1965	Tiểu đội trưởng B đặc công Hồng Ngự	4/4
19	Nguyễn Văn Đào	1966	02/1984	Thượng sĩ ĐĐ phó BD trình sát sư 330	4/4
20	Bùi My	1920	08/1947	CS BD trung đoàn 108 tỉnh QN - ĐN	4/4
21	Huỳnh Thị Nhi	1930	1951	Chi hội phó Việt Kiều (Campuchia)	4/4
22	Phan Văn Cường	1954	1968	Trung đội phó thông tin Tỉnh đội ĐT	4/4
23	Nguyễn Văn U	1950	1970	Du kích xã Bình Thạnh	4/4
24	Bùi Thị Lân	1938	05/06/1964	Nhân viên cơ quan lương thực	4/4
25	Dương Tấn Nhỏ	1956	04/1975		4/4
26	Nguyễn Trợ	1926		Du kích	1/4

4. DANH SÁCH BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG



- **LÊ THỊ LƯỢNG**

- Sinh 1912
- Chỗ ở: ấp Công Tạo, xã Bình Phú, Tân Hồng, Đồng Tháp



- **NGUYỄN THỊ LÝ**

- Sinh: 1906
- Chỗ ở: ấp Công Tạo, xã Bình Phú, Tân Hồng, Đồng Tháp

(Không có ảnh)

- **VÕ THỊ CHỈ**

- Chỗ ở: ấp Gò Da, xã Bình Phú, Tân Hồng, Đồng Tháp

5. TIỂU SỬ ÔNG NGUYỄN VĂN CƠ

Nguyễn Văn Cơ, người làng Bình Thạnh (nay là Tân Hộ Cơ, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp), là một nông dân ở địa phương. Ông là một trong những người có công vận động bà con đến khai phá và định cư trên các gò ở Sa-rày.

Là một người nhiệt tình yêu nước, căm thù bọn xâm lược sâu sắc, khoảng năm 1940, khi nhà sư Trần Liên đến Sa-rày lập chùa, ông Nguyễn Văn Cơ nhận thấy nhà sư Trần Liên chẳng những là một nhà tu hành có đạo hạnh cao mà còn một người yêu nước, nên ông không ngần ngại đến qui y. Với sự tiếp tay của ông, chùa Phước Thiện trở thành một cơ sở cách mạng vững chắc, chùa vừa là nơi trú đóng của nhiều đơn vị, cơ quan, vừa cung cấp lương thực, thuốc men cho cán bộ, bộ đội, du kích địa phương.

Khoảng năm 1947, đội du hình (ban ám sát của ta) thường trú đóng trong chùa. Tháng 8 năm 1947 (ngày 15/7 âm), giặc Pháp đột kích bao vây chùa. Ban ám sát và mọi người đều bỏ chạy, ông tình nguyện ở lại giấu cất tài liệu và vật dụng có liên quan đến kháng chiến. Trong lúc cấp bách, ban ám sát bỏ quên hai quả lựu đạn mà ông cũng không thấy để cất giấu. Bọn giặc đến tịch thu hai quả lựu đạn và bắt ông đánh đập tàn nhẫn để khai thác. Ông cắn răng chịu đòn roi của giặc không

hề khai báo nửa lời. Bọn giặc bắn chết ông và phóng hoả đốt chùa.

Tám gương hy sinh thân mình để bảo vệ cách mạng của ông được Đảng bộ địa phương và nhân dân vô cùng quý trọng và tôn vinh, nên khi tách ra một ấp của xã Bình Thạnh để lập một xã mới, chánh quyền cách mạng cấp trên chấp nhận đề nghị của xã lấy tên ông đặt tên xã mới "Tân Hộ Cơ".

Địa danh này được giải thích như sau: Cơ là tên ông Nguyễn Văn Cơ; Tân là chỉ xã mới lập; Hộ có nghĩa là bảo hộ vệ. Song, cũng có cách giải thích khác: Tân Hộ là vùng dân cư mới.

6. NHÀ SƯ TRẦN LIÊN VÀ CHÙA PHƯỚC THIỆN

Ông Trần Liên sanh ra trong một gia đình nho giáo ở thôn Trung Lý, xã Phổ Vinh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Hiện nay chưa rõ lúc thiếu thời ông học và sinh sống ra sao và vào Nam lúc nào. Đến năm 1869, lúc thực dân Pháp đã chiếm toàn bộ Nam kỳ, ông xuất gia đầu Phật.

Năm 1889, ông xây dựng ngôi chùa đầu tiên ở Giồng Trôm (Bến Tre). Sau đó ông đi hành đạo ở vùng biên giới Việt-Miên (vùng Thất Sơn-Châu Đốc) và xây



Chùa Phước Thiện

dựng ở đây sáu ngôi chùa: ở núi Thất Sơn và Tà Lơn (1893), ở núi Ông Cấm (1911), ở núi Két (1905), ở Vô Ông Bướm (1908) và ở núi Dài (1913).

Sau đó, ông về Hoằng Hoá ở vùng Hà Tiên-Phú Quốc và dựng ở đây năm ngôi chùa: ở núi Đá Dựng năm 1917, ở Phú Quốc năm 1922, ở Tô Châu năm 1927, ở núi Ông Chọi năm 1930 và ở núi Kỳ Vân năm 1935.

Hầu hết các chùa do ông xây dựng đều ở những nơi hẻo lánh, vắng vẻ và thường là nơi dừng chân của những người sa cơ, lỡ bước, trong đó phần lớn là những người làm quốc sự bị giặc truy lùng...

Cuối cùng, ông dừng chân, dựng một cái am nhỏ trên một cái gò thuộc giồng Sa-rày (nay thuộc ấp I, thị trấn Sa-rày). Năm tháng trôi qua, nhờ tu hành đức độ, đệ tử ngày một đông; bá tánh trong vùng giúp ông xây dựng một ngôi chùa thay cho cái am ngày trước. Vì thế gò này mang tên là gò Chùa. Chùa không chỉ thờ Phật, làm nơi tụng niệm kinh kệ, mà thường hay cứu mang, cứu giúp những kẻ sa cơ, lỡ bước, nên có tên là Phước Thiện. Ông khuyên bảo đệ tử ăn hiền ở lành, tu tâm sửa tánh, cứu giúp kẻ hoạn nạn theo giáo lý nhà Phật. Trong các buổi giảng giáo lý, ông thường dẫn các tấm gương yêu nước của những người tu hành, các nhà sư thời nhà Trần, khi nước ta bị quân Nguyên Mông xâm lược, để khơi dậy lòng yêu nước trong các đệ tử. Bản thân ông cũng làm nhiều điều thiện, giúp đỡ người làm

quốc sự phải ly hương trốn tránh... chớ không thuyết giảng suông. Ông trở thành một vị sư có tiếng tăm trong vùng.

Ông Nguyễn Văn Cơ, một nông dân yêu nước ở địa phương, tham gia hoạt động cách mạng hợp pháp từ năm 1944, cảm nhận được "đạo tâm" của sư Trần Liên, nên đến qui y. Cả hai cùng nhau ủng hộ, nuôi chứa cán bộ du kích. Lâu ngày, chùa Phước Thiện trở thành một cơ sở cách mạng vững chắc.

Trong hai năm 1945-1946, ông bị hết bọn Nhứt rồi bọn Pháp nghi ngờ là Việt Minh, nên bắt giam. Sau một thời gian điều tra, tìm không ra chứng cứ để buộc tội, chúng đành phải thả ông ra.

Đầu năm 1947, sư Trần Liên giao chùa cho ông Cơ quản lý và đến lập chùa mới (nay thuộc ấp Công Tạo, xã Bình Phú).

Với cơ sở tu hành mới, sư Trần Liên vẫn tiếp tục một lòng với cách mạng. Ở đây chẳng những nhà sư nuôi chứa cán bộ (của xã, huyện và cả tỉnh), mà còn hốt thuốc trị bệnh miễn phí cho dân nghèo. Nên chùa được Mặt trận Việt Minh tỉnh Châu Đốc đặt tên là Phước Thiện.

Nhà sư còn huy động tín đồ, Phật tử trong vùng đắp cản Sâm Sai để ngăn tàu giặc và đào hai con kinh gò Suông và gò Ôi tạo điều kiện đi lại thuận lợi cho nhân dân và cán bộ du kích.

Cũng trong năm 1947, do hành động mạnh mẽ của một số phần tử Phật giáo Hoà Hảo quá khích ở An Giang, nhiều tín đồ của tôn giáo này ở các cù lao Long Khánh, Long Thuận, Phú Thuận... tản cư vào Sa-rây đều được nhà chùa giúp đỡ chỗ ăn, chỗ ở trong lúc khó khăn. Trong số dân tản cư có một số là cán bộ đảng viên; các đồng chí này đánh giá cao hành động của ông.

Phong trào kháng chiến chống Pháp lan rộng khắp nơi, chùa Phước Thiện trở thành một nơi nuôi chứa cán bộ, du kích, cung cấp lương thực cho bộ đội, tổ chức hội nghị, tổ chức lớp học của huyện, của tỉnh. Dù tuổi cao sức yếu, nhưng ông cũng tham gia vào các hoạt động vận động Phật tử ủng hộ kháng chiến. Vào cuối năm 1950 đích thân đồng chí Tám Hứa, Bí thư Huyện uỷ Hồng Ngự vận động và kết nạp ông vào Đảng. Ông được bố trí sinh hoạt trong chi bộ xã Tân Hộ Cơ và được phân công phụ trách việc vận động tín đồ Phật giáo trong khu vực tham gia cách mạng.

Mùa nước năm 1952, giặc Pháp tổ chức trận càn lớn bằng đường thủy từ Trà Bét (Campuchia) tràn qua biên giới. Chúng bắn giết, đốt phá nhiều nhà cửa của đồng bào kéo dài ba ngày, làm chết nhiều người và trâu bò. Biết chùa Phước Thiện là cơ sở cách mạng, chúng cho lính đập phá rồi đốt luôn. Phải mất một thời gian khá lâu, nhà sư Trần Liên mới vận động nhân dân xây dựng lại được.

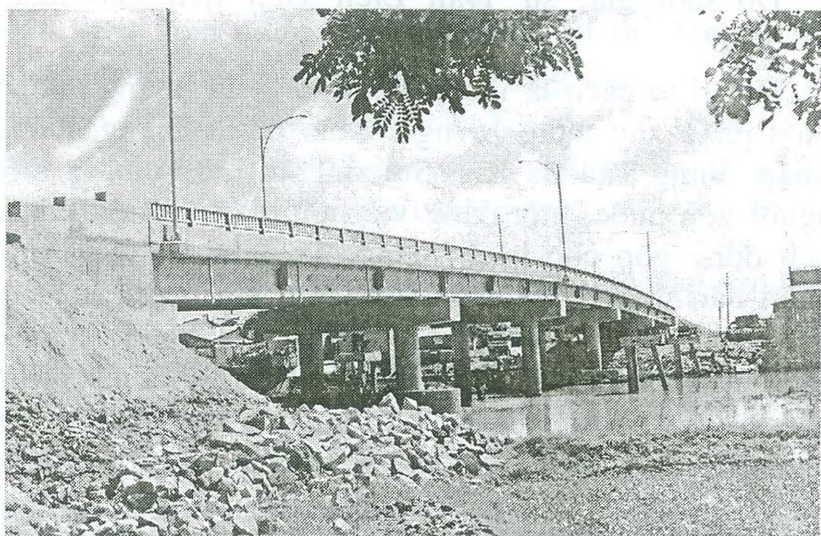
Sau Hiệp định Genève, ông không tập kết, được bố trí ở lại, dưới sự lãnh đạo đơn tuyến của đồng chí Mười Chắp, Bí thư chi bộ xã Tân Hộ Cơ. Khoảng cuối năm 1955, bọn lính ngụy Ngô Đình Diệm kéo vào lập đồn ngay trong khuôn viên chùa. Sư Trần Liên bỏ chùa ra Long Hải (Bà Rịa-Vũng Tàu) lập chùa khác, ở Cầu Tum (1957) và Đất Đỏ (1963). Khi đồng chí Mười Chắp qua đời, thì đồng chí Bảy Đồng (Bí thư) tiếp tục lãnh đạo; móc nối đưa ông trở về tiếp tục hoạt động trở lại. Đến năm 1961-1962, ngụy quyền Sài Gòn đưa dân miền Trung vào lập khu dinh điền ở Sa-rày, ông được phân công vận động số dân này đấu tranh trở về quê cũ. Kết quả có đến gần 90% đồng bào miền Trung bỏ khu dinh điền trở về quê.

Do tuổi già, sư Trần Liên viên tịch vào ngày 6/3/1969.

Ngoài tư cách là một nhà sư, ông đã hoằng dương Phật pháp xây dựng 15 ngôi chùa ở An Giang, Đồng Tháp, Vũng Tàu-Bà Rịa. Sư cố Trần Liên còn là một người yêu nước, một đảng viên ưu tú, có nhiều thành tích đóng góp cho cách mạng địa phương: vận động nhân dân ủng hộ cách mạng, tham gia đắp坎, đào kinh, giác ngộ nhiều Phật tử theo cách mạng. Trong đó, có các ông Nguyễn Văn Cơ, Tấn Công, Sáu Chí (tên hai ông này được ghép lại đặt tên cho một xã mới "Tân Công Chí") và nhiều người khác đã giữ một số chức vụ trong tổ chức cách mạng, như bà Tảo, bà Bảy Ái, ông Nguyễn Văn Mầu. Do đó, hiện nay ông đang được lập hồ sơ đề nghị cấp trên khen tặng.

CẦU BẢY MƯƠI HAI NHỊP

Bưng Sa-rày là một cái bưng rộng, trước thuộc Hồng Ngự, nay thuộc huyện Tân Hồng (Đồng Tháp) dài cả chục cây số, chạy từ sông Sở Hạ ngang qua giồng Sa-rày, xuống dứt Gò Suông, Rộc Muồng, Giồng Găng... Bưng quanh năm nước đọng, kể cả mùa khô, đầy cỏ dại, lau sậy... nên là chốn dung thân lý tưởng của một số loài thủy tộc. Do bưng sâu lại ít người khai thác, nên chúng rất lớn; nói theo kiểu nông dân, cá rô đồng ở đây "biết nói", cá lóc "mọc râu" trên đầu có chữ "nhơn", cá bông ba bốn chục ký một con là chuyện thường; ngoài ra còn có rùa, rắn, trăn, kể cả cá sấu...



Cầu 72 nhịp bắt qua bưng SaRày, nay được thay thế bằng cầu bê tông

Theo các bô lão sống nhiều đời ở đây, thì trước thời kháng chiến chống Pháp, cá sấu bưng Sa-rày có con lớn đến nỗi thân nó một người ôm không giáp. Cá sấu thường bò lên mé bưng bắt bò nghé, trâu nghé kéo xuống bưng ăn thịt...

Trong kháng chiến chống Pháp có nhiều cơ quan của tỉnh Châu Đốc, huyện Hồng Ngự, Xứ ủy Nam kỳ về bưng Sa-rày xây dựng căn cứ. Mùa nước thì đi lại bằng xuồng ghe; mùa khô đi bộ. Song việc qua lại bưng Sa-rày thì hết sức khó khăn, vất vả cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân. Đĩa đeo, rấn cấn, trần quần, nước sâu hụt giò, cá sấu táp... luôn là nỗi ám ảnh đối với mọi người. Do đó, việc xây dựng một cây cầu ngang qua bưng là một yêu cầu hết sức bức thiết.

Được cấp trên cho phép, mùa mưa năm 1945, cán bộ địa phương cùng cơ quan và bà con quanh vùng phối hợp nhau tổ chức bắc cầu qua bưng. Họ đến gò Quẩn Đức, gò Năm Nơì xin cây giang tây, tre gai... đốn, bắt trâu kéo về vị trí bắc cầu. Xóc treo, thả nhịp, cột tay vịn... lần tới, lần tới; mỗi nhịp khoảng bốn thước. Cứ như vậy, gần một tuần lễ trôi qua bắc được 72 nhịp, mới nối liền được hai bờ bưng và mới biết là bưng Sa-rày rộng gần 300 thước tây!

Cầu bắc xong, chưa kịp đặt tên, thì mọi người đều gọi là "Cầu 72 nhịp".

Cầu phục vụ bà con, cán bộ chiến sĩ địa phương đi lại làm ăn công tác nhanh chóng tiện lợi. Nhưng vì là "cầu tre lắt lẻo", chịu lực dở, nên mỗi khi muốn qua cầu, phải nhìn đầu cầu phía bên kia coi có người qua hay không, rồi mới lên cầu, tránh tình trạng "kẹt" cầu, có thể dẫn đến sập cầu vì "quá tải". Để đề phòng máy bay địch phát hiện, nên cầu luôn phải được ngụy trang.

Cầu 72 nhịp tồn tại được ba năm thì bị địch phát hiện cho máy bay bắn phá. Để tránh thiệt hại về người, ta không chủ trương bắc cầu lại. Việc qua bưng được khắc phục bằng nhiều biện pháp khác.

Sau ngày giải phóng, để khai thác tiềm năng Đồng Tháp Mười phục vụ quốc kế dân sinh, bưng Sa-rày được nạo vét thành một dòng kinh sâu. Con đường nối liền thị trấn Sa-rày với hai xã Tân Thành, Thông Bình bị dòng kinh này cắt ngang, được nối liền bằng một cây cầu bê tông kiên cố dài mấy chục thước với một nhịp chính. Song cầu vẫn được mang tên là "Bảy Mười Hai Nhịp".

Cầu Bảy Mười Hai Nhịp là một dấu ấn lịch sử đã đi vào lòng nhân dân địa phương.

**TÓM TẮT NHỮNG THÀNH TỰU
CHỦ YẾU VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI, AN NINH
- QUỐC PHÒNG, XÂY DỰNG ĐẢNG,
CHÍNH QUYỀN, ĐOÀN THỂ
XÃ TÂN HỘ CƠ (1975 - 2005)**



HĐND, UBND xã Tân Hộ Cơ

**I. ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN XÃ TÂN HỘ CƠ
ĐỐI MẶT VỚI CUỘC CHIẾN TRANH BIÊN GIỚI
TÂY NAM:**

1. Tình hình địch và ta:

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, nhân dân xã Tân Hộ Cơ bắt tay vào xây dựng quê hương sau nhiều năm bị chiến tranh tàn phá.

Hòa bình chưa được bao lâu (1975 - 1976) thì Đảng bộ và nhân dân xã Tân Hộ Cơ lại phải đối mặt với một cuộc chiến tranh mới, chiến tranh bảo vệ tổ quốc (chiến tranh biên giới Tây Nam).

Đầu năm 1976 bọn pôn-pốt - Iên-xa-ry có những hoạt động quân sự gây khiêu khích, lấn chiếm trên toàn tuyến biên giới của xã Tân Hộ Cơ. Đến giữa năm 1976 chúng đã tăng cường hoạt động võ trang đột nhập, ban đêm có những toán vũ trang từ 5 đến 10 tên đột nhập sâu vào các khu dân cư đốt phá, giết người, làm cho nhân dân hoang mang, lo sợ, không yên tâm sản xuất.

Về phía ta, lúc này công tác chuẩn bị mọi mặt cho chiến đấu và phục vụ chiến đấu được đưa lên hàng đầu. Đảng bộ xã Tân Hộ Cơ thời điểm này có khoảng 25 đảng viên, đ/c Lê Trung làm bí thư xã, đ/c Phan Thành Phương, Phó Bí thư Chủ tịch xã, các đoàn thể như phụ nữ do đ/c Hai Mận làm hội trưởng, đ/c Nguyễn Thị Kim Đua hội phó; đ/c Trần Phước Thọ làm Bí thư xã đoàn; đ/c Ba Lực làm Chủ tịch Hội nông dân...

Công an xã đ/c Trần Văn Cầu làm Trưởng, đ/c Trần Văn Tiến làm phó.

Về lực lượng du kích xã có một trung đội. Thời điểm năm 1976 - 1977, đ/c Lê Hồng Rảnh làm xã đội trưởng, đ/c Bí thư xã kiêm xã đội chánh, về sau này đ/c

Nguyễn Văn Học làm xã đội chánh; đ/c Phan Sơn Trắng làm xã đội trưởng.

Lực lượng du kích ấp lúc này quân số được tăng cường, mỗi ấp có một trung đội, có ấp trên 1 trung đội như ấp Chiến Thắng và ấp Công Tạo. Đ/c Hoàng Thương làm ấp đội trưởng Công Tạo. Trong chiến tranh biên giới Tây Nam du kích Hoàng Thương rất nổi tiếng vì đã lập được nhiều thành tích xuất sắc trong chiến đấu ⁽¹⁾.

Về trang bị vũ khí: lực lượng du kích xã kể cả du kích ấp được trang bị tương đối khá. Các loại vũ khí như AK, CKC, AR15 có cả trung liên, B40...

Ngoài lực lượng du kích, địa bàn xã Tân Hộ Cơ còn có các đơn vị đóng quân: biên phòng, bộ đội của tỉnh, của một vài huyện tăng cường.

2. Thành tích chiến đấu bảo vệ biên giới của quân và dân xã Tân Hộ Cơ:

Khởi đầu cuộc chiến (như đã nói phần trên) địch ráo riết hoạt động võ trang với những hành động khiêu khích, đột nhập, lấn chiếm. Sau đó chúng tảo bạo hơn là liên tục pháo kích vào các khu dân cư ở xã gây thiệt hại rất lớn về người và tài sản của nhân dân, cao điểm

(1) Du kích Hoàng Thương là do nhân dân đặt vì đ/c Hoàng Thương làm ấp đội trưởng, đã chỉ huy lực lượng du kích ấp Công Tạo lập được nhiều thành tích trong chiến đấu.

của cuộc chiến tranh biên giới, vào những năm 1978 - 1979 bọn Pôn-pốt - Iên-xa-ry đã huy động phần lớn lực lượng quân đội chính qui, mở các đợt tấn công với qui mô lớn vào nước ta trên toàn tuyến biên giới Tây Nam.

Quân và dân Tân Hộ Cơ lúc này cũng đương đầu với một cuộc chiến tranh khốc liệt. Nhiều khu dân cư bị tàn phá do đạn pháo của Pôn-pốt, 40% số nhà cửa của dân trong xã bị đốt phá, ruộng lúa bị đốt sạch; nhiều người dân bị Pôn-pốt giết hại, có gia đình bị giết gần hết ⁽¹⁾

Lúc này đời sống nhân dân vô cùng khó khăn, hầu hết dân trong xã bị đói, do chiến tranh nên không ổn định sản xuất, cộng với cơn lũ năm 1978, làm mất sạch lúa và hoa màu, trên 90% dân trong xã phải nhận cứu trợ, nhiều gia đình không chịu nổi phải di tản đến các huyện khác sống. Tuy nhiên vẫn còn trên phân nửa dân kiên quyết bám trụ để sản xuất và phục vụ chiến đấu.

Năm 1979, quân Pôn-pốt đã tấn công ồ ạt vào toàn địa bàn xã, một số chốt, trạm biên phòng và 1 số đơn vị của trên, không giữ nổi gom hết về ấp Gò Bói, dân thì số chạy được xuống xã Tân Công Chí còn lại trên 100 hộ cũng gom về Gò Bói.

(1) Gia đình ông Minh bị Pôn-pốt giết cả thấy 8 người: vợ, con, cháu chỉ còn mình ông chạy thoát.

Lúc này địch đã thọc sâu vào các xã nội địa, ấp Gò Bói xã Tân Hộ Cơ bị bao vây cô lập.

Nhân dân, chính quyền và lực lượng du kích cùng với một số lực lượng của trên bị kẹt lại trong ấp Gò Bói, khẩn trương chuẩn bị mọi điều kiện hiện có, quyết tử thủ sẵn sàng bẻ gãy các đợt tấn công của địch.

Trong tình thế vô cùng khó khăn, không có lương thực, không có thuốc men, hàng ngày phải hứng chịu nhiều đợt pháo kích của địch, tối đến phải chống đỡ để dập tắt nhiều mũi tấn công của quân Pôn-pốt. Những tưởng gò Bói sẽ không thể trụ vững trong một tuần lễ, thế mà với ý chí quật cường, lòng gan dạ dũng cảm, chịu đựng mọi gian khổ hy sinh, quân và dân xã Tân Hộ Cơ đã lập nên một chiến công hiển hách. Gò Bói vẫn giữ vững cho đến ngày quân Khơme đỏ tháo chạy Campuchia giải phóng ⁽¹⁾.

3. Một số trận đánh tiêu biểu của lực lượng du kích xã, ấp.

- **Trận thứ 1:** Vào giữa tháng 3 năm 1977 lúc 2 giờ đêm, địch đột nhập vào khu dân cư ấp Gò Bói, quân số khoảng 3 trung đội. Chúng đốt nhà và sát hại dân ta, ta phát hiện, lực lượng du kích nhanh chóng triển khai, bố trí đội hình chiến đấu sau một giờ đồng hồ chiến đấu quyết liệt, địch rút chạy, ta làm chủ trận địa, trong trận này ta tiêu diệt gần 100 tên (địch bỏ xác lại) thu được nhiều vũ khí.

(1) Ấp Gò Bói bị bao vây trên 1 tháng

- **Trận thứ 2:** Vào trung tuần tháng 4 năm 1977, địch đánh chiếm gò Rượu quân số 2 trung đội, lực lượng du kích xã phối hợp với bộ đội của tỉnh tổ chức đánh vào ban ngày (lúc 5 giờ chiều) hơn 10 phút nổ súng địch tháo chạy trận này ta diệt được 10 tên.

- **Trận thứ 3:** Vào lúc 1 giờ sáng ngày 19/11/1977 địch tập kích vào Gò Chùa, quân số khoảng 1 trung đội, bị du kích đánh chặn, chúng tháo chạy bỏ xác lại 2 tên ta thu nhiều vũ khí.

- **Trận thứ 4:** Vào khoảng giữa tháng 9 năm 1978, lúc 10 giờ đêm, từ hướng Lăng Xăng địch hành quân vào Gò Bói, đi trên 3 chiếc xuồng, trên đường đi chúng đã lọt vào ổ phục kích của du kích xã, ta nổ súng diệt gọn 12 tên, thu 3 xuồng cùng với vũ khí.

- Ngoài ra, trong gần 4 năm chiến đấu bảo vệ biên giới lực lượng du kích xã, ấp đã tổ chức đánh hàng trăm trận lớn nhỏ, diệt hàng trăm tên địch, thu được nhiều vũ khí, bảo vệ cho nhân dân sinh sống, sản xuất và phục vụ chiến đấu.

Lực lượng du kích xã phối hợp với bộ đội đánh nhiều trận ác liệt, góp phần bảo vệ và giữ vững được biên giới của tổ quốc.

Nhân dân kiên trì bám trụ, Đảng bộ bám sát địa bàn để lãnh đạo chiến đấu và sản xuất.

Đảng bộ, quân, dân xã Tân Hộ Cơ được Nhà nước tuyên dương Anh hùng vì đã có thành tích xuất sắc trong cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam.

II. NHỮNG THÀNH TỰU CHỦ YẾU VỀ KINH TẾ - XH; AN NINH QUỐC PHÒNG; XÂY DỰNG ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN ĐOÀN THỂ (TỪ 1975 - NAY):

1. Về kinh tế:

a/ Sản xuất nông nghiệp:

Trước 30/4/1975, chiến tranh rất ác liệt nhân dân ở đây thường xuyên hứng chịu bom, đạn. Từ năm 1975 đến năm 1979 lại tiếp tục đối mặt với chiến tranh biên giới Tây Nam. Do đặc điểm trên nên nhân dân ở đây vừa sản xuất, vừa chiến đấu và phục vụ chiến đấu nên nông dân chỉ làm được lúa chính vụ (dân địa phương thường gọi là lúa sạ) một năm chỉ làm 1 vụ, năng suất rất thấp, bình quân khoảng 2 tấn/ha.



Thu hoạch lúa vụ 3 Tân Hộ Cơ

Từ năm 1975 - 1988 nông dân vẫn sản xuất loại lúa này. Diện tích gieo trồng trong giai đoạn này là 1904 ha, bình quân lương thực đầu người 200kg/người/năm.

Năm 1989 huyện Tân Hồng được tách ra từ huyện Hồng Ngự, Tân Hộ Cơ cũng tách ra 1 ấp để lập xã mới là xã Bình Phú. Từ khi tách xã, Đảng ủy có chủ trương tập trung thâm canh tăng vụ, vận động nhân dân chuyển từ sản xuất lúa một vụ sang 2 vụ được 1200 ha, đến năm 1992 chuyển dứt điểm 2270 ha cho đến nay, năng suất bình quân 13 tấn/ha/năm, tăng gấp 5-6 lần so với sản xuất lúa chính vụ, bình quân lương thực đầu người 3,2 tấn/người/năm.

b/ Thương mại - dịch vụ:

Cùng với sự phát triển của nông nghiệp, thương mại dịch vụ cũng phát triển đáng kể.

Năm 1975 toàn xã có 1 chợ với vài ba chục hộ tham gia mua bán nhỏ lẻ. Nay chợ xã được xây dựng khang trang trên địa bàn xã có khu kinh tế cửa khẩu Dinh Bà, tiềm năng phát triển biên mậu là rất lớn. Hiện nay có 250 hộ kinh doanh mua bán, vốn lưu động hơn 3 tỷ đồng, chiếm tỉ trọng trên 10% trong cơ cấu kinh tế của xã.



Chợ xã Tân Hộ Cơ



Chợ biên giới Dinh Bà

c/ Về giao thông, thủy lợi, điện:

- Vào thời điểm năm 1975, hệ thống giao thông rất thấp kém, giao thông bộ chỉ có các con đường làng dùng để đi bộ và để vận chuyển hàng hóa, lúa gạo bằng xe trâu, bò, chưa có đường bộ ra đến trung tâm huyện, việc đi lại chủ yếu bằng đường thủy.



Quốc lộ 30 đến Dinh Bà (Tân Hộ Cơ)

Hiện nay có quốc lộ 30 đi qua địa bàn xã đến cửa khẩu Dinh Bà dài 6km, hệ thống giao thông nông thôn tương đối hoàn chỉnh, xe bốn bánh đi lại được trong toàn xã và đến huyện lỵ.

- Năm 1975 hệ thống thủy lợi nhân tạo gần như chưa có gì, chỉ có sông, rạch tự nhiên chủ yếu phục vụ cho giao thông đường thủy và nước sinh hoạt cho nhân dân.

Từ năm 1975 đến nay với phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm" đã đầu tư hàng trăm tỉ đồng để nạo vét sông, đào mới kênh tạo nguồn, xây dựng hệ thống thủy lợi nội đồng đáp ứng đủ nhu cầu phục vụ cho sản xuất.

- Trước năm 1990 xã chưa có điện, nay lưới điện quốc gia được phủ kín trong toàn xã, hiện có hơn 90% hộ dân sử dụng điện. 95% diện tích đất sản xuất nông nghiệp được bơm tưới bằng điện.

d/ Xây dựng cơ bản:

- Năm 1975 nhà ở của dân chủ yếu bằng tre lá, tạm bợ, hiện nay có đến 95% nhà kiên cố và bán kiên cố (nhà tường, nhà gỗ lợp ngói và tre) chỉ còn 5% nhà tạm bợ.



Khu dân cư Dinh Bà

- Năm 1975 toàn xã có 2 điểm trường cấp 1 với 5 phòng bán kiên cố và 2 phòng tre lá. Đến nay toàn xã có 13 điểm trường với đủ 3 cấp học (mầm non, tiểu học và trung học cơ sở) với 75 phòng học kiên cố và bán kiên cố, xóa hết các phòng tre lá, không còn tình trạng học ca 3.

- Được sự quan tâm của Trung ương, Tỉnh, Huyện đã đầu tư xây dựng 3 cụm dân cư và 3 tuyến dân cư vượt lũ, đưa 253 hộ vào sống ổn định.

2. Văn hóa - xã hội:

- Về giáo dục:

Sự nghiệp giáo dục ở xã không ngừng phát triển. Nếu như năm 1975 xã chỉ có 1 cấp học đó là tiểu học, tỉ



lệ học sinh trong độ tuổi đến lớp chưa tới 30% thì nay đã có đủ 3 cấp học (mầm non, tiểu học và trung học cơ sở). Chất lượng giáo dục không ngừng nâng cao, tỉ lệ học sinh trong độ tuổi đến lớp hàng năm đạt trên 98%. Đến tháng 12/1996 xã được công nhận hoàn thành công tác xóa mù chữ, đến tháng 11/2004 xã được công nhận hoàn thành công tác PCGDTHCS, và trường trung học cơ sở được công nhận đạt chuẩn quốc gia.

- Y tế:

Năm 1975 xã có 01 trạm y tế, cơ sở vật chất rất thấp kém, trạm chỉ có 2 y tá phục vụ, nay đã có trạm y tế với trang thiết bị tốt, có bác sĩ phục vụ, đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh thông thường cho nhân dân.

- Về TDTT, đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân:

+ Hiện nay, xã có 01 sân bóng đá và 2 sân bóng chuyền, phong trào TDTT của xã phát triển tốt, hàng năm có trên 15% nhân dân tham gia luyện tập TDTT.



+ Mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân ngày một nâng lên, 70% số hộ dân có radio, 50% hộ dân có tivi, phong trào văn hóa văn nghệ phát triển khá, nhất là phong trào đờn ca tài tử, hát với nhau... phong trào xây dựng đời sống văn hóa dần đi vào chiều sâu hàng năm có 95% số người đăng ký có 85% đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa.

- Về chính sách - xã hội:



*Đ/c Trương Mỹ Hoa - Phó Chủ tịch nước, về thăm và tặng quà
cho gia đình chính sách xã Tân Hộ Cơ*

+ Công tác đền ơn đáp nghĩa luôn được thực hiện tốt, chi trả kịp thời mọi chế độ cho đối tượng chính sách. Hiện chỉ còn 2 hộ/124 hộ gia đình chính sách thuộc diện nghèo. Các năm qua đã xây cất 35 căn nhà tình nghĩa, 79 căn nhà tình thương trị giá trên 1 tỷ đồng.

+ Làm tốt công tác xóa đói, giảm nghèo năm 1975 có hơn 70% hộ nghèo, trong đó có 20% hộ đói thường xuyên, đến nay xã còn dưới 5% hộ nghèo, không còn hộ đói.

3. Quốc phòng - an ninh:

- Là một xã biên giới nên ý thức về quốc phòng và an ninh luôn được Đảng bộ và nhân dân đề cao. Hàng năm các chỉ tiêu về công tác quân sự địa phương đều đạt, góp phần cùng cả nước làm tốt nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.



Luyện tập quân sự - Sẵn sàng chiến đấu



Canh giữ biên giới

- Những năm gần đây an ninh, chính trị trên địa bàn được giữ vững, trật tự an toàn xã hội luôn ổn định, các vụ trọng án không xảy ra, tệ nạn xã hội được đẩy lùi, phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc phát triển rộng khắp, tạo được sự bình yên cho nhân dân.

4. Xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể:

- Phát huy truyền thống trong lãnh đạo đấu tranh giải phóng dân tộc và trong chiến đấu bảo vệ Tổ quốc,

Đảng bộ xã Tân Hộ Cơ luôn quan tâm đến công tác đổi mới và chỉnh đốn Đảng, nên lập trường cách mạng, tư tưởng chính trị của cán bộ, đảng viên luôn được giữ vững, chất lượng và số lượng đảng viên không ngừng được nâng lên.

Năm 1975 xã chỉ có 25 đảng viên, nay Đảng bộ đã có gần 90 đảng viên, 60% trong số đó đã tốt nghiệp cấp III. Hầu hết cán bộ chủ chốt, cán bộ đầu ngành của xã đều được đào tạo có trình độ đại học, trung cấp chính trị, chuyên môn nghiệp vụ.

- Cán bộ làm công tác chính quyền phần lớn được đào tạo qua trường lớp nên hiệu quả công tác được nâng lên hiệu lực quản lý Nhà nước trên địa bàn được tăng cường, phát huy được quyền làm chủ của nhân dân. Từng bước đưa qui chế dân chủ vào cuộc sống.

- Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể được kiện toàn về Tổ chức. Nội dung và phương thức vận động, tập hợp quần chúng luôn được đổi mới, có nhiều mô hình hoạt động gắn với đời sống thiết thực của nhân dân, chất lượng đoàn viên, hội viên ngày một nâng lên.

Những thành tựu nêu trên là kết quả của sự phát huy truyền thống đấu tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc, kết hợp với sự phấn đấu không mệt mỏi của Đảng bộ và nhân dân xã Tân Hộ Cơ, quyết tâm xây dựng quê hương giàu đẹp, góp phần cùng cả nước thực hiện mục tiêu "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

MỤC LỤC

	Trang
- Lời nói đầu	7
- Phần thứ nhất	
Lịch sử truyền thống từ khởi thủy đến năm 1930	9
+ Chương 1	
Khái quát về xã Tân Hộ Cơ ngày nay	9
+ Chương 2	
Lịch sử từ khởi thủy đến năm 1930	21
- Phần thứ hai	
Truyền thống đấu tranh cách mạng của nhân dân giống Sa-rây Tân Hộ Cơ (1930 - 1975)	38
+ Chương 3	
Ảnh hưởng phong trào cách mạng trong khu vực dẫn đến cách mạng tháng Tám năm 1945 và thành lập chi bộ (1930-1948)	38
+ Chương thứ tư	
Xây dựng xã Tân Hộ Cơ thành căn cứ cách mạng phục vụ cuộc kháng chiến trường kỳ toàn dân toàn diện (1948 - 1954)	58
+ Chương thứ năm	
Đảng bộ và nhân dân xã Tân Hộ Cơ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975)	72

- Chương kết	124
- Danh sách Bí thư qua các thời kỳ	128
- Danh sách liệt sĩ xã Tân Hộ Cơ chống Mỹ, chống Pháp và bảo vệ Tổ quốc (xã Tân Hộ Cơ ngày nay)	130
- Danh sách liệt sĩ xã Tân Hộ Cơ chống Mỹ, chống Pháp và bảo vệ Tổ quốc (xã Bình Phú ngày nay)	134
- Danh sách thương binh xã Tân Hộ Cơ chống Mỹ, chống Pháp và bảo vệ Tổ quốc (xã Tân Hộ Cơ ngày nay)	140
- Danh sách thương binh xã Tân Hộ Cơ chống Mỹ, chống Pháp và bảo vệ Tổ quốc (xã Bình Phú ngày nay)	142
- Danh sách Bà mẹ VNAH	144
- Tiểu sử ông Nguyễn Văn Cơ	145
- Nhà sư Trần Liên và chùa Phước Thiện	147
- Cầu bảy mươi hai nhịp	152
- Tóm tắt những thành tựu chủ yếu về kinh tế-xã hội, an ninh quốc phòng, xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể xã Tân Hộ Cơ (1975-2005)	155

LỊCH SỬ TRUYỀN THÔNG VÀ ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG XÃ TÂN HỘ CƠ (1872 - 1975)

- *Chịu trách nhiệm xuất bản:*

NGUYỄN CHI LĂNG

UVTVHU/Trưởng ban TG.HU

- *Khai thác tư liệu (nhân chứng):*

CHI LĂNG

MINH LÀNH

TÙNG CƯỜNG

TẤN SĨ

THANH LONG

LÂM SƠN

- *Nhóm biên soạn:*

Th.S: NGUYỄN HỮU HIẾU

CN. NGUYỄN CHI LĂNG

- *Biên tập xuất bản, trình bày:*

CHI LĂNG - MINH LÀNH

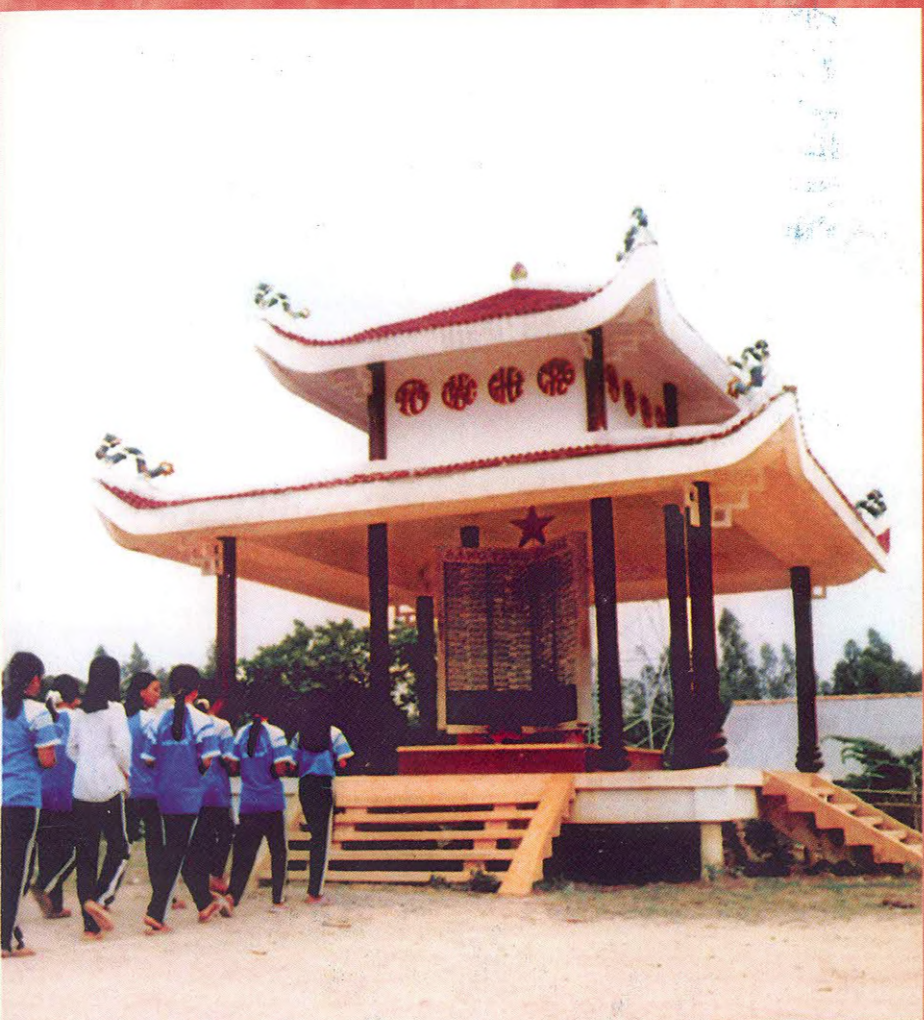
- *Bìa:*

Họa sĩ THANH HỒNG

- *Bản đồ + ảnh: Tư liệu*

- *Sửa bản in:* MINH LÀNH

Giấy phép xuất bản số 40/GPXB-SVHTT Đồng Tháp cấp ngày 14/9/2005. In 500 cuốn khổ 14x20cm. In xong và nộp lưu chiểu tháng 12/2005.



Nhà Bia thờ liệt sĩ xã Tân Hộ Cơ.



Khai thông cửa khẩu Dinh Bà